

PHẬT PHÁP BOUDDHADHARMA

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / SORTIE UNE FOIS TOUS LES DEUX MOIS

SỐ N. 03 06/ 2001

Khởi các thiện pháp bốn thị huyện
Tạo chư ác nghiệp diệt thị huyện
Thân như tụ mạc tâm như phong
Huyễn hoá vô căn vô thật tính.

*"Khởi các pháp lành vốn là huyễn
Tạo các nghiệp ác cũng là huyễn
Thân như bọt tụ tâm như gió
Huyễn hoá không gốc không thật tính".*

Đức Phật Thi Khí

"Tous les Dharmas purs que nous créons sont
essentiellement illusoires.
Les mauvaises actions que nous commettons sont
aussi illusoires.
Le corps est comme un bloc d'écume, l'esprit est
comme le vent,
Ils sont des transformations illusoires, avec
aucune racine et aucune réalité".

Le Bouddha Shikhin

Các Bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.
Cette Propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la bonne voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

MỤC LỤC / SOMMAIRE

□ *Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Sortie une fois tous les deux mois.*

□ *Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.*

□ *Les correcteurs les Sutras en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiếm Khoa.*

□ *Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang.*

□ *Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.*

□ *Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.*

□ *La revue Bouddhadharma sont publiés les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la Voie du Bouddha.*

□ *Mọi sự phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin gửi Pagode Kim Quang.*

□ *Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :
Chùa Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66*

| | |
|---|----|
| □ Kinh Hoa Nghiêm | 3 |
| □ Kinh Pháp Hoa | 6 |
| □ Chú Lăng Nghiêm | 8 |
| □ Chú Đại Bi | 10 |
| □ Phật Tổ Truyền Đăng | 12 |
| □ Pháp Giới Của Bồ Tát | 13 |
| □ Những Lời Pháp Của H.T | 14 |
| □ Đại Trí Độ Luận | 15 |
| □ Khai Thị Phật Thất . . . | 17 |
| □ Tầm Thanh Cứu Khổ . . . | 18 |
| □ Thiền Tham Thoại Đầu | 20 |
| □ Rét Nghe Kinh | 21 |
| □ Nguy Cơ Vong Quốc Diệt Chủng | 22 |
| □ Như Ý Ma Nữ | 24 |
| □ Le Sutra Du Dharma De La Fleur | 27 |
| □ Le Sutra Shurangama | 29 |
| □ Le Mantra Shurangama | 31 |
| □ Le Sutra Du Vajna Prajna Paramita | 33 |
| □ Le Bouddha Parle Le Sutra . . . | 35 |
| □ Le Verset Sur La Transmission . . . | 37 |
| □ Chant De L'Illumination | 38 |
| □ Le Monde Du Dharma . . . | 40 |
| □ Les Bonnes Leçons Morales . . . | 41 |
| □ Le Danger Principal De La Destruction . . . | 42 |
| □ Apprenons A Utiliser Les Six Organes . . | 46 |
| □ L'Essence Pour Votre Propre Nature | 47 |
| □ Le Souvenir de la Vie du Vén. . . | 48 |

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

3. Quán tâm vô thường : Tức là tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai, ba tâm không thể bắt lấy, là vô thường, cũng có thể nói : "Các pháp do nhân duyên sinh, các pháp do nhân duyên diệt", chẳng hằng thường bất biến, cho nên gọi là vô thường. Quán sát tâm người là vô thường, chân tâm mới là thường. Tại sao nói tâm người vô thường ? Vì tâm người khéo biến đổi, giống như sóng vậy, chẳng khi nào ngừng nghỉ. Tâm niệm này sinh thì tâm niệm kia diệt, niệm niệm liên tục không ngừng. Lại giống như hạt bụi trong hư không, hốt lên hốt xuống, hốt đông hốt tây, không có nhất định, đó là tâm vô thường. Gì là thường ? Tức là thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể. Đây là đạo lý quán tâm vô thường.

4. Quán pháp vô ngã : Tức là quán sát sắc, thọ, tưởng, hành, thức năm uẩn chẳng có "cái ta"(ngã). Nếu như có "cái ta" thì có chấp "cái ta"(ngã chấp). Nếu lại chấp trước nơi pháp thì có pháp chấp. Như thế thì chẳng được tự tại, chẳng được giải thoát. Nếu quán pháp vô ngã, hai pháp đều không, người cũng chẳng có ngã, pháp cũng chẳng có ngã thì phá được người và pháp hai chấp. Đó là đạo lý quán pháp vô ngã.

A. Sắc pháp : Phạm là thấy được hình tướng, nói ra được danh từ thì tất cả hết thấy đều gọi là sắc pháp. Thứ pháp này nhìn không thủng, buông chẳng đặng thì chẳng đắc được tự tại. Thứ sắc pháp này có nội sắc và ngoại sắc. Ngoại sắc tức là có hình chất. Tức nhiên sắc bên ngoài có hình chất, bên trong thì có bóng. Nội sắc tức là bóng. Có bóng thì có vọng tưởng về sắc, thì không thể vô ngã, bạn ái trước sắc này là vì có ngã (cái ta), bạn chấp trước sắc này cũng là vì bạn có ngã. Nếu chẳng có ngã (cái ta) thì không có gì để chấp trước, thì chẳng có chướng ngại, đó là nhìn xuyên thủng. Nhìn xuyên thủng được thì buông bỏ được. Buông bỏ được thì sẽ đắc được tự tại.

B. Thọ pháp : Phạm là tiếp xúc cảnh giới bên ngoài ban đầu có sự lãnh thọ. Nếu không có

cái ta thì chẳng có xúc trần, không có xúc trần thì đắc được tự tại. Ngược lại, nếu có cái ta tồn tại thì không được tự tại.

C. Tưởng pháp : Tức là vọng tưởng. Tại sao bạn chẳng đối trị được vọng tưởng ? Tức là vì có cái ta. Nếu không có cái ta thì vọng tưởng gì cũng chẳng có, liền đắc được cảnh giới vô sở tưởng.

D. Hành pháp : Nghĩa là liên tục. Niệm niệm biến đổi không ngừng. Giống như nước chảy, đó là hành uẩn. Muốn nhìn xuyên thủng hành uẩn thì phải đừng có cái ta.

E. Thức pháp : Tức là mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý, Mạt na, A lại da tám thức. Tám thức này cũng ở trong chân và vọng. Chỉ một cái biến thì biến thành Đại Viên Cảnh Trí. Không biến thì là tám thức. Chuyển tám thức thành bốn trí thì chẳng còn cái ta (vô ngã). Quán pháp năm uẩn vô ngã được thì đó là quán pháp vô ngã.

Tại sao Phật dạy đệ tử lấy giới làm thầy ? Vì giới là sinh thiện diệt ác. Nương giới làm thầy thì sẽ sinh ra các điều lành. Nương giới làm thầy thì sẽ diệt trừ các điều ác.

Tôi Nghe Như Vậy là gì ? Cái gì là tôi ? Phạm phu có sự chấp trước về cái tôi (ngã), chấp trước hết thấy đều là sở hữu của tôi. Ngoại đạo có cái ngã. Bạc A La Hán và Bồ Tát có cái giả ngã. Tôn giả A Nan đã đắc được quả vị Thánh nhân thì chẳng còn ngã nữa. Chữ "Tôi" này là giả danh làm "tôi", trên thực tế thì chẳng phải tôi. Tại sao phải có "Tôi" giả danh ? Vì nếu nói không có cái tôi thì tất cả chúng sinh đều sinh tâm sợ sệt. Họ nghĩ tức nhiên chẳng có cái tôi thì hà tất phải tu đạo ? Tu hành cái gì ? Bèn sinh tâm sợ sệt. Cho nên thuận theo thế tục nói giả danh là ngã, đó là cái tôi của Tôn Giả A Nan.

"Tôi nghe". Tôi làm sao nghe ? Nghe là lỗ tai nghe, thân thể con người mỗi bộ phận đều có tên của nó, đầu thì có tên đầu, tay thì có tên tay, chân thì có tên chân, mỗi bộ phận đều có tên của nó, nhưng tìm cái tôi chẳng thể được. Bây giờ tại sao

lại nói có cái tôi ? Vì cái tôi này là tổng quát toàn thân, tên là tôi. Vì tôi là tổng quát thân thể, cho nên tôi nghe.

"Như" là bất biến. "Vầy" là vô phi. Dùng hằng thường bất biến làm "như", quyết định không có chẳng phải làm "vầy". "Như" là chỉ lời văn của pháp, pháp như vầy tức là như vầy. Pháp không như vầy tức là không như vầy. Định như vầy huệ như vầy, tĩnh như vầy, động như vầy. Tức là định huệ động tĩnh. Pháp như vầy là tôi A Nan nghe từ Đức Phật.

MỘT THỜI ĐỨC PHẬT TẠI NƯỚC MA KIẾT ĐỀ, Ở TRONG A LAN NHÃ PHÁP BỒ ĐỀ TRÀNG.

"Một thời" : Tức là một thời, một thời này là thời nào ? Là thời mà Tôn Giả A Nan nghe Đức Phật thuyết pháp. Vậy vào năm nào ? Tháng nào ? Ngày nào ? Giờ nào ? Tại sao chẳng có ngày tháng chính xác ? Vì sự dùng lịch ở Ấn Độ và Trung Quốc chẳng giống nhau, giống như bây giờ có âm lịch và dương lịch. Nếu đem ngày tháng của Ấn Độ dịch thành ngày tháng của Trung Quốc thì phải tìm tòi tính toán khảo chứng, cần thời gian, kết quả chẳng có đại dụng là bao. Hơn nữa vì Phật pháp thì có chư Thiên và chúng sinh trong mười phương thế giới đều đến nghe pháp, càng không cách chi nhớ ngày tháng chính xác, hơn nữa vì bộ Kinh này có lúc nói ở nhân gian, có lúc nói ở trên cung trời. Do đó trong Kinh chẳng nói năm nào tháng nào ngày nào giờ nào, mà dùng "Một Thời" để đại biểu cho ngày tháng.

Một thời tức là "thời thành tựu" ở trong sáu thành tựu. Sáu thành tựu là :

1. Tín thành tựu.
2. Nghe thành tựu.
3. Thời thành tựu.
4. Chủ thành tựu.
5. Xứ thành tựu.
6. Chúng thành tựu.

1. Tín thành tựu : Như vầy là tín thành tựu. Pháp như vầy là đáng tin, là chánh tri chánh kiến.

2. Nghe thành tựu : Tôi nghe là nghe thành tựu. Tôi A Nan nghe được pháp này, y pháp tu hành thì sẽ thành tựu đạo nghiệp.

3. Thời thành tựu : Một thời là thời thành tựu, tức là lúc Đức Phật thuyết pháp.

4. Chủ thành tựu : Đức Phật là chủ thuyết pháp. Trong Kinh Hoa Nghiêm có lúc Bồ Tát là chủ thuyết pháp.

5. Xứ thành tựu : Đạo tràng là xứ thành tựu. Đức Phật thuyết pháp ở dưới cội bồ đề, đây là đạo tràng.

6. Chúng thành tựu : Những người nghe pháp là chúng thành tựu. Các đại Bồ Tát và Đại A La Hán đều nghe Đức Phật thuyết pháp. Đức Phật tại nước Ma Kiệt Đề. Phật là nửa chữ Phạn, gọi đầy đủ là Phật Đà Gia, còn gọi là Bồ Đạt Gia. Phật nghĩa là giác giả. Phật giác ngộ có ba nghĩa tức là : Tự giác, giác tha, giác mãn. Do đó có câu : "Ba giác tròn, vạn đức đầy", cho nên xưng là Phật. Tự giác khác với phàm phu, phàm phu tuy nhiên có bốn giác, nhưng không giác ngộ, vẫn hồ đồ, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, một đời bần rộn ở trong danh lợi. Cho nên Phật giác và tự giác của phàm phu chẳng giống. Giác tha khác với tiểu thừa. Người tiểu thừa chỉ tự giác mà không giác tha, mình mình bạch đạo lý sinh tử mà không đi giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng mình bạch đạo lý sinh tử. Cho nên giác tha chẳng giống với tiểu thừa. Giác mãn khác với Bồ Tát. Bồ Tát thì tự giác rồi lại giác ngộ kẻ khác, nhưng không giác mãn. Phật thì giác hạnh viên mãn, cho nên giác mãn chẳng giống Bồ Tát.

Làm thế nào để giác hạnh viên mãn ? Đó là "Ba A Tăng Kỳ tu phước huệ, trăm ngàn ức kiếp trồng tiếng tốt". Đức Phật trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu phước tu huệ, trong trăm đại kiếp tu công đức tướng tốt. Cho nên Đức Phật ba giác đều viên mãn, vạn đức đầy đủ, nên đã thành Phật.

Nước Ma Kiệt Đề ở tại hướng đông Ấn Độ, dịch là "không độc hại", vì dân chúng của nước này đều có tinh thần từ bi hỷ xả, ai cũng chẳng độc hại ai, ai cũng chẳng làm thương hại đến ai, đều biết bỏ ác hướng thiện, cho nên Phật lựa chọn nơi này để thành Phật.

"Trong A Lan Nhã Pháp Bồ Đề Tràng". A Lan Nhã dịch là nơi vắng lặng, là nơi không có ồn náo. Tại Tùng Lâm trong núi là đạo tràng tu hạnh Đầu Đà (Khổ hạnh), tuy nhiên ở trong Tùng Lâm cũng khởi vọng tưởng. Nếu thanh tịnh thì dù ở thành thị cũng chẳng có vọng tưởng, đó tức là nơi A Lan Nhã.

Pháp : Là phương pháp, là tu phương pháp vắng lặng. Phải minh bạch phương pháp tu hành, mới không bị cảnh giới làm lay chuyển, ngược lại chuyển được cảnh giới, do đó "Người chuyển được cảnh giới, cảnh giới không chuyển được người". Đó tức là A Lan Nhã Pháp.

Bồ Đề Tràng : Tức là nơi Đức Phật giác ngộ. Lúc trước, khi Phật chưa thành Phật thì cũng là chúng sinh. Sau khi thành Phật rồi là chúng sinh "đại giác viên mãn", cho nên nói là đạo tràng giác ngộ. Ai giác ngộ ? Là chúng sinh giác ngộ. Đạo tràng chúng sinh giác ngộ, cho nên thành Phật. Do đó "Giác là Phật, mê là chúng sinh".

Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm tại núi Tuyết, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè. Sau đó mới đến dưới cội bồ đề, phát nguyện nếu không thành Đạo thì ngồi chỗ này, quyết không đứng dậy. Ngài tĩnh tọa bốn mươi chín ngày, đêm cuối cùng thấy sao mai mọc mà ngộ đạo. Ngộ đạo gì ? Biết được sinh từ đâu đến ? Chết rồi đi về đâu ? Sau khi giác ngộ Ngài nói : "Lành thay ! Tất cả chúng sinh đều có trí huệ đức tính của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc!"

BAN ĐẦU THÀNH CHÁNH GIÁC

Vì Phật tu nhân hoa vạn hạnh, nên thành tựu quả vị Phật vô thượng. Tu nhân tròn thì kết quả đầy, cho nên thành Phật. vị Phật này là ai ? Tức là Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni, giáo chủ thế giới Ta Bà này. (Thích Ca dịch là Năng Nhân là họ của Đức Phật. Mâu Ni dịch là tịch mặc, là tên của Đức Phật. Năng Nhân biểu thị thiện, Năng ban hành nhân từ. Tịch mặc biểu thị tịch nhiên bất động). Sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài suy tư chư Phật quá khứ sau khi thành Phật, trước hết đều nói Kinh Hoa Nghiêm. Chư Phật hiện tại sau khi thành Phật, trước hết cũng nói Kinh Hoa Nghiêm. Chư Phật vị lai sau khi thành Phật cũng nói Kinh Hoa Nghiêm. Tóm lại trước hết chư Phật đều nói Kinh Hoa Nghiêm, mới kiến lập được cơ sở của pháp, cho nên Kinh Hoa Nghiêm là gốc rễ của tất cả các pháp.

Khi Phật ban đầu thành chánh giác thì nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này. Thời gian hai mươi một ngày thì nói xong bộ Kinh này. Thời nói Kinh Hoa Nghiêm là thời thành tựu, ban đầu thành chánh giác là chủ thành tựu. Nước Ma Kiệt Đề

trong A Lan Nhã Pháp Bồ Đề Tràng là xứ thành tựu.

MẶT ĐẤT KIÊN CỐ DO KIM CANG LÀM THÀNH.

Chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ban đầu thành chánh giác là ở nước Ma Kiệt Đề dưới cội bồ đề. Lúc đó đất ở bốn phía chung quanh cây bồ đề đều biến thành rất kiên cố, đất này chẳng phải đất mà là do đá kim cương làm thành. Đá kim cương là vật cứng chắc nhất. Có ba thứ tác dụng đó là : Cứng chắc, sáng, và sắc bén.

1. Cứng chắc : Là biểu thị chí nguyện của con người phải kiên cố, bất cứ vật gì cũng không thể phá hoại được.

2. Sáng : Tức là quang minh, biểu thị trí huệ của con người phải sáng suốt.

3. Sắc bén : Là biểu thị sự tinh tấn của con người phải nhanh chóng như sự sắc bén của thanh kiếm.

PHÍA TRÊN CÓ LUÂN BÁU VI DIỆU , CÓ VÔ SỐ HOA BÁU VÀ CHÂU MA NI THANH TỊNH DÙNG ĐỂ NGHIÊM SỨC.

Phía trên nhất có luân báu không thể nghĩ bàn và có rất nhiều thứ hoa báu anh lạc, còn có châu ma ni báu thanh tịnh dùng để nghiêm sức đạo tràng. Luân báu và hoa báu rất mỹ lệ, lại thêm châu ma ni báu thanh tịnh, càng làm cho trang nghiêm thêm.

CÁC BIỂN MÀU SẮC TƯỚNG, HIỂN HIỆN VÔ BIÊN.

Châu Ma ni là một thứ báu, màu sắc của nó đặc biệt mỹ lệ, có rất nhiều màu sắc quang minh vạn tía ngàn hồng, vì màu sắc rất nhiều tướng, giống như biển, nhìn rất trang nghiêm phi thường, đặc biệt đẹp đẽ, cho nên nói các biển màu sắc. Màu sắc và sự trang nghiêm này hiển hiện ra vô lượng vô biên để trang nghiêm đạo tràng.

(Còn tiếp)



Quý vị nào chưa có báo Phật Pháp, muốn nhận xin liên lạc về Chùa Kim Quang

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

Mùa hè năm nay (1968), giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm mất hết chín mươi sáu ngày. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi ám ma, những ám ma này đều siêu hơn thiên ma ngoại đạo hiện nay. Vì thần thông của năm mươi thứ ám ma đó thật là lợi hại, có thứ trên đầu phóng quang, nếu quang minh của nó phóng trúng đầu của bạn thì đầu của bạn cũng sẽ phóng quang. Nhưng những thứ thần thông này đều là ma ở trong Phật giáo, hà hướng ngoại đạo bây giờ đều không thể phóng quang. Chúng sinh giống như con nhặng, bay loạn xạ đông tây nam bắc, bay tới bay lui, cũng chẳng tìm được lối thoát, đáng thương những người này theo người mù. Nếu như bạn nói bạn không biết, muốn cầu pháp thì hãy theo học với tôn giáo hiểu biết, một số người không hiểu biết bèn dùng người mù dẫn người mù. Vì người hiểu biết và có trí huệ trên thế giới này rất ít, còn người không hiểu biết và ngu si thì rất nhiều. Người có trí huệ thì thích nghe chân lý, người chẳng có trí huệ thì thích nghe đạo lý của người mê muội. Đạo lý của người mê là gì? Ví như họ nói người tu hành không cần đoạn dâm dục, có thể tùy tiện, vì nói như thế thì cho rằng nó là tốt. Chủ trương của Phật giáo là đoạn dâm dục, nếu không đoạn dâm dục mà tu hành thì như trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: "Như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn ức kiếp cũng chỉ là cát nóng". Vì dục lạc không cứu kính của nhân gian và khoái lạc cứu kính xuất thế gian không thể nào dung hợp với nhau.

Còn có những người nghiên cứu tu tập ở trong Phật pháp mà cứ thực hành trên miệng lưỡi, chứ chẳng thật tâm hành trì, chẳng y chiếu theo phương pháp của Phật dạy mà hành trì, đó chẳng khác gì là ma, cũng không thể liệt họ vào trong Phật giáo đờ. Giống như có những người thấy Phật mà chẳng lạy, họ nói họ tin Phật, thứ người này hậu quả

tương lai không thể tưởng tượng được, cuối cùng sẽ đi vào

đường súc sinh, ngựa quý hoặc rơi vào địa ngục, chẳng có ai dám bảo đảm. Tại sao? Vì học Phật pháp thì phải y chiếu theo phương pháp Phật dạy mà thực hành. Nếu coi "cái ta" lớn hơn Phật thì thật là quá sai lầm! Người học Phật pháp không những thấy Phật phải cung kính lễ lạy mà gặp Bồ Tát cũng phải lạy Bồ Tát, thấy A La Hán cũng phải lạy A La Hán, thấy bậc đại thiện nhân, đại tu hành nên cung kính khâm phục họ, đừng nên cống cao ngã mạn, khinh khi, tự cao tự đại. Bất cứ người nào học Phật pháp đều phải khiêm nhường, cung kính, hoà hợp.

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm thứ hai mươi nói về vị Bồ Tát Thường Bất Khinh. Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh này là tiền thân của Đức Phật, suốt một đời tu hành Bồ Tát đạo. Một đời Ngài chuyên môn hành Bồ Tát đạo "thường bất khinh" (thường không khinh khi ai). Ngài hành như thế nào? Ngài chuyên môn cung kính mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Mười đại nguyện vương là:

1. Lễ kính các Đức Phật: Tức là cung kính đánh lễ chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, mười phương ba đời tất cả các đức Phật.

2. Khen ngợi Như Lai: Có người hỏi: "Phật cũng thích người khen ngợi chẳng?" Không sai! Vì bạn thích khen ngợi Phật thì chính là thích khen ngợi chính mình. Nếu như bạn không muốn khen ngợi mình thì đừng khen ngợi Phật. Phật và chúng sinh đều như nhau. Bạn nói: "Tôi là Phật, vậy tôi không cần lạy Phật". Đó thì không đúng. Tự tính của bạn là Phật, nhưng bạn chẳng tu hành thì chưa chứng được Phật quả như Đức Phật. Nếu ai ai cũng đều là Phật thì Đức Phật cần gì đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm,

ngồi dưới cội bồ đề bốn mươi chín ngày mới khai ngộ thành Phật.

Đức Phật trong quá khứ tu đủ thứ khổ hạnh, tu đủ thứ thiền định, tu đủ thứ Bát Nhã trí huệ, tu đủ thứ bố thí, giới luật, nhẫn nhục, tinh tấn và đủ thứ pháp môn. Đời này còn phải vào núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, phải phí rất nhiều thủ tục ! Mà bạn trong vòng sáu ngày làm không xong mà bạn cho bạn là Phật, thật là quá tiện nghi. Cho nên có những người nói họ chính là Phật, thật là không biết hổ thẹn, không biết mắc cỡ. Trong khi đó Đức Phật trong đời quá khứ đã từng làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, tức là vĩnh viễn luôn luôn không khinh thường bất cứ chúng sinh nào. Ngài thấy Phật thì lễ Phật, thấy Bồ Tát thì lễ Bồ Tát, thấy A La Hán thì lễ A La Hán, thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và tất cả mọi người cũng đều cung kính lễ lạy và nói : "Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật". Sự phát tâm ấy thật là chân thật, một chút hư giả cũng chẳng có, chân thật cung kính tất cả chúng sinh. Song le Ngài chiêu lại quả báo rất là thậm tệ, vì có những vị Tỳ Kheo kiêu mạn nói : "Ông Tỳ Kheo này chẳng hiểu Phật pháp, thọ ký bậy bạ cho người ta". Do đó Ngài bị đánh, khi Ngài lạy xuống thì bị họ đá Ngài, thậm chí bị đá rụng răng. Đã lạy người ta còn bị người đánh. Sau đó, Ngài ở đằng xa thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thì lạy, khi họ đến gần thì Ngài bỏ chạy để khỏi bị họ đánh. Ngài vẫn hành Bồ Tát đạo không khinh mạn tất cả chúng sinh, đó là tiền kiếp của Đức Phật tu sáu độ vạn hạnh, chứ chẳng phải một sớm một chiều mà thành Phật. Cho nên những người đó cho rằng mình là Phật, họ chẳng nhận thức được Phật, tự mình lừa dối mình, tự tôn đại, đó là có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, chẳng phải là cảnh giới của Phật. Cho rằng mình là Phật mà không tu hành, cứ tạo tội nghiệp, so với hàng ngày bạn ôm bom nguyên tử, bom kinh khí còn nguy hiểm hơn, những người này tương lai chắc chắn sẽ đọa địa ngục, thật là "Thiên đường có lối bạn chẳng đi, địa ngục không cửa dẫn thân vào".

Khi tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm đã từng nói qua bài kệ này :

"Umê truyền u mê,
Một truyền hai chẳng hiểu,
Thầy rớt vào địa ngục,
Trò cũng chạy theo vào".

Khi ông thầy rớt vào địa ngục, nói với đồ đệ rằng : "Tại sao con cũng vào đây"? Đồ đệ nói : "Con theo thầy học đạo, thì đương nhiên cũng theo thầy đến đây". Ông thầy nói : "Làm rồi ! Làm rồi ! Đây là địa ngục mà !" Đồ đệ hỏi : "Tại sao thầy dẫn con xuống địa ngục ? Ông thầy đáp : "Cho đến ta cũng chẳng biết sao lại đến chỗ này, bây giờ muốn ra cũng chẳng được". Không những chính ông ta ra không được mà tất cả đồ đệ theo học với ông ta cũng bị luôn. Đó là những kẻ tự xưng là Phật, không nhận thức được Phật, cũng chẳng hiểu Phật pháp.

Ở trên là nói phải tu theo mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền 1. Lễ kính các Đức Phật. 2. Khen ngợi Như Lai.

3. Rộng tu cúng dường : Đây chẳng phải nói hôm nay cúng dường, ngày mai thì không cúng dường ; chẳng phải cúng dường một vị Phật mà là cúng dường tất cả vị Phật, đều phải cúng dường khắp hết thấy.

4. Sám hối nghiệp chướng : Tại sao chúng ta phải lễ Phật ? Là vì muốn biểu hiện phát lồ sám hối những lỗi lầm đã gây ra từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay. Từ nay sửa đổi lỗi lầm làm lại con người mới.

5. Tuỳ Hỷ công đức : Tức là thấy những việc từ thiện hãy nên làm, làm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu. Hành Bồ Tát đạo là phải lợi ích cho người, giúp người, chẳng phải chỉ muốn làm lợi cho mình. Phạm là giúp đỡ người, chẳng ích kỷ lợi mình đều là tuỳ hỷ công đức.

6. Thỉnh chuyển bánh xe pháp : Khi bạn biết vị Pháp Sư nào đó giảng Kinh được thì liên hệ với nhiều người thỉnh vị Pháp Sư đó thuyết pháp. Học Phật pháp phải học với các vị Pháp sư thông hiểu Phật pháp, đừng tự cho rằng mình hiểu Phật pháp. Do đó thỉnh vị Pháp sư chân chánh hiểu Phật pháp giảng Kinh thuyết pháp tức là thỉnh chuyển pháp luân.

7. Thỉnh Phật ở lại đời : Bây giờ Phật chẳng còn ở đời thì thỉnh Phật pháp ở lại đời.

8. Thường học theo Phật : Đức Phật hành Bồ Tát đạo, nhẫn những gì người không nhẫn được, làm những gì người không làm được, tu đủ thứ pháp môn, cho nên phải học theo Ngài.

9. Luôn thuận chúng sinh : Luôn luôn tuỳ thuận chúng sinh, hy vọng khiến cho họ hiểu Phật pháp.

10. Thấy đều hồi hướng : Đem tất cả công đức của mình hồi hướng cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo.

(Còn tiếp)

CHÚ LẶNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

ĐẠI HÙNG ĐẠI LỰC ĐẠI TỪ BI. NGUYỆN CẦU TRỪ SẠCH HẾT HOẶC VI TẾ, KHIẾN CON SỚM THÀNH VÔ THƯỢNG GIÁC. KIẾN LẬP ĐẠO TRÀNG TRONG KHẮP MƯỜI PHƯƠNG.

Giải : "Đại hùng" tức là đại anh hùng, cũng bao quát đại trí, đại huệ, đại hạnh, đại nguyện ở trong đó. "Đại lực": Không có gì có thể so sánh sức lực to lớn này. Tức có đại hùng lực, lại có đại từ bi. Dùng đại hùng đại lực để chỉ trì đại từ bi tâm. Từ là ban cho chúng sinh hết thấy sự an vui, bi là cứu hết thấy khổ của chúng sinh. Thương chúng sinh không thể cùng tận, tất cả nguyện của chúng sinh đều đầy đủ. Chúng sinh có nguyện cầu gì với Phật thì Phật đều làm cho họ được như ý. "Nguyện cầu trừ sạch hết hoặc vi tế". Ở trên đã thỉnh Đức Phật "Tiêu trừ tướng điên đảo của con trong ức kiếp", là chỉ tiêu trừ kiến hoặc, tư hoặc, bây giờ lại tiêu trừ trần sa hoặc. Trần sa hoặc là một thứ hoặc vi tế, chỗ mà bạn cảm giác không đến được, trầm ở dưới đáy tâm của bạn, vọng niệm rất vi tế, vô minh. Nguyện cầu đại hùng đại lực của Phật Thế Tôn trừ khử mê hoặc vi tế của con. "Khiến con sớm thành vô thượng giác". Khiến cho con sớm thành Phật đạo. "Kiến lập đạo tràng trong khắp mười phương". Kiến lập đạo tràng lớn trong mười phương để hoằng dương Phật pháp.

Có người nói Ngài A Nan phát nguyện này rất mâu thuẫn. Ở trước nói : "Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chúng quả vị Nê-Hoàn". Bây giờ lại hy vọng sớm thành Phật đạo, ngời noi đạo tràng trong khắp mười phương pháp giới. Nguyện này chẳng phải là mâu thuẫn chăng ? Không phải ! Ở trước Ngài nói : "Sẽ không thủ chúng quả vị Nê Hoàn", là độ tận hết chúng sinh mới thủ chúng Nê Hoàn, nếu chưa độ hết thì không thủ

chánh giác. Bây giờ lại thỉnh Phật gia bị cho Ngài. Khiến cho thô hoặc, tế hoặc của Ngài dứt sạch,

chúng sinh cũng độ hết, khiến cho nguyện lực của Ngài sớm được thành tựu. "Khiến" là sử khiến Ngài sớm chúng vô thượng giác, sớm thành Phật đạo, tức cũng thỉnh Phật giúp Ngài, Ngài phải độ tận chúng sinh. Nói : "Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật", là chỉ chúng sinh có duyên với Ngài, Ngài đều phải độ tận. Nếu chúng sinh không có pháp duyên với Ngài thì đợi người khác độ, không phải tôi là luật sư biện hộ cho Ngài A Nan, mà chắc chắn là như thế. Nếu hết thấy tất cả chúng sinh trên thế giới đợi Ngài A Nan đi độ thì các Bồ Tát khác làm gì ? Đợi hương khói chăng ? Không có lý này. Phật Bồ Tát cũng phân công hợp tác, mỗi vị tận hết khả năng tùy duyên độ sinh. Giống như chúng ta ở đây có nhiều người khách đến, mọi người đều phân công hợp tác, bên đây lo về chỗ ở, bên kia lo quét dọn, đằng kia thì cắt cỏ .v.v. Đó đều là ai lo việc nấy, là vì thành tựu đạo tràng, là ý nghĩa này. Cho nên bạn đừng cho rằng Ngài A Nan phát nguyện này mâu thuẫn, bạn phê bình như thế cũng làm cho Ngài A Nan một thân tội quá. Ngài A Nan muốn độ bạn nhưng bạn lại phê bình Ngài, nói Ngài mâu thuẫn. Ngài A Nan mâu thuẫn là việc của Ngài, chính bạn không mâu thuẫn thì không được rồi sao ? Các vị nghĩ xem, dùng dùng tâm phàm phu để dò Thánh trí, dùng tâm tiểu nhân để độ bụng quân tử thì chỉ loạn thêm, phê bình không thể được.

TÍNH NHƯ HƯ KHÔNG CÓ THỂ TIÊU VONG, TÂM NHƯ HƯ KHÔNG CHẴNG BAO GIỜ LAY ĐỘNG.

Giải : Thuán Nhã Đa là hư không, Thước Ca La cũng là hư không. "Tính hư không có thể tiêu vong": Là nói tính hư không cũng có thể không còn. Bạn nói hư không có thể không còn chăng ? Không thể ! Vì nó là không, còn tiêu cái gì ? Nó vốn là không có gì, có gì để tiêu ? Nhưng Ngài A Nan lại nói nó có thể tiêu vong. Đây chỉ là từ giả thiết. Hư không không thể tiêu vong cũng có thể tiêu vong.

NAM MÔ THƯỜNG TRỤ THẬP PHƯƠNG PHẬT.
NAM MÔ THƯỜNG TRỤ THẬP PHƯƠNG PHÁP.
NAM MÔ THƯỜNG TRỤ THẬP PHƯƠNG TĂNG.
NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT. NAM MÔ
PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM. NAM MÔ
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT. NAM MÔ KIM CANG
TẠNG BỒ TÁT.

Giải : "Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Phật, Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Pháp, Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Tăng". Đây là quy y Tam Bảo, chúng ta quy y mười phương chư Phật, lại quy y Pháp của Phật nói, lại quy y mười phương ba đời các Hiền Thánh Tăng. Hiền Thánh Tăng là đại Bồ Tát, đại A La Hán đều bao quát trong đó. "Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật". Quy y mười phương Tam Bảo rồi, lại quy y Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là tiếng Phạn, dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân là phổ độ chúng sinh, Tịch Mặc là tịch nhiên bất động. Năng Nhân cũng là cảm mà toại thông, hay dùng nhân từ thí cho chúng sinh. Đây là động tĩnh không hai. Năng Nhân là động, Tịch Mặc là tĩnh. Động tĩnh nhất như. Trong động tức là tĩnh, trong tĩnh tức là động. Động không ngại tĩnh, tĩnh không ngại động. Bạn tu đạo, tu đến động tĩnh như thì tìm được bốn thế, càng không có vọng niệm gì. "Nam Mô Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm", lại quy y Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm đại định này. "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát", lại quy y Bồ Tát Quán Thế Âm. "Nam Mô Kim Cang Tạng Bồ Tát", lại quy y tám vạn bốn ngàn Bồ Tát Kim Cang Tạng. Tụng Chú Lăng Nghiêm thì có tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát Kim Cang Tạng thường bảo hộ bạn, theo hầu hai bên. Cho nên tụng Chú Lăng Nghiêm không phải là căn lành đã trồng một đời một kiếp, mà là đã trồng căn lành trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp về trước, mới có thể học và trì tụng Chú Lăng Nghiêm. Không phải trồng căn lành nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật, mà đã trồng căn lành với vô lượng ngàn vạn Đức Phật,

mới gặp được Chú Lăng Nghiêm, mới được nghe giảng Chú Lăng Nghiêm.

Có người nghĩ : Sư Phụ ! Hôm qua Ngài nói không mình bạch là diệu. Vậy tại sao lại phải giảng cho chúng con nghe ? Vậy bạn có thể bịt lỗ tai lại, đừng nghe ! Tôi giảng là việc của tôi, bạn không nghe là việc của bạn. Bạn có thể ngủ ở đó, như thế lại càng diệu, nhập vào "Tam Ma Địa ngủ". Một khi ngủ thì đi gặp Chu Công. Chu Công nói : "Hoan nghênh bạn đến ! Đánh một ván cờ với bạn", bèn đánh cờ ở đó, đợi giảng xong Chú Lăng Nghiêm thì bạn cũng đánh cờ xong, nói :Ồ ! Cái gì thế ? Tôi không biết gì cả.

Có một vị cư sĩ muốn thỉnh cầu tôi quán đánh cho các vị. Tôi cũng muốn làm tròn nguyện vọng của các vị. Bây giờ tôi dùng Quán Âm đại pháp để quán đánh cho các bạn. Mọi người đều ngồi tại chỗ, chấp tay lại, nhất tâm niệm "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát", tốt nhất là hãy nhắm mắt lại, đem tâm chân thành ra, đừng hoài nghi, cũng đừng có tâm thử nghiệm. Phải một lòng một dạ tiếp thọ sự quán đánh. Các bạn tu Bốn Mười Hai Thủ Nhân thì phải thành tâm một chút, từ từ tu pháp này. Tu pháp này thì tương lai sẽ đắc được thiên thủ thiên nhãn (ngàn tay ngàn mắt). Giống như Bồ Tát Quán Thế Âm đến giáo hoá chúng ta. Đây là kỳ vọng của tôi đối với các vị. Tu pháp phải có hành vi chánh đáng, tâm địa tốt, không thể dùng tâm tham, không thể dùng tâm ô nhiễm đi lường gạt người. Không thể dùng pháp này đi phan duyên bên ngoài. Phải lão lão thật thật, không thể có hành vi bất chánh đáng. Điều này rất quan trọng.

(còn tiếp)

Thông Báo

Báo Phật Pháp số 04 / tháng 8 kỳ tới có thể sẽ dời đến tháng 10, vì tháng bảy và tháng tám Chùa sẽ trùng tu làm cầu thang trước Chùa và trai đường phía sau Chùa nếu được giấy phép làm vào mùa hè này. Kính mong các vị hoan hỉ.

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

5. Ma Ha Tát Đỏa Bà Gia.

Quyên Tác diệu dụng bất tư nghi
Bồ Tát trì thủ độ quần mê
Tụng Chú tác quán Tam Ma Địa
Tức thân thành Phật mặc tức kỳ.

Tạm dịch :

"Phép độ diệu dụng không nghĩ bàn
Bồ Tát trì đây độ quần mê
Tụng Chú tu quán Tam Ma Địa
Lập tức thành Phật chẳng gì kỳ".

"Ma Ha": Là "đại", là "nhiều", là "thắng".
"Ma Ha" là nói người phát đại bồ đề tâm ; rất
nhiều người phát đại bồ đề tâm, đều đắc được
thành tựu, được thắng lợi. Có ba ý nghĩa này.

"Tát Đỏa": "Tát Đỏa" ở đây với Tát Đỏa ở
trước nghĩa chẳng giống nhau. "Tát Đỏa" ở
trước nghĩa là "độ"; "Tát Đỏa" ở đây nghĩa là
"bậc dũng mãnh", tức cũng là 'bậc tinh tấn',
chúng sinh tu hành rất dụng công tinh tấn.

"Bà Gia": Tức là "hướng về Ngài đánh lễ". Tôi
hướng về vị Bồ Tát phát bồ đề tâm đó, vị dũng
mãnh tinh tấn đó để cúi đầu đánh lễ. Đây là ý
nghĩa mấy đoạn Chú ở trên đây, tức là nói về
Bồ Tát hay tự mình giác ngộ rồi, chúng sinh tự
mình độ mình và còn giác ngộ cho kẻ khác, độ
tất cả chúng sinh khác.

6. Ma Ha Ca Lô Ni Ca Gia.

Mã ô Đại Sĩ hoá Ta Bà
Bạt khổ dữ lạc dữ trầm kha
Khởi tử hời sinh thí cam lồ
Bạ Chiết La Thủ đấng yêu ma.

Tạm dịch :

"Các bậc Đại Sĩ độ Ta Bà
Cứu khổ ban vui trở trầm luân

Cải tử hời sinh rưới cam lồ
Bát Chiết La Thủ quét yêu ma".

"Ma Ha": Nghĩa vẫn là "đại, nhiều, thắng", ba
ý nghĩa. "Ca Lô": Là "bi", "Ni Ca": Là "tâm".
Hợp lại tức là "Đại Bi Tâm". "Gia": Vẫn là
"đánh lễ". Ý nói chúng ta phải đánh lễ Đại Bi
Tâm Đà La Ni Thần Chú.

7. Ân.

Hư không pháp giới nhất khẩu thôn
Tự tính tịch nhiên phi nội ngoại
Như thị như thị như thị nhân
Vô thủy vô chung vô cổ kim.

Tạm dịch :

"Hư không pháp giới hợp một miếng
Tự tính vắng lặng chẳng trong ngoài
Như vậy như vậy nhân như vậy
Chẳng đầu chẳng cuối chẳng xưa nay".

Chữ "Án" này dịch ra gọi là "bổn mẫu", "bổn"
tức là căn bổn, mẫu tức là mẫu thân. "Bổn
mẫu" này tức cũng là "Chú mẫu"; "Chú mẫu"
tức cũng là "Phật mẫu"; "Phật mẫu" tức cũng
là "tâm mẫu của chúng sinh". Vì tâm mẫu của
chúng sinh đầy đủ bổn mẫu trí huệ ; nhờ sức
của Chú này mà hay sinh ra mười thứ pháp
môn :

Thứ nhất là "tự".

Thứ hai là "cứ", tức là Kinh điển hoặc là Chú,
tùng câu từng câu.

Thứ ba là "quán", quán xem ; bạn dùng sự
quán sát để tu hành.

Thứ tư là "trí", trí huệ ; dùng kiếm trí huệ để
chặt đứt tất cả phiền não. "Trí" là Bát Nhã Ba
La Mật môn, "quán" tức cũng là thiền Ba La
Mật môn.

Thứ năm là "hành", tu hành; chiếu theo pháp này để tu hành.

Thứ sáu là "nguyện", bạn phải phát nguyện chiếu theo pháp này để tu hành.

Thứ bảy là phải "y giáo tu hành"; y chiếu theo Phật Pháp để tu hành. Nếu bạn chẳng y chiếu theo Phật pháp để tu hành thì dù bạn tu hành trải qua số kiếp nhiều như cát như bụi, cũng giống như nấu cát muốn thành cơm, chẳng khi nào thành tựu. Nếu bạn muốn y giáo tu hành thì phải minh bạch giáo lý.

Thứ tám là "lý", đạo lý; nếu bạn hợp với diệu lý Phật pháp thì mới minh bạch. Nếu bạn chẳng hợp với diệu lý Phật pháp thì bạn như người mù luyện đui, tu đến đâu cũng chẳng ích gì, cũng không thể thành tựu.

Thứ chín là "nhân"; bạn còn phải trồng nhân tốt, trồng nhân lành, trồng nhân thù thắng, trồng nhân thanh tịnh thì tương lai mới có kết quả tốt.

Thứ mười là "quả"; tức là kết diệu quả, kết Thánh quả, kết quả giác cứu kính.

Từ chữ "Án" này mà sinh ra mười thứ pháp môn thù diệu. Cho nên khi bạn niệm Chú Đại Bi, một khi niệm đến chữ "Án" này thì tất cả quỷ thần đều phải chấp tay lại cung kính, một chút cũng không dám giải đãi, một chút cũng không dám cầu thả để nghe bạn tụng Chú Đại Bi. Cho nên khi bạn tụng Chú Đại Bi đến chữ "Án" này thì bất cứ là ác thần, ác quỷ, ác phong gì cũng đều phải giữ quy cụ, tức có oai lực như thế.

8. Tát Bàn La Phật Duệ.

Hộ thế Tứ Vương nhật dạ mang
Thường thiện phạt ác chúng ma trừ
Bồ Tát hoá hiện phục quần quái
Long bàn hổ ngoạ thể pháp đế.

Tạm dịch :

"Tứ Vương hộ đời ngày đêm rôn
Thường thiện phạt ác trừ yêu ma
Bồ Tát hoá hiện hàng ma quái

Ròng khoan cọt nằm rõ thể pháp".

"Tát Bàn La": Dịch là "tự tại". Bạn tụng trì câu Chú này thì Tứ Đại Thiên Vương đều đến làm hộ pháp. "Phật Duệ": Nghĩa là "Thế Tôn", cũng gọi là "Thánh Tôn". Đây là Tự Tại Phật, câu Chú này là Phật Bảo.

9. Số Đát Na Đát Toả.

Thiên binh thiên tướng mãnh vô bại
Thiên ma lạc đảm bất tức kỳ
Cải quá thiên thiện bản giả phú
Đắc sinh Cực Lạc chúng khổ ly.

Tạm dịch :

"Binh trời tướng trời dũng vô song
"Thiên ma khiếp đảm chẳng gì kỳ
Sửa lỗi hành thiện nghèo thành giàu
Sinh về Cực Lạc hết khổ đau".

"Số Đát Na": Là "Pháp". Pháp gì ? Tức gọi là "diệu thắng xứ", tức cũng là "diệu thắng pháp". Lại gọi là "cao thượng thắng sinh". Cao ở đây chẳng có gì cao hơn được; thượng cũng chẳng có gì sánh với Pháp thượng thắng này; thắng sinh là do thắng lực sinh ra pháp. Đây là một lối phiên dịch.

Còn có lối phiên dịch khác, tức là "diệu thắng, thắng thân". Diệu thắng này là thắng vi diệu, thắng thân là một pháp.

Còn có lối phiên dịch khác gọi là "tối thượng thừa địa". Sẽ đắc được cảnh giới thập địa tối thượng thừa này về sau.

Ở trước, "Tát Bàn La" là Phật Bảo, "Số Đát Na" là Pháp Bảo, "Đát Toả" là Tăng Bảo ; đây cũng là Tam Bảo, tức là thỉnh mời hết Tam Bảo đến gia hộ cho bạn, ai tụng trì Chú này thì thỉnh nguyện Tam Bảo đến bảo hộ cho người đó.

"Đát Toả": Tức là dùng giáo lý để sai khiến tất cả quỷ thần, tức cũng là dùng câu Chú này để sai bảo tất cả quỷ thần, tức có hai ý nghĩa.

PHẬT TỔ TRUYỀN ĐĂNG

VỊ PHẬT THỨ HAI TRONG BẢY VỊ PHẬT QUÁ KHỨ KỆ TRUYỀN PHÁP CỦA PHẬT THI KHÍ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

*"Khởi các thiện pháp bốn thị huyện
Tạo chư ác nghiệp diệt thị huyện
Thân như tụ mật tâm như phong
Huyền hoá vô căn vô Phật tính".*

Nghĩa là :

*"Khởi các pháp lành vốn là huyện
Tạo các nghiệp ác cũng là huyện
Thân như bọt tụ tâm như gió
Huyền hoá không gốc không thật tính".*

"Khởi các pháp lành vốn là huyện" : Bạn cho rằng bạn khởi niệm thiện, làm việc thiện là thật chăng ? Đó đều là hư huyền. Việc thiện cũng là giả, bạn đừng chấp trước vào việc thiện, cho nên "Khởi các pháp lành vốn là huyện, bốn lai cũng là hư huyền.

"Tạo các nghiệp ác cũng là huyện" :Tạo nghiệp ác cũng là hư vọng huyền hoá, nó đều chẳng có thật thể, chẳng có hình tướng. Pháp thiện là huyện, pháp ác cũng là huyện. Vậy tại sao bạn ở trong huyền hoá dụng công phu mà chẳng ở trong đạo lý chân thật dụng công phu ? Do đó chúng ta đừng chấp trước tôi làm việc thiện, làm việc tốt. Việc thiện và việc ác đều là hư huyền, chẳng có gì chân thật.

"Thân như bọt tụ tâm như gió" : Thân này cũng là giả, giống như bọt nước tụ lại. Bọt biến, bạn thấy nó có, khi bạn làm vỡ nó thì chẳng còn nữa. "Tâm như gió", tâm giống như luồng gió thổi qua thì chẳng còn nữa.

Huyền hoá không gốc không thật tính" : Vật hư huyền này chẳng có gốc rễ, tìm chẳng được gốc rễ. Gì là gốc của tâm ? Gì là gốc của thân ? Bạn tìm chẳng được, vì nó chẳng có thật tại, chẳng có thật thể. Bạn chấp trước nó để làm gì ?

Do đó từ bài kệ truyền pháp này mà nhìn thì muốn chúng ta đừng có "thân kiến", đừng có "tâm kiến", đừng có "biên kiến"! Chấp trước vào những vật hư vô phiêu diêu thì bạn nói đó chẳng phải là ngu si chăng ? Chúng ta tu hành, nếu coi thân thể này là giả, coi tâm cũng là hư vọng thì chẳng có sự chấp trước. Chẳng thấy có ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến ; chẳng có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Vì thấy chẳng không cho nên gì cũng đều có ; nếu bạn thấy không thì tướng gì cũng chẳng có, cho đến chính mình cũng chẳng có, sao lại có tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng ? Đây đều là do chính mình khởi phân biệt !

Mỗi bài kệ của bảy vị Phật quá khứ đều phá chấp thân tâm của con người. Nếu chúng ta chẳng chấp vào thân tâm thì sẽ minh bạch Phật pháp. Dù bạn đọc bao nhiêu Kinh, niệm bao nhiêu Phật, lạy bao nhiêu Phật, nếu còn chấp trước vào túi da hôi thối của bạn thì chẳng minh bạch Phật pháp. Cho nên các bạn học Phật pháp phải học chút căn bản này, đừng có cứ chuyển ở ngoài da, muốn cầu Phật bảo hộ cho mình. Phật chẳng bảo hộ cho mình, bạn phải tự mình bảo hộ mình. Nếu bạn lạy Phật, tin Phật, niệm Phật, tuy nhiên chẳng được cảm ứng gì, đó tức là bảo hộ bạn, khiến cho hạt giống tốt của bạn chẳng huỷ diệt, hạt giống ác không sinh. Cho nên chúng ta học Phật, nếu chẳng quơ lấy được đạo lý căn bản của Phật, vẫn xem thân tâm này là thật quý thì đây là chẳng hiểu Phật pháp.

Sự tùy hỷ Phát tâm ủng hộ in báo Phật Pháp của quý vị là trợ duyên cho báo Phật Pháp tiếp tục phát hành những kỳ sau. Và

PHÁP GIỚI CỦA DUYÊN GIÁC

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

*Duyên Giác Thánh Hiền
Cô Phong Độc Miên
Xuân Hoa Thu Tà
Thập Nhị Liên Hoàn.*

Tạm dịch :

*Duyên giác Thánh hiền
Ngủ trên đỉnh cao
Xuân hoa thu tàn
Mười hai nhân duyên.*

Tại sao tôi hỏi các bạn nhiều vấn đề ? Vì bậc Duyên Giác thì chẳng thích có vấn đề. Các bậc ấy thích cô độc, không muốn tụ hội chung với ai. Cho nên hôm nay chúng ta cùng nhau nghiên cứu vấn đề, mọi người cùng tụ hội lại, đừng làm giống như bậc Duyên Giác. Khi có Phật ra đời thì gọi là Duyên Giác, nếu không có Phật ra đời thì gọi là Độc Giác, tự mình khai ngộ. Bậc ấy thích gì ? "Cô phong độc miên", ngủ một mình trên đỉnh cao. Cho nên nói "Duyên Giác Thánh Hiền, ngủ trên đỉnh cao, xuân hoa thu tàn, mười hai nhân duyên". Đó là nói về bậc Duyên Giác. Nói đến Duyên Giác thì chúng ta tự mình cũng phải "Duyên Giác", giác ngộ nhân duyên. Các bậc ấy tu mười hai nhân duyên, còn chúng ta thì mười hai nhân duyên tu.

Mười hai nhân duyên, thứ nhất là "vô minh". Bậc ấy quán sát vô minh, vô minh từ đâu đến ? Rất quái lạ, làm sao có vô minh ? Bậc ấy quán sát : Vô minh duyên hành, có vô minh rồi thì có hành vi, tức có "hành" rồi thì có sở biểu hiện. Có sở biểu hiện thì có "thức". Thức tức là phân biệt, hành tức là pháp hữu vi. Khi vô minh thì chẳng thể nói là vô vi cũng chẳng thể nói là hữu vi, lúc đó thì ở giữa hữu vi và vô vi, sau đó có sự phân biệt. Tại sao có sự phân biệt ? Vì có pháp hữu vi.

Có pháp hữu vi rồi thì sau đó có tâm phân biệt. Có tâm phân biệt thì sau đó sẽ có phiền não ! Phiền não tức là "Danh sắc". Có danh sắc rồi, một khi có danh thì có phiền não về danh ; một khi có sắc rồi thì có phiền não về sắc. Danh sắc tức là phiền não, phiền não tức là danh sắc. Vấn đề này nếu nói ra thì càng phiền não, không nói thì chẳng có phiền não, một khi nói ra thì phiền não sẽ đến. Có người nói : "Sao danh sắc là phiền não ? Tôi không hiểu !" Bạn không hiểu thì bạn phiền não nhiều một chút. Vì bạn có phiền não không hiểu, khi tôi không nói thì bạn chẳng có phiền não không hiểu, phải chăng ?

Khi tôi không nói gì thì bạn vốn không biết, thì bạn cũng chẳng có nhiều phiền não. Khi tôi nói ra thì bạn không hiểu, có phiền não không hiểu thì nghĩ muốn hiểu. Đó tức là có "Lục nhập". Bạn thấy không, lục nhập tức là nghĩ muốn hiểu, nghĩ muốn minh bạch. Đã nghe qua chưa ? Chẳng có ai nói Pháp này ! Bây giờ đã có rồi ! Đó là nghĩ muốn hiểu.

Lục nhập tức là nghĩ muốn minh bạch mới có lục nhập. Nghĩ muốn minh bạch, do đó sinh ra nhãn căn, nhĩ căn, tĩ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn lục nhập. Tại sao lục nhập này phải sinh ra ? Vì muốn minh bạch. Ai không biết càng nghĩ muốn biết thì càng hồ đồ, càng hồ đồ thì càng không biết, đó tức là lục nhập, đã nhập vào. Bạn hãy xem ! Không minh bạch thì sau đó cứ muốn chơi. Chơi tức là "xúc", đi chơi khắp nơi, chơi đông chơi tây, chơi nam, chơi bắc, chơi trên, chơi dưới, giống như con nhặng (ruồi xanh), chơi vào tường khắp nơi. Tại sao phải chơi vào tường ? Vì muốn minh bạch.

Xúc tức là chơi, chơi vào tường khắp nơi. Khắp nơi đều muốn hiểu biết. Khi chơi thì không biết đau là vì muốn hiểu biết. Chơi rồi thì có "thọ". "Chao ôi ! đau quá", hay là "ôi ! Tôi rất là tự

tại"; hiện tại ta không chọi tường thì hiện tại ta rất thoải mái, một khi chọi tường thì cảm thấy không thoải mái.

Không có ai nói ta không tốt thì ta cảm thấy rất vui vẻ ; khi có người nói ta không tốt thì ta cảm thấy không vui. Đó là thọ, đều ở tại chỗ này, chẳng phải ở bên ngoài, đừng có đi tìm bên ngoài.

Có sự cảm thọ thì sinh ra một thứ "ái trước". Đối với cảnh thuận thì tham ái chấp trước ; còn đối với cảnh nghịch thì sinh ra chán ghét. Chán ghét tức là không thích ! Tại sao có sự không thích ? Vì có thương, có ghét. Ghét tức là không muốn, chán ghét, cho nên phiền não càng ngày càng nhiều.

"Duyên Giác Thánh Hiền, ngủ trên đỉnh cao, xuân hoa thu tàn, mười hai nhân duyên". Mùa xuân thì vạn vật nảy nở, bậc Thánh nhân Duyên

Giác "mùa xuân ngắm trăm hoa nở, mùa thu xem lá vàng rơi". Các bậc ấy đã giác ngộ được tất cả sự vật đều sinh diệt tự nhiên. Cho nên quán "mười hai nhân duyên" này.

Tại sao chúng ta có sự cảm giác không bình an ? Vì có ái (thương). Có ái thì có ghét, tức cũng có chán ghét. Nếu vật gì bạn mến thích (ái) thì sinh ra "thủ"(giữ lấy). Thế nào là thủ ? Tức là muốn được, muốn chiếm được. Vì bạn mến thích (ái), cho nên muốn đắc được. Khi bạn đắc được rồi thì thỏa mãn dục vọng của mình. Tại sao phải thỏa mãn dục vọng của mình ? Vì muốn giữ nó, cho nên thủ duyên hữu (có). Vì có cái "có", cho nên bạn muốn thuộc về chính bạn. Khi thuộc về chính bạn thì có sinh. Có sinh thì có lão tử (già chết). Đó là mười hai nhân duyên pháp tu của bậc Duyên Giác.

NHỮNG LỜI PHÁP CỦA H.T TUYÊN HOÁ

* Nếu Còn chấp trước thì đó là tâm người thế tục, nếu chẳng chấp trước thì đó là tâm đạo.

* "*Phiền não tức bờ đê*", nếu biết cách tu hành thì phiền não tức là bờ đê, bằng ngược lại thì bờ đê biến thành phiền não.

* Người tu hành phải tu tướng *vô ngã*, tu đến cảnh giới chẳng còn *cái ta* thì nhãn chịu được hết tất cả, bất cứ cảnh giới gì đến tâm đều an nhiên bất động và tâm thanh tịnh giống như hư không.

* Tại sao nói dối ? Vì sợ mình mất quyền lợi và bị thua thiệt.

* Giữ năm giới và làm mười điều lành thì sẽ sinh về cõi trời cõi người. Nếu còn

tham lam, sân hận, và si mê thì sẽ sinh về ba đường ác.

* Tu học Phật pháp chính là tu học việc không làm đau khổ phiền não cho kẻ khác.

* Bất cứ tu pháp môn gì, phải có tâm nhẫn nại thì sự tu hành mới mong thành tựu. Bằng ngược lại thì không thể thành tựu bất cứ pháp môn gì.

* Tại sao chúng ta không nhận ra cội gốc và bộ mặt thật của chính mình ? Vì chúng ta chưa xả bỏ tâm chấp *cái ta*, và tâm *ích kỷ* của chính mình.

* Người chân chánh tham thiền là người chân chánh niệm Phật. Ngược lại người chân chánh niệm Phật cũng là người tham thiền. Người chân chánh trì giới cũng là người chân chánh tham thiền.

* Cờ bạc thì tạo nghiệp nặng. Bớ thí thì tích lũy công đức. Ngồi thiền thì trừ ngu si, phát sinh trí huệ.

* Thọ khổ thì hết khổ, hưởng phước thì hết phước.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : H.T Thích Trung Quán

(Tiếp theo kỳ trước)

Lại nữa, mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm thật có tự tính mà trong đó không bao gồm người. Lại trong Phật pháp có Phương Quảng Đạo Nhân nói : Hết thấy pháp chẳng sinh chẳng diệt, không, không chỗ có, như lông rùa sừng thỏ, thường không có. Như thế tất cả luận nghị sư tự giữ lấy pháp, không nhận chịu pháp khác, cho pháp mình là thật, còn các pháp khác là vọng ngữ. Nếu tự nhận pháp, tự cúng dường pháp, tự tu hành ; với pháp khác không chịu nhận, không cúng dàng, là làm lỗi thất. Nếu lấy đó làm thanh tịnh mà được lợi đệ nhất nghĩa ấy thì tất cả không chẳng thanh tịnh vì tất cả tự nhận pháp vậy.

Hỏi : Nếu các kiến đều có lỗi làm thì đệ nhất nghĩa tất đàn là gì ?

Đáp : Tất cả nói năng đều dứt, nơi tâm hành diệt, khắp không có chỗ nương, không chỉ các pháp, không đầu không giữa, không sau, chẳng hết chẳng hoại. Ấy là đệ nhất nghĩa tất đàn, như trong Đại Thừa Nghĩa có nói bài kệ :

Lời nói năng dứt hết,
Nơi tâm hành cũng diệt,
Không sinh không diệt,
Pháp như Niết Bàn,
Nói các hành xứ,
Gọi là pháp thế gian,
Nói chẳng hành xứ,
Gọi là đệ nhất nghĩa,
Tất cả thật, tất cả chẳng thật
Và tất cả thật, cũng chẳng thật
Tất cả chẳng thật, không chẳng thật,
Ấy gọi thật tướng của các pháp !

Như thế, trong mọi nơi Kinh nói : Đệ nhất nghĩa tất đàn, nghĩa ấy sâu xa, khó thấy, khó hiểu. Phật muốn nói nghĩa ấy, nên nói Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (MHBNBLM).

Lại nữa, muốn cho Trường Trảo Phạm Chí và đại luận nghị sư ở trong Phật pháp sinh lòng tin nên nói Kinh MHBNBLM.

Có người Phạm Chí (Bà La Môn) tên là Trường Trảo (Móng tay dài) là đại luận sư ở cõi Diêm Phù Đề. Ông ta nói : Tất cả luận có thể phá, tất cả lời nói có thể hoại, tất cả chấp có thể chuyển, không có thật pháp đáng tin, đáng cung kính. Như trong Kinh Xá Lợi Phật quyển cuối có nói : Cậu ông Xá Lợi Phật là Ma Ha Câu Hy La luận nghị với người chị (lúc đang mang thai ông Xá Lợi Phất) bị thua. Ông nghĩ rằng : Đây không phải tài của chị mình, chắc là mang thai người có trí huệ, mượn mồm mẹ mà nói ; chưa sinh ra mà còn thế, khi sinh ra rồi, lớn lên thì sẽ như thế nào ! Nghĩ xong, sinh lòng kiêu mạn, muốn làm thầy đại luận nghị, bèn xuất gia làm Phạm Chí, vào nước Nam Thiên Trúc tìm đọc Kinh thư (đạo Bà La Môn). Mọi người hỏi : Chí của ông cầu gì ? Học tập Kinh gì ? Câu Hy La đáp : Mười tám thứ Kinh Lớn, muốn học cho hết ! Mọi người nói rằng : Cho đến hết đời ông còn chẳng hay biết được một câu, huống là học hết. Câu Hy La tự nghĩ : Trước vì kiêu mạn nên chị thắng ta, nay đến đây mọi người lại khinh nhục ta. Vì hai việc này, tự lập lời thề rằng : Ta không cắt móng tay quyết chí đọc mười tám thứ Kinh cho hết ! Do đó có hiệu là Trường Trảo Phạm Chí. Nay ông ta lấy lực trí huệ của các thứ Kinh thư đó mà chê trách hết thấy là pháp, là phi pháp, là ung, là chẳng ung, là thật, là chẳng thật, là có, là không ! Ông ta phá luận nghị người ta như con voi điên xung đột, dày xéo, không ai kiềm chế được.

Hàng phục hết các luận sư rồi, Trường Trảo Phạm Chí trở về quê cũ, hỏi người ta rằng : Chị tôi sinh con nay ở xứ nào ? Có người nói rằng : Con của chị ông sinh được tám tuổi đã đọc hết tất cả Kinh thư, đến năm mười sáu tuổi thì luận nghị thắng hết tất cả mọi người. Rồi có Đạo Nhân giòng Thích họ là Cồ Đàm thu nhận làm đệ tử ! Trường Trảo nghe xong, khởi lòng kiêu mạn, không tin, nói rằng : Con chị ta thông minh như thế, họ dùng thuật gì để dụ dỗ cháu của ta cạo đầu làm đệ tử ? Nói rồi đi thẳng đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất mới thụ giới được nửa tháng, đang đứng hầu quạt bên Đức Phật. Trường Trảo Phạm Chí chào Phật xong, ngồi một bên, tự nghĩ rằng : Tất cả luận có thể phá, tất cả lời nói có thể hoại, tất cả chấp có thể chuyển, ở trong ấy gì là thật tướng của các pháp ? Gì là đệ nhất nghĩa ? Gì là tướng ? Lại suy nghĩ : Ví như nước biển lớn, muốn xuống tới đáy, tìm cầu đã lâu mà chẳng được một pháp thật có thể nhập tâm, họ lấy luận nghị gì mà nói được con của chị ta ? Bèn hỏi Phật rằng : Ông Cồ Đàm ! Tôi không nhìn nhận tất cả pháp.

Phật Hỏi Trường Trảo : Tất cả pháp ông không nhận, vậy ông có nhận kiến (cái thấy) không ? Ông đã uống độc tà kiến, nay nhả khí độc ấy ra ! Nói tất cả pháp không nhận là kiến độc ! Ông nhận không ?

Bây giờ Trường Trảo như con ngựa tốt thấy bóng roi liền biết, rồi mển chánh đạo, liền bỏ cống cao ngã mạn, cúi đầu hổ thẹn mà suy nghĩ như vậy : Phật để ta vào trong cửa hai chỗ thua : Nếu nói ta nhận "kiến" là cửa chỗ thua thô (dễ thấy), vì nhiều người biết : Xưa nay ta tuyên bố không nhận tất cả pháp, nay nhìn nhận "kiến", như vậy là hiện tiện vọng ngữ ; hai là cửa tế (khó thấy) của chỗ thua, vì ít người biết, vậy ta cứ nói là ta không nhìn nhận kiến. Nghĩ thế rồi trả lời Phật rằng : Thưa Ngài Cồ Đàm, tất cả pháp tôi không nhìn nhận thì "kiến" cũng không nhận ! Phật bảo : Ông không nhận tất cả pháp kể cả "kiến", vậy sự không nhận và mọi người không khác, sao lại cống cao mà sinh kiêu mạn ?

Trường Trảo không thể đáp được, tự biết mình rơi vào chỗ thua, liền ở trong nhất thiết trí của Phật khởi tâm cung kính và sinh lòng tin ! Ông tự nghĩ : Ta rơi vào chỗ thua, mà Đức Thế Tôn không chỉ bày chỗ thua của ta, không nói thị phi và không để ý, tâm của Phật nhu nhuyễn, là nơi thanh tịnh đệ nhất, nơi tất cả luận bàn đều dứt bực, được pháp thâm sâu, là nơi đáng cung kính ; tâm tịnh đệ nhất không ai hơn Phật ; Phật nói pháp dứt trừ tà kiến, ngay ở chỗ ngồi đắc được xa lìa trần cấu, ở trong các pháp đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất nghe đối thoại liền đắc quả A La Hán. Trường Trảo Phạm Chí xuất gia làm Sa Môn, đắc đại lực A La Hán. Nếu Trường Trảo không được nghe khí phàn của Bát Nhã Ba La Mật mà lìa tứ cú (Có, không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không) đệ nhất nghĩa tướng pháp thì niềm tin nhỏ còn chẳng có huống là xuất gia đắc đạo quả ! Vì muốn dẫn dắt đại luận nghị sư lợi căn nên nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, chư Phật có hai lối nói pháp : Một là xét tâm người có thể độ được chưa, hai là xét tướng của sự vật. Nay Phật muốn nói thật tướng của các pháp nên nói MHBNBLM, như trong phẩm "Tất Cả Tướng, các Thiên tử hỏi Phật : Bát Nhã Ba La Mật rất sâu, làm sao làm ra hình tướng ? Phật bảo các Thiên tử rằng : Không là tướng, không tướng, không tướng làm, không tướng sinh diệt, không tướng lưu chuyển, thường chẳng sinh, tướng tính như như, tướng tịch diệt.

Lại nữa, có hai lối thuyết pháp : Một là chỗ tranh cãi, hai là chỗ chẳng tranh cãi. Các Kinh khác đã nói chỗ tranh cãi, nay muốn nói chỗ không tranh cãi, nói Kinh MHBNBLM, tướng có, tướng không, có vật, không vật, có y, không y, có đối, không đối, có trên, không trên, thế giới, phi thế giới .v.v. hai thứ pháp môn cũng như thế.

(Còn tiếp)

Sở dĩ không đăng lên báo danh sách quý Phật tử phát tâm cúng dường ủng hộ là vì tu bố thí cúng dường công đức vô tướng.

Khai Thị PHẬT THẬT A DI ĐÀ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Toàn thế giới đều đầy dẫy thiên tai nhân hoạ, âm đạm chẳng có ánh sáng, đây là biểu thị sinh mạng của nhân loại đều có sự nguy hiểm. Thứ trái khí này trước kia chưa có. Chúng ta đều biết có đạn nguyên tử, đạn kinh khí, vũ khí hạch nhân, bây giờ còn có điện xạ. Những thứ lợi khí giết người này một khi sử dụng thì nhân loại có thể đồng quy u tận. Do đó, ngày hôm nay chỉ có cách y chiếu Phật pháp tu hành thì mới có thể tiêu diệt tai hoạ trong vô hình.

Toàn thế giới đều đầy dẫy khí đen. Ở đâu có người tu hành thì nơi đó tai nạn giảm một chút. Hoặc gặp rất nhiều người tụ lại một chỗ để tu hành, cùng chung sức lực thì khiến cho tiêu tai hoá kiếp, trong vô hình cái khí sáu thành khí cát tường. Song le trước hết phải cước đạp thật địa, cung hành thực tiến, y chiếu Phật pháp tu hành.

Mọi người hãy đem chân tâm ra để niệm Phật. Niệm Phật một câu thì trong hư không có một luồng quang minh. Nếu khẩn thiết chí thành niệm Phật thì quang minh đó sẽ chiếu khắp ba ngàn thế giới, khiến cho không khí của ba ngàn đại thiên thế giới hoá làm cát tường, hoàn toàn biến đổi không khí nhiễm ô, tai nạn.

Vạn Phật Thành là một nơi ánh sáng nhất trên thế giới, vì Vạn Phật Thành phóng quang chiếu khắp vũ trụ. Bạn ở tại Vạn Phật Thành thì khởi vọng tưởng làm công đức lớn so với thế giới, còn có công đức. Tại sao lại nói như thế? Vì người của Vạn Phật Thành ai ai cũng hướng thiện, khởi vọng tưởng, nhưng đa số đều khởi vọng tưởng thiện, rất ít khởi vọng tưởng ác. Cho nên Vạn Phật Thành có thể nói là mặt trời của thế giới, mặt trăng của thế giới, chiếu khắp đại địa, khiến cho tất cả chúng sinh đều được mát mẻ.

Do đó người sống ở Vạn Phật Thành đều đã trồng nhân lành trong quá khứ, đã phát nguyện muốn cải tạo thế giới, khiến cho tai nạn thế giới lớn cải thành nhỏ, nhỏ thì không còn nữa. Do đó người ở Vạn Phật Thành, cử chỉ hành động, lời nói việc làm đều phải làm theo chánh quyết, đừng có đồng lưu hợp ô, đừng giống như một số người khác. Chúng sống ở Vạn Phật Thành đều là người rất lương

thiện, nếu có chúng sinh liệt tính thì sớm muộn họ chẳng thể tồn tại, sớm muộn gì họ cũng sẽ tự đi.

Vạn Phật Thành là Tây Phương từ dưới đất vọt lên. Tương lai hết thấy Phật Giáo đồ trên thế giới sẽ tụ hội lại với nhau, cùng nhau ở đây tu hành, cùng nhau nghiên cứu Phật pháp, khiến cho Phật giáo phát triển hưng thịnh. Tức nhiên ở tại Vạn Phật Thành xuất gia tu đạo thì tương lai chắc chắn sẽ thành Phật. Vì sao? Do đó có câu: "Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt", trước hết bạn đến Vạn Phật Thành rồi là người có công. Sau đó từ từ sẽ tu hành.

Có những người đến Vạn Phật Thành cảm thấy ở chẳng được, vì họ cảm thấy thành thị này chẳng có hoạt động nhiều, rất ngờ nghệch, chẳng có vui vẻ. Nhưng bạn nên biết, chỉ hướng bên ngoài tìm vui thì ngược lại niềm vui chân chánh bị chôn vùi. Trên thế gian này muốn tìm cái giả thì sẽ mất cái thật; muốn tìm cái thật thì trước hết phải buông xả cái giả. Đừng có muốn tu pháp xuất thế mà buông bỏ chẳng đặt pháp thế gian. Chân đạp lên hai chiếc thuyền, lại muốn đến Giang Bắc, lại muốn đến Giang Nam thì chẳng thể nào được.

Hiện tại đang đả Phật thật, phải một môn mà thâm nhập, nương chân tâm, thành tâm, kiên tâm để tu pháp môn niệm Phật, đừng để thời gian trôi qua lãng phí, phải biết "Một tác thời gian là một tác vàng", không dụng công thì sẽ tăng trưởng tội nghiệp; thật dụng công thì sẽ tăng trưởng căn lành. Phải lão thật niệm Phật mới không lãng phí thời gian, sinh mạng mới có chút giá trị.

TÂM THANH CỨU KHỔ NIỆM QUÁN ÂM

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Chúng ta hằng ngày niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, song le ý nghĩa Bồ Tát Quán Thế Âm như thế nào ? "Quán" là quán sát hết thấy âm thanh của thế gian. Vị Bồ Tát này không việc tìm việc làm. Quán cũng là nhìn, nhưng chẳng phải nhìn hướng ra ngoài mà là nhìn thẳng vào tâm của chúng sinh, nhìn xem tâm của chúng sinh nào chẳng có vọng tưởng, hoàn toàn không thì sẽ khai ngộ. Cho nên nói :

"Mười phương đều tụ hội,
Cùng học pháp vô vi".

Thiện nam tín nữ mười phương tụ lại một chỗ, cùng nhau tu pháp vô vi. Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm cũng là một pháp vô vi, vô vi mà vô bất vi. Pháp vô vi này, kêu bạn đừng khởi vọng tưởng. Bạn niệm "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát" thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng niệm bạn, đó đây cùng niệm với nhau, cũng giống như bạn nghĩ tới người thân của bạn thì người thân của bạn cũng nghĩ tới bạn. Chúng ta và Bồ Tát Quán Thế Âm từ vô lượng kiếp đến nay đều là pháp quyến thuộc, pháp thân tịch. Từ đâu mà nói ra ? Từ Phật A Di Đà mà nói ra. Phật A Di Đà là giáo chủ cõi Cực Lạc Tây Phương là thầy của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm trợ giúp Phật A Di Đà hoàng dương pháp môn tịnh độ.

Chúng ta và Bồ Tát Quán Thế Âm là pháp huynh đệ. Bồ Tát Quán Thế Âm là anh của chúng sinh chưa sinh về thế giới Cực Lạc, chúng sinh là em. Như đây mà nói thì chúng ta là người thân rất gần, cho nên chúng ta tưởng niệm anh em bà con thì anh em bà con cũng tưởng niệm chúng ta. Chúng ta là em út của Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Quán Thế Âm là anh ruột của chúng ta. Có người nói : "Bồ Tát Quán Thế Âm làm sao có thể là anh của chúng ta ? Vậy chẳng phải chúng ta vin cao quá

chăng ? " Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những coi chúng ta là

em mà cũng coi tất cả chúng sinh là em út. Bằng không thì tại sao Ngài lại tâm thanh cứu khổ ? Tại sao chúng sinh có hoạn nạn thì Ngài phải cứu giúp ? Vì Ngài coi tất cả chúng sinh như thủ túc, là cốt nhục của Ngài. Do đó mà Ngài chẳng ngại khổ gian nan cứu độ chúng sinh thọ khổ ở thế giới Ta Bà này. Cho nên mỗi người đừng quên pháp huynh đệ của mình. Chúng ta niệm một tiếng : "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát" thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng niệm chúng ta. Chúng ta kêu một tiếng "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát" thì trong đó bao hàm người anh của chúng ta. Bồ Tát Quán Thế Âm cũng kêu một tiếng chúng ta là những Bồ Tát vị lai, những người em út Phật vị lai. Bạn muốn xem Bồ Tát Quán Thế Âm như thế thì càng phải thành tâm, càng thân thiết niệm pháp huynh đệ của mình, đừng để thời gian trôi qua lãng phí. Bất quá chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì đừng chấp trước vào niệm đầu, để biểu thị tinh thần dũng mãnh tinh tấn. Bồ Tát Quán Thế Âm một khi thấy bạn có tinh thần như thế thì lập tức nói với bạn : "Hãy mau cầm tay ta !" Sau đó cùng với bạn đi về thế giới Cực Lạc.

Lại có người khởi vọng tưởng : "Sao Bồ Tát Quán Thế Âm suốt ngày tới tới cứ Nhìn ! Nhìn ! Nhìn ! Tại sao tôi không có thể nhìn ? " Sự nhìn của bạn và của Bồ Tát Quán Thế Âm khác nhau. Bồ Tát Quán Thế Âm thì nhìn vào bên trong, còn bạn thì nhìn ra bên ngoài. Bồ Tát Quán Thế Âm thì nhìn vào tự tánh. Tự tánh của Ngài và của mỗi chúng sinh đều có sóng điện. Chúng sinh nào khởi vọng tưởng thì Ngài đều biết. Ngài nhìn sóng điện bên trong khác với sự nhìn của bạn. Vì có chúng sinh cách Ngài rất xa, tuy Ngài có ngàn tay ngàn mắt, nhưng phải nhìn vô lượng chúng sinh cũng không đủ để dùng, cũng không nhìn hết. Cho nên Ngài

phải hồi quang phản chiếu, phản văn văn tự tính, nhìn tự tính của chúng sinh, chúng sinh nào đang thọ khổ thì Ngài đến cứu độ chúng sinh đó. Song le bạn thì nhìn bên ngoài mà quên đi trí huệ vốn có của mình. Do đó mà sự nhìn của bạn với sự nhìn của Ngài hoàn toàn khác nhau.

Còn có người khởi vọng tưởng khác nữa : "Hoà Thượng ! Thầy giảng về khai thị này, bất cứ như thế nào tôi cũng chẳng tin. Tại sao tôi không tin ? Chúng ta với Bồ Tát Quán Thế Âm là huynh đệ chằng ? Song le Bồ Tát Quán Thế Âm là Thánh nhân, còn chúng ta là phàm phu. Phàm phu thì sao có thể gọi anh em với bậc Thánh nhân ? Đây chẳng hợp chút nào, cho nên tôi không tin." Tốt ! Bạn không tin, bạn nói cũng có lý, song le lý lẽ này của bạn là thuộc về tri kiến của phàm phu. Vì bạn chẳng có thâm nhập Tạng Kinh, cho nên trí huệ của bạn chẳng như biển. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : "Bồ Tát nghĩ như vậy : Tôi và chúng sinh từ vô thủy cho đến nay, cùng làm anh em với nhau, cùng làm cha mẹ với nhau, cùng làm chị em với nhau, cùng làm vợ chồng với nhau." Bạn nói bạn không tin là vì bạn chẳng minh bạch đạo lý của Kinh Hoa Nghiêm. Hơn nữa, chẳng những Bồ Tát coi chúng ta là chúng sinh mà sau khi thành Phật rồi, Ngài coi chúng sinh, người nam là cha ta, người nữ là mẹ ta. Tức nhiên Phật xem chúng sinh đều là cha mẹ, vậy tôi nói Bồ Tát Quán Thế Âm xem chúng ta là huynh đệ, là chị em, đây có gì chẳng hợp lý ? Bạn nói bạn không tin, là vì bạn chẳng có trí huệ như vậy, chẳng có trí thức. Do chỗ thấy của bạn quá cạn hẹp, cho nên mới biến thành ngu si như thế. Tôi nói gì bạn cũng đều không tin.

Tại sao Phật muốn độ chúng sinh ? Vì Ngài thấy : "Người nam là cha ta, người nữ là mẹ ta". Cha mẹ của Ngài đang thọ khổ trong sáu nẻo luân hồi, cho nên bất cứ như thế nào Ngài cũng phải độ chúng sinh, hy vọng cha mẹ của Ngài lìa khổ được vui.

Chúng ta hằng ngày niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, lay Bồ Tát Quán Thế Âm, song le Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân ở trước mặt bạn mà bạn chẳng biết. Do đó chúng ta chúng sinh rất là khổ não. Gì gọi là Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân ở trước mặt bạn mà bạn chẳng biết ? Tức là ở trước mắt để khảo nghiệm bạn. Bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì phải học mô phạm của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm thì đại từ đại bi, đại nguyện đại

lực, chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm cũng phải học đại từ đại bi, đại nguyện đại lực của Ngài. Bất cứ người nào đối với chúng ta không tốt, chúng ta cũng phải dùng động tâm. Ai mắng chúng ta thì chúng ta đều phải nhẫn. Ai đánh chúng ta thì chúng ta cũng phải nhẫn, thậm chí ai giết chúng ta thì chúng ta cũng phải nhẫn, đó là trả nợ. Tại sao phải trả nợ ? Nếu như trong quá khứ mình chẳng mắng chửi người thì họ cũng đâu có mắng chửi mình. Trong quá khứ mình chẳng đánh người thì người cũng chẳng đánh mình. Tại sao có người mắng mình, đánh mình, giết mình ? Vì trong quá khứ lúc mình ngu si thì cũng từng mắng chửi người, từng đánh người, từng giết người. Cho nên đời này gặp lại cảnh giới này, phải hoàn trả nợ nần trong quá khứ cho sạch. Trước kia chẳng mình bạch thì giống như thiếu nợ không trả. Bây giờ mình bạch rồi thì phải lão thực thừa nhận món nợ đó. Chúng ta thừa nhận món nợ đó thì sẽ thấy được Bồ Tát Quán Thế Âm, sẽ có quan hệ pháp quyến thuộc chân chánh với Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho nên chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì không nên một khi gặp người thì thấy họ không đúng. Bạn cứ tìm lỗi họ không đúng thì chính mình vẫn chưa nguôi, gốc khổ vẫn chưa dứt sạch. Do đó các bạn phải nhận thức cảnh giới, triệt để nguồn gốc của pháp. Học Phật pháp thì cần phải vận dụng Phật pháp. Nếu chẳng vận dụng Phật pháp thì dù bạn tu đến đâu đi nữa, Phật pháp vẫn là Phật pháp, bạn vẫn là bạn. Nếu bạn vận dụng thì sẽ đả thành một khối với Phật pháp, chẳng có rời rạc.

Nhẫn là quan trọng nhất, tức là kêu bạn nhẫn những việc mà bạn chẳng muốn nhẫn. Ví như mình chẳng muốn bị mắng chửi mà có người mắng chửi mình, mình đều hoan hỉ. Mình chẳng muốn bị đánh mà có người đánh mình, mình càng hoan hỉ. Mình chẳng muốn bị người giết, mạng sống quý giá nhất, nhưng lại có người muốn giết mình, đây là thoát khỏi một đời nghiệp chướng của mình, là chân chánh thiện tri thức của mình. Do đó các bạn ! Học Phật pháp phải "lộn ngược lại", tu đạo cũng phải "lộn ngược lại". Thế nào là lộn ngược lại ? Tức là việc bạn chẳng muốn cũng phải muốn. Song le những việc mà bạn không muốn cũng chẳng phải nói là nhường cho người khác.

Bạn muốn giống như người khác muốn, nhìn chẳng thấu, buông chẳngặng, ngã pháp hai chấp chẳng không, có ta người chúng sinh thọ mạng bốn tướng thì phiền não sẽ hiện ra. Nếu lùi lại một bước để nghĩ thì bất cứ việc gì cũng đều "biển lặng trời xanh".

Chúng ta học Phật pháp đừng học những chỗ cao sâu. Do đó có câu : "Tâm bình thường là đạo, tâm thẳng là đạo tràng". Dùng tâm ngay thẳng để tu hành. Bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì đừng có tồn tại tâm tham, đừng nói : "Tôi niệm Bồ Tát Quán Thế Âm để phát tài". Đây chẳng thể được. Nếu bạn chẳng có tâm tham thì ngược lại sẽ đắc được, một khi có tâm tham thì ngược lại chẳng đắc được. Bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm cũng đừng hướng ra bên ngoài tuyên truyền nói : "Tôi đến đạo tràng nào đó tham gia đả thất, bạn chẳng tham gia, bạn chẳng bằng tôi". Đừng khởi vọng tưởng như thế, đừng tham danh, đừng tham lợi, cũng đừng tham hưởng thụ. Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì phải niệm bình thường, chẳng có mọi sở cầu. Đừng giống như có người niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, nói : "Tôi chẳng có con, muốn cầu Bồ Tát Quán Âm cho tôi đứa con". Có người lại muốn cầu con gái. Có con trai rồi, niệm Bồ Tát Quán Âm để cầu con gái xinh đẹp. Có con gái rồi thì muốn cầu bạn trai, đây là không thể được. Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì nên trừ khử những tạp niệm dơ bẩn đó. Đừng có tâm tham sân si. Ví như ngày ngày mặc quần áo,

đừng để ý đẹp hay không đẹp, chỉ mong đừng lạnh là được rồi. Ngày ngày ăn cơm, cũng đừng có tâm tham muốn ăn vật ngon. Nếu có những vọng tưởng như thế thì bạn chẳng có thật tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu thật tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì những ý nghĩ ăn ngon mặc đẹp gì cũng đều quên hết. Gì cũng đều quên hết thì hợp với Bồ Tát Quán Thế Âm mà làm một. Trong tâm của mỗi chúng ta chúng sinh đều có một vị Bồ Tát Quán Thế Âm. Hiện tại bạn niệm, là niệm Bồ Tát Quán Thế Âm trong tâm của mình. Có người nói : Tôi hướng vào trong tâm tìm sao chẳng có ?" Nếu tâm bạn chẳng có thì đừng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì đó tức là Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm tức là chẳng có tâm, Ngài chẳng khởi vọng tưởng, chẳng có tham sân si. Ngài cũng chẳng tính toán hôm nay phải mặc quần áo gì ? hoặc ăn chút vật ngon, hưởng thụ một chút cúng dường. Tất cả Ngài đều chẳng chấp trước, tất cả đều chẳng mong cầu gì. Ngài chỉ lo độ chúng sinh. Ngài muốn tất cả chúng sinh đều lìa khổ được vui, thoát khỏi sinh tử, sớm thành Phật đạo, mà chẳng mong cầu gì nơi chúng sinh. Ngài hy vọng chúng sinh thật sự hiểu rõ Phật pháp, chẳng có tham sân si. Chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, đừng có suốt ngày đến tối cứ khởi vọng tưởng : "Sáng sớm chẳng có gì ăn, tối lại chẳng có trà uống, khổ quá ! Chịu chẳng được, phải chạy mau !"

Thiền THAM THOẠI ĐẦU

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tham thoại đầu tức là nghiên cứu "Niệm Phật là ai ? Ai đang niệm Phật ?" Câu này là "Lai long khứ mạch", do đó "Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ". Tham câu "Niệm Phật là ai ? ", tức là kim cương vương bảo kiếm, hay chặt đứt tất cả dục niệm, chỉ chừa lại có một niệm thoại đầu, còn những niệm khác chẳng còn nữa. Lúc này đạo tâm sẽ sinh ra. Trước khi đả thiền thất niệm Phật là ai ? thì trước hết đả Phật thất. Đả Phật thất rồi mới đả thiền thất thì có công hiệu hơn.

Trước niệm Phật, sau tham câu " Niệm Phật là ai ?" Tham tức là tìm, tìm niệm Phật là ai ? là quý ? quý nào ?

là người ? là người nào ? Là tôi ? Tôi chết rồi thì có còn niệm chăng ? Để vào quan tài thì chẳng còn ai niệm Phật. Cứu kính tìm "ai" đang niệm Phật ? "ai" niệm ? Tìm niệm Phật là "ai" ? "ai" đang niệm Phật ? Tìm chẳng được. Vĩnh viễn tìm cũng tìm chẳng được. Nếu tìm được "ai" này thì vọng tưởng gì cũng chẳng còn nữa.

Tại sao còn vọng tưởng ? Vì chưa tìm được "ai". Chữ "ai" này có thể phải tìm trong một đại kiếp. Lão tu hành ngồi bất động ở đó, tức là ở trong định tìm chữ "ai" này. Vì chuyên tâm tham chữ "ai" này mà tất cả vọng tưởng chẳng còn nữa, bèn hốt nhiên khai ngộ, trong đen tối hiện ra ánh sáng, gì cũng đều thấy hết. Do đó có câu : "Khi mê thì ngàn quyển ít, khi ngộ một chữ vẫn nhiều". Đây tức là đạo lý "niệm Phật là ai ?" Do đó ai không khởi vọng tưởng thì người đó có công phu, ai muốn khởi vọng tưởng thì công phu gì cũng dụng chẳng xong, đây tức là trong tâm nghĩ muốn tham thiền.

Công phu tham thiền, tức là chuyên tâm để tham, đi cũng tham, đứng cũng tham, ngồi cũng tham, nằm cũng tham. Tóm lại, lúc nào cũng tham thiền, đừng bỏ lỡ cơ hội tham thiền. Do đó thời gian đả thiền thất thì không lạy Phật, không tụng Kinh, không lên chánh điện, cũng không quá đường. Đến lúc ăn cơm thì đi ăn, ăn xong lập tức trở lại thiền đường, tiếp tục tham thiền. Đến lúc đi nhà cầu thì phương tiện rồi lập tức trở lại thiền đường, tiếp tục tham thiền, đừng lãng phí một phút một giây, biết đâu trong thời gian một phút một giây đó là thời gian khai ngộ ? Cho nên phải tranh thủ từng giây từng phút. Do đó "Đừng lìa niệm Phật là ai" ? Đây tức là thanh kiếm trí huệ, chặt đứt thất tình lục dục. Một khi trừ sạch thất tình lục dục thì bản tính sẽ hiện tiền. Bản tính hiện tiền thì đạo quả bồ đề sẽ thành tựu.

Khi chúng ta tham thiền thì phải đối với hiện thật, khắc phục mọi hoàn cảnh, kể cả tông chỉ. Khổ tức là bắt đầu vui. Tôi thường nói : "Chịu khổ thì hết khổ, hưởng phước thì hết phước". Người xưa nói : "Phước nương sau họa, họa núp sau phước". Nghĩa là phía sau việc chẳng cát tường sẽ có việc cát tường đến ; phía sau việc cát tường sẽ có việc chẳng cát tường đến. Pháp thế gian đều là đối đãi với nhau.

Trong quá khứ chẳng biết chúng ta đã tạo bao nhiêu tội nghiệp ? Cho nên phải chịu quả báo. Nếu nỗ lực dụng công, dũng mãnh tinh tấn, nghiệp quả chịu xong rồi thì sẽ chúng đạo nghiệp. Các bạn phải chú ý ! Bất cứ gặp cảnh giới thuận hoặc gặp cảnh giới nghịch đều phải nhẫn chịu, nhẫn chịu không được cũng phải nhẫn chịu. Tu đạo tức là tu nhẫn chịu. Do đó có câu "Nhẫn là báu vô giá", nhẫn thọ được thì mới đắc được an vui thật sự. Giống như người luyện võ thuật, chẳng có kinh nghiệm, đến lúc đánh thì quên mất những gì đã học

; khi chuyện qua rồi thì thử lại, đáng tiếc đã quá muộn. Tham thiền cũng như thế, lúc cảnh giới đến thì phải nhẫn chịu, phải chịu thiệt thòi, qua được cửa ải gian nan thì sẽ đắc được tự tại. Tham thiền phải tham buổi sáng buổi tối, sáng sớm cũng tu thiền định, buổi tối cũng tu thiền định, tu lâu dần thì tự nhiên sẽ thành tựu. Phải nhẫn nại, lưng ê cũng đừng để ý nó, chân đau cũng mặc nó, một lòng một dạ tham thiền "Niệm Phật là ai ?" Như thế thì thời khắc sẽ không khởi vọng tưởng, nhiếp thọ thân tâm, khiến cho thanh tịnh, một chút vọng niệm cũng không sinh. Tâm chẳng lìa "Niệm Phật là ai ?" bốn chữ, luôn luôn đề lên, luôn luôn đừng quên, đây tức là mục tiêu dụng công.

Tham thoại đầu là một vọng tưởng, tạp niệm là nhiều vọng tưởng. Dùng biện pháp "lấy độc trị độc", do đó dùng vọng tưởng tham thoại đầu để khống chế nhiều vọng tưởng. Dần dần một vọng tưởng, một vọng tưởng sẽ tiêu diệt. Lúc đó bất cứ cảnh giới gì đến cũng đều không bị mê hoặc, phân tích rõ ràng thì sẽ không bị tẩu hỏa nhập ma. Cổ đức có nói : "Thà ngàn năm không ngộ, không thể một ngày vương ma". Tu thiền định phải cẩn thận, không thể lệch lạc, chánh đại quang minh, đừng để cho ma tìm cơ hội. Tạp niệm là mở cửa thế cho ma, mà tham thoại đầu là pháp bảo đuổi ma đi.

RẾT NGHE PHÁP

Vào thời Mục Tông Long Khánh năm thứ tư. Đại Sư Liên Trì hành cước tá túc một ngôi Chùa nọ, thấy có người bắt một số con rết, buộc đầu đuôi vào cây tre. Đại Sư thương xót mua lại rồi phóng sinh. Nhưng đa số hơn phân nửa đã chết đi. Chỉ có một con còn sống, cặp tóc bỏ đi.

Sau đó một đêm nọ. Đại Sư với một bạn hữu ngồi đàm đạo, đột nhiên trên tường xuất hiện một con rết. Dùng thước gõ gõ như muốn đuổi nó đi, mà nó không đi. Đại Sư nói : "Chất trước kia phóng sinh chính là ngươi ?" Ngươi vì tạ ơn mà đến đây chăng ? Nếu như thế thì ta sẽ nói pháp cho ngươi, mong ngươi nghe cho rõ : "Hết thấy hữu tình đều do tâm tạo. Tâm địa hung dữ thì hoá làm hổ lang, tâm địa ác độc thì hoá làm rắn rết, bồ cạp. Nếu ngươi trừ khử tâm độc thì

mới giải thoát khỏi hình thể này". Nói xong kêu nó bò đi, không cần đuổi, từ từ bò ra cửa sổ đi mất. Người bạn đang ngồi bèn lên tiếng nói rằng thật hiếm có !

NGUY CƠ VONG QUỐC DIỆT CHỦNG

Giảng tại Chùa Kim Phật ngày 08/6/88

Những năm gần đây thiên tai nhân họa luôn luôn phát sinh, tai nạn phi cơ, xe lửa, đủ thứ tai nạn vô số kể, người chết cũng không cách chi thống kê được vì tâm con người đã xu hướng diệt vong, người người đều không muốn sống, muốn chết sớm, cho nên tạo thành đủ thứ vũ khí giết người, hổ tương cạnh tranh làm hủy diệt địa cầu. Tại sao thế giới đến nông nỗi này, lâm vào trạng thái nguy hiểm này ? Người sống trên thế giới này, chẳng biết lúc nào chết sẽ đến, nào là "Ái tử bệnh (AIDS) và chứng Sida. Chứng Sida chủ yếu là vì con người ăn thịt, tàn sát sinh linh. Hiện nay đất, nước và không khí đều ô nhiễm, hết thấy vật chất cũng biến thành ô nhiễm. Thứ ô nhiễm này, nước chẳng thể rửa sạch được vì nó từ trong mà ra ngoài. Không chỗ nào mà chẳng hại độc ô nhiễm, nào là động vật ăn các thứ chất hóa học hoặc bị chích những thứ thuốc hóa học rồi bị người giết ăn thịt. Thứ thịt này vào trong cơ thể con người thì sinh ra đủ thứ biến hóa chẳng tốt, cũng hổ tương thương hại, do đó sinh ra chứng Sida và các thứ quái bệnh khác mà chẳng có thuốc chữa trị.

Hãy nhìn những nhược trí nhi đồng trên thế giới hiện nay, càng ngày càng nhiều, vì quan hệ toàn địa cầu ô nhiễm, cha mẹ cũng hút sách, không giữ quy cụ mới tạo thành hậu quả nhược trí nhi đồng. Nguồn gốc ái tử bệnh (Aids) là từ đồng tính luyến ái, trong trời đất có hai khí âm dương, hai khí này hòa hợp thì thiên hạ thái bình, nếu âm dương không đều, có âm không dương hoặc có dương không âm thì sẽ sinh ra trọng bệnh, khiến cho con người chết mau. Hiện tại phần đông không dám nói lời thật. Thật ra hết thấy bệnh trị không lành đều do người tham hoan dục lạc, ngông lảo không kiêng sợ gì, do đó mà phát sinh. Hiện tại con người không bằng loài cầm thú. Cho nên : "Đồng tính tương kỵ, dị tính tương hấp". Trời đất vạn vật sống như vậy, mà nay trời đất đảo lộn, cho nên vạn vật cũng không còn nữa, sắp bị tiêu diệt ! Sao lại như vậy? Hiện tại

đồng tính luyến ái lưu hành, là gốc rễ của tai họa, vong quốc diệt chủng, khiến toàn nhân loại tuyệt chủng. Vì con người đều có ý niệm tự muốn diệt vong mới có chuyện ái tử bệnh lan tràn. Nếu vẫn tiếp tục không giác ngộ thì cơ bản đạo đức phẩm cách làm người tương lai hậu quả không thể tưởng tượng được, muốn vẫn hồi kiếp sống này, thiên đại họa này, thì người người đều phải khử dục đoạn ái, không lạm giao, không quấy rối đồng tính luyến ái mà phải tiết chế tự tôn tự trọng.

Hơn nữa phạm là trẻ con sinh ra phải giáo dục căn bản, khiến chúng không hút độc, không uống rượu, không cờ bạc rượu chè, lang thang chơi bời, ăn ngon lười làm. Phải giáo dục trẻ con, đừng để chúng hư hỏng, giết người phóng lửa. Lúc còn trẻ phải giáo dục kỹ lưỡng. Vì sao thế giới hiện nay thanh niên phiếm loạn ? Đều vì bậc làm cha mẹ chỉ sinh con mà không biết dạy, cho nên có câu :

"Nuôi không dạy lỗi tại cha,
Dạy không nghiêm lỗi tại thầy".

Do đó phải từ gốc rễ mà giải quyết, không thể đề xướng hoặc cổ võ đồng tính luyến ái. Con người nếu không tiết dục thì tương lai nước này nước kia, cho đến toàn thế giới đều sẽ tuyệt chủng. Tại sao ? Vì đồng tính luyến ái thì sẽ không sinh con cái. "Đồng tính tương kỵ" : dương và dương tranh, hổ tương độc hại, sinh ra chứng bệnh không cách chi cứu chữa. Nhưng phần đông không thừa nhận, nói thẳng là bị tai ăn cắp chuông. Có người nói rằng : Nếu đem hai con chuột đực bỏ vào lồng, lâu dần chúng sẽ phát sinh hành vi đồng tính luyến ái. Nhưng người là thứ linh trong vạn vật, tại sao phải học loài súc sinh ?

Truyền thống giáo dục Á Châu mới là dạy nhi đồng cách thức làm người, hiếu, đễ, trung, tín, nghĩa, lễ, liêm, sỉ tám đức. Cho nên :

"Lựa thiện mà theo, không thiện thì cải ;

Phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi".

Nhưng xã hội tây phương mê về tự do, hiểu lầm tự do, không đảm nhận tự do, thật có thể nói rằng trẻ mà không dạy, già mà không nuôi dưỡng, "đào hành nghịch thi". Trẻ con còn nhỏ mà không dạy vậy sinh ra để làm gì ? Nếu cha mẹ sinh con ra mà không biết thương yêu dạy dỗ con cái, thì những bậc cha mẹ ấy chỉ tạo tội nghiệp. Tại xã hội tây phương, vứt bỏ những người già, không kính trọng, không ái hộ. Cho nên già mà không nuôi dưỡng. Vốn "Lão hữu sở chung, tráng hữu sử dụng, ấu hữu sở trường". Người già thì khoảng năm mươi tuổi mà không có vải lụa thì không ấm thân, khoảng bảy mươi tuổi mà không có thịt thì ăn không no. Thịt thời xưa không như thịt bây giờ, đây đây độc tố. Con người già rồi thì mắt mờ, tai điếc, răng rụng, thật đáng thương xót. Phần đông nuôi con để nhờ về tuổi già, không phải là ích kỷ. Vì tuổi già thì nhờ con cái chiếu cố, nếu không tại sao sinh con rồi nuôi con ? Vì sao phải kết hôn ? Như vậy hoàn toàn không có ý nghĩa gì hết. Phần đông bậc cha mẹ hiểu lầm tự do, để con cái tùy ý phát triển, như thế thì trong vạn người chỉ có một hai người minh bạch. Không sai, có nhiều người khi sinh ra thì hiểu chân lý. Nhưng chẳng phải ai ai cũng lựa thiện mà theo, lựa không thiện mà cải. Trẻ con nếu sinh mà không dạy dỗ, nuôi dưỡng chúng, để chúng theo căn tính mà phát triển thì hậu quả "Gần mực thì đen, gần xích thì đỏ, nhiễm vàng thì vàng".

Tại sao thanh thiếu niên tây phương có vấn đề hút sách nghiêm trọng ? Vì từ lúc tiểu, trung học rất dễ tiếp cận những kẻ hút sách, xì ke, ma túy, tùy tiện dưỡng thành tập quán thói hư tật xấu. Còn phở trương rằng hút những thứ độc ấy khiến cho sau này biến thành thông minh, khoái lạc, thật ra đó là khiến cho người mau chết. Như càng quấy rối thì càng ngu si. Trẻ con hút độc được rồi giống như nhập vào tà định mà chẳng phải là định lực, do chất độc khống chế mà thôi. Thanh thiếu niên đi trên con đường tự do như thế, cuối cùng đi vào con đường tử vong. Đó là hiểu lầm tự do, mà hoàn toàn không đảm nhận tự do.

Hơn nữa hiện tại, tiểu, trung, đại học đều cổ súy tính hành vi, đây là một nguyên nhân lớn đưa đến nền giáo dục bị phá sản. Thật là hoàn toàn sai lầm ! Phải dạy trẻ con đừng lạm giao (không nên kết bè bạn mà không lựa chọn cả nam lẫn nữ), phải khiết thân tự ái, giữ thân như ngọc, đừng để chúng từ sáng đến tối nhìn truyền hình, bị yêu quái ăn mất. Trẻ con năm sáu tuổi suốt ngày xem truyền hình, học hành vi nam nữ làm tình bị ối bần thỉu. Đây là thế giới gì ? Tự do gì ?

Tại trường học, rất nhiều thầy giáo đối với học sinh chẳng có căn bản phẩm đức làm người. Ngược lại còn cổ động chúng kiếm tiền càng nhiều càng tốt. Như ngành y khoa, khoa học kiếm được nhiều tiền, ngoài ra hết thầy đều không cứ tới. Tại sao nói giáo dục bị phá sản ? Vì ai ai cũng bỏ gốc theo ngọn. Lúc trước người không hiểu thảo với cha mẹ, cho đó là quên gốc, hiện nay là bỏ gốc, không những quên mất mà gốc rễ cũng không cần. Con người chỉ biết xí đồ lợi dưỡng mà không biết báo ân, chỉ cứ ăn uống chơi bời hưởng thụ, mà không cung cấp cho cha mẹ. Một cây nếu không có gốc rễ thì sẽ khô chết. Con người nếu mất gốc rễ thì sẽ tử vong. Con người hiện nay giống như cục thịt biết đi. Lòng tham muốn cũng vì lợi, quên mất nhân cách, chỉ biết lợi mình mà không lợi người. Có bằng cấp học vị, dùng lợi ích để dụ dỗ học sinh. Học sinh chuyên hướng thầy giáo tặng quà cáp, thì thầy giáo dạy họ thế nào để tranh đệ nhất, như thế nào để thủ đoạn, như thế nào để lường gạt người đời, mua danh chuộc tiếng khen. Đây không phải là giáo dục phá sản chẳng ?

Lời tôi nói phần đông không thích nghe, nhưng tôi không thể không nói. Tôi là đại biểu Thiên Chúa, Gia Tô, Phật, A Lạp Thánh nhân nói những lời này. Nếu như những vấn đề trên chỉ quan hệ một mình tôi thì tôi không nói. Nhưng đây là then chốt sự tồn vong sinh tử của nhân loại. Cho nên không màng người thích hay không thích nghe, tôi cứ nói thẳng.

PHỤ Ý MA NỮ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Thọ nên Hàn Cương Cát thấy ma quỷ lợi hại như vậy thì nói với tôi : "Sư phụ ! Việc này không xong rồi !" Tôi nói : "Bệnh tình thế nào ?" Anh ta nói : "Bệnh này nhất định phải chết ! Chẳng có cách nào trị được !" Tôi nói : "Chết à ? Không thể được ! Nếu cô ta không quy y với tôi thì đương nhiên tôi không lo. Cô ta vừa quy y với tôi vào ngày 24 tháng 2, chưa được bao lâu". Lúc đó khi quy y, tôi bảo họ niệm "Chú Đại Bi", tôi nói : "Các vị mỗi người nên học "Chú Đại Bi", tương lai sẽ hữu dụng. Khi gặp nguy hiểm gì thì hãy niệm "Chú Đại Bi", thì Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ bảo hộ các vị". Do đó, có rất nhiều người niệm "Chú Đại Bi". Tôi nói : "Nếu cô ta không quy y với tôi thì ma quỷ làm gì cô ta mặc kệ, nhưng cô ta đã quy y với tôi, thì tôi không thể để cho ma quỷ cướp mạng của cô ta, tôi nhất định phải lo". Anh ta nói : "Sư phụ, nếu Thầy lo cho cô ta, thì con chẳng đi ! Con không thể theo Thầy đi".

Tôi nói : "Cái gì ? Khi con quy y thì con nói : "nhảy vào đầu sôi lửa bỏng cũng không từ", bây giờ đâu phải là đầu sôi lửa bỏng, tại sao con từ chối ?". Anh ta không nói gì, bèn suy nghĩ rồi nói : "Sư phụ ! Thầy phải phá mấy vị hộ pháp bảo vệ con". Tôi nói : "Con đừng la lối ! Đi thì đi còn la lối cái gì ?" Anh ta nghe lời, cũng không dám la lối, bèn theo tôi đi, đến chỗ bệnh nhân thì cô ta nằm ở trên giường, đầu ở trên gối còn đít thì chổng lên trời, trông rất khó coi, song le rất hung hăng, mắt trợn lên lớn giống như mắt bò, nhất là khi nhìn thấy tôi thì càng giận dữ.

Tôi hỏi người nhà của cô ta về nguyên nhân của chứng bệnh. Họ nói bậy, tám ngày trước đây có một thiếu phụ khoảng năm mươi tuổi ngồi kế ngôi mộ ở ngoài làng. Thiếu phụ mặc áo dài màu xanh đen, quần và giày dép đều màu vàng và cô ta khóc lóc bên cạnh ngôi mộ. Nghe tiếng khóc, có bà già họ là Hạ đến an ủi thiếu phụ, nhưng thiếu

phụ cứ tiếp tục khóc nói : "Ôi người của tôi, người của tôi...". Một mặt thì khóc, một mặt thì nhìn "người" của cô ta. Bà già vẫn tiếp tục an ủi thiếu phụ, cuối cùng thiếu phụ hết khóc, và hai người đi về cổng làng. Cửa cổng có thần gác cho nên thiếu phụ không dám vào. Chung quanh làng đều có tường bao bọc ba bên bốn phía, mỗi phía đều có cửa ra vào. Bà già Hạ một mình đi vào cổng còn thiếu phụ thì ở bên ngoài khóc.

Lúc đó xe ngựa của Hạ Tôn Tường trở về làng. Khi đến cổng thì ngựa thấy thiếu phụ bèn kinh hãi chạy xông vào, vì ngựa thấy vật này thì biết ngay ! Còn con người thì không nhận ra. Khi ngựa kinh hãi chạy xông vào thì thiếu phụ cũng chạy theo vào. Có lẽ Thần giữ cổng cũng hoảng hốt khi thấy ngựa kinh hãi cũng không giữ cổng để cho thiếu phụ chạy vào.

Thiếu phụ chạy vào nhà ông Vu Trung Bảo và tiếp tục tìm "người" của bà ta. Bà ta nhìn ông Vu rồi bỏ chạy ra khỏi nhà, có khoảng ba bốn chục người bu chung quanh bà ta hỏi : "Bà tên gì ?" Bà ta nói : "Tôi chẳng có tên", lại hỏi : "Họ của bà là gì ?". Bà ta nói : "Tôi chẳng có họ, tôi là người chết". Họ bu nhìn bà ta giống như một quái vật. Bà ta lấy tay giữ cái mũ đen và bỏ đi, bà ta giống như người chẳng biết gì hết, đi đến bờ tường của nhà ông Hạ Văn Sơn, tường cao khoảng ba thước. Bà ta đến bên tường liệng cái mũ đen qua tường rồi nhảy vọt một cái qua bờ tường. Tường cao như thế có lẽ chẳng có ai nhảy qua được, thế mà bà ta nhảy qua được. Đám đông la lên : "Ồ ! Mụ điên có võ thuật, có công phu !" Do đó cả đám đông chạy qua xem bà ta.

Con trai của Hạ Văn Sơn tên là Hạ Tôn Toàn cũng là đệ tử quy y với tôi vào ngày 24 vừa qua, từ cửa chạy vào nói : "Mẹ ! Mẹ ! Mụ điên đến nhà mình, mẹ đừng có sợ !"

Mẹ của y nhìn ra cửa sổ, chẳng thấy gì lạ. Khi quay đầu lại thì thấy thiếu phụ bò vào giường đá,

đang nửa trên nửa dưới. Bà ta hỏi thiếu phụ : "Bà tìm ai ? Bà tìm ai ?" Thiếu phụ chẳng nói gì. Thấy cử chỉ của thiếu phụ rất kỳ quái, cho nên bà ta và cô con gái niệm Chú Đại Bi, vừa mới niệm câu đầu tiên "Nam Mô Hắc Ra Đất Na Đa Ra Dạ Da" thì thiếu phụ nằm dài xuống đất bất động, giống như người chết.

Thấy vậy không được, nếu chết trong nhà thì không tốt. Cho nên đi báo cáo với ông xã trưởng. Xã trưởng thấy thiếu phụ nằm dài dưới đất giống như chết bèn dùng tay mang bà ta ra ngoài sân, hỏi bà ta : "Bà từ đâu đến đây ? Và tại sao bà đến đây ?". Bà ta đáp : "Dùng hỏi tôi, tôi là xác chết, tôi chẳng có tên chẳng có họ, cũng chẳng có chỗ ở, tôi đến đâu thì ở đó". Ông xã trưởng nghe bà ta nói thế cũng kinh hãi, bèn đem bà ta đi ra khỏi làng khoảng năm mươi bộ, rồi trở về cổng làng thì thấy bà ta đang ở sau lưng, bèn đem bà ta đi xa khoảng bảy mươi bộ, lần này bà ta cũng theo về. Cuối cùng ông ta và ba nhân viên nữa mang bà ta đi xa khoảng một trăm năm mươi bộ và nói : "Đi mau ! Nếu không ta bắn !" Và họ bắn chỉ thiên hai lần. Bà ta ngã xuống đất vì sợ hãi, tưởng tiếng súng là tiếng sấm sét đã giết bà ta trước kia. Lần này bà ta chẳng theo họ trở về làng.

Khi ông xã trưởng và mấy người nhân viên trở về thì nghe tin con gái của ông Hạ Văn Sơn bị bệnh, chẳng nói, chẳng ăn uống, chẳng ngủ, chỉ nằm trên giường tròng mắt, đầu thì trên gối, dít thì chống lên trời, đã bảy tám ngày không ăn uống gì cả.

Trước khi đến nhà ông Hạ Văn Sơn, tôi nói với Hàn Cương Cát : "Con nói, nếu chúng ta dính vào việc này thì sẽ chết. Thà ta chết chứ không để cho đệ tử quy y với ta chết. Thứ nhất, ta phải cứu những người quy y với ta, không thể thấy họ chết mà không lo. Thứ hai, ta phải cứu con ma này, con nói chẳng có ai quản được nó, nhưng nó đã phạm biết bao tội lỗi, nhất định sẽ có người hàng phục được nó. Nó đã tu luyện nhiều năm, nếu tiêu diệt nó đi, thật là đáng tiếc. Nếu nó có bản lãnh giết ta, ta cũng phải đi cứu cô ta. Thứ ba, ta phải cứu tất cả chúng sinh trên thế gian, nếu ta không hàng phục được nó thì tương lai nó sẽ hại nhiều người nữa, vì những lý do đó, ta nhất định phải đi". Cho nên mới đến nhà của người bệnh.

Lúc đó ông xã trưởng cũng đến, nghe chúng tôi đàm luận, thiếu phụ đó là con ma, ông ta nghĩ lại nói : "Hèn chi hôm đó tôi dùng tay nhấc bà ta lên mà chẳng cần tí sức nào, giống như chẳng có vật gì, nếu không nói, tôi cũng nghĩ không ra, bây giờ mới biết đó là ma".

Chúng tôi phải tìm cách hàng phục nó. Làm sao để hàng phục ? Trong Chú Lăng Nghiêm có năm loại pháp. Trong năm loại pháp có : "Tiêu tai pháp", tức là ai có tai nạn gì thì có thể làm cho khỏi. Có "Cát tường pháp", có sự việc gì không được cát tường thì có thể biến thành cát tường. Có "Câu triệu pháp", tức là bất cứ yêu ma quỷ quái xa bao nhiêu thì có thể tùy thời bắt nó lại, lại có "Hàng phục pháp", tức là ma quỷ đến thì bạn hàng phục được nó. Có những loại pháp này, cho nên lúc đó tôi dùng "Chú Lăng Nghiêm" để kêu Như Ý Ma Nữ đến, khi gọi đến, bà ta vào cửa mang một mùi tanh không tưởng tượng nổi, ai mà ngửi mùi tanh đó thì phải ói mửa.

Khi bà ta vào thì dùng cái mũ mà bà ta đã luyện để chụp lên đầu tôi, nhưng chụp lên đầu tôi chẳng được, cái mũ của bà ta đã vô dụng, bà ta lại đem banh tròn tròn ném lên mình tôi, song le cũng chẳng trúng thân của tôi.

Bà ta đã dùng hai thứ pháp thuật đều chẳng có công hiệu, vô dụng. Bà ta biết đã hết cách, muốn bỏ chạy ! Song le, đông tây nam bắc, tứ duy trên dưới chẳng có lối thoát. Vì khi bà ta vào thì tôi đã kiết giới, giống như đã bày bố trận, cho nên bà ta chẳng có lối thoát; phía trên, phía dưới trước sau phải trái đều có hộ pháp thiên long bát bộ giữ bà ta lại, chạy không khỏi, hết cách bà ta bèn quỳ xuống khóc lên. Tôi bèn thuyết pháp "Tứ Diệu Đế", "Mười Hai Nhân Duyên" và "Pháp Lục Độ" cho bà ta nghe. Bà ta hiểu được, muốn quy y Tam Bảo, phát bồ đề tâm. Tôi chấp nhận và quy y cho bà ta, cho bà ta tên là "Kim Cang Như Ý Nữ". Quy y rồi, bà ta luôn luôn theo tôi đi các nơi độ người. Nhưng bản tánh của bà ta là ma tính, theo tôi đến nơi nào thì nơi đó cũng đều có mùi tanh. Về sau thấy vậy, tôi kêu bà ta đến núi Lạc Pháp, "Động Vạn Thánh Linh Long" thuộc huyện Giao Hà tỉnh Cát Lâm để tu hành.

Tại sao nơi đó lại gọi là "Động Vạn Thánh Linh Long ?" Tôi có rất nhiều đệ tử kỳ quái quy y, tôi đều phái họ đến đó để tu hành. Nơi đó, tôi cũng đã từng đến. Về sau bà ta tu hành chẳng bao lâu thì có chút thần thông, thường thường đi đến các nơi cứu người. Song le bà ta cứu người cũng không muốn cho người biết là bà ta cứu người như thế nào, do đó :

"Làm việc thiện mà muốn người thấy,
thì chẳng phải là chân thiện ;
Làm việc ác mà sợ người biết,
thì là đại ác".

Bạn làm việc tốt, muốn cho người biết thì chẳng phải là việc chân thiện. Bạn làm việc ác mà sợ người biết thì là việc rất ác. Cho nên "Nữ Ý Ma Nữ" này cuối cùng cũng biến thành quyến thuộc của Phật. Cái động này sao lại gọi là "Động Vạn Thánh Linh Long ?" Vì một động có ba cửa động, ở bên này có thể nhìn qua bên kia, bên kia có thể nhìn qua bên này, thấu suốt với nhau cho nên gọi là linh long. Giống như trong ly thủy tinh đựng gì thì biết ngay, cho nên gọi là linh long. Chẳng phải nhất định nói về ly thủy tinh, tức là bên trong có thể nhìn thấy bên ngoài, bên ngoài có thể nhìn thấy bên trong. Động này có ba cửa động, ba cửa động này đều thông với nhau, ở trong đó có một cái miếu. Vật dụng tạo miếu này đều dùng gỗ để chõ, một lần vậy sức gỗ chõ được hai miếng gỗ hoặc một khúc gỗ, vì núi đó quá cao. Trong động đó, bên ngoài cửa phía tây có động "Lão Tử". Cửa động phía đông có động "Tích Thủy". Trong động tích thủy đó nước nhỏ từng giọt từng giọt đủ cho thiên nhân vạn mã uống. Phía sau động là động "Kỉ Tổ", tức là Kỉ Hiếu Đường. Kỉ Hiếu Đường cũng là người quê của tôi ở Đông Bắc Trung Quốc, ông ta đã hàng phục được năm con quỷ, ở núi Lạc Pháp này và hàng phục được "Hắc Ngư Tinh". Hắc Ngư Tinh này vào đời nhà Minh làm quan ở Bắc Kinh gọi là Hắc đại nhân. Ông ta họ Hắc, nhưng ông ta

chẳng phải người, ông ta là cá. Kỉ Hiếu Đường biết được nên bắt tóm ông ta, biết trước ông ta có ngày sẽ đi qua núi này cho nên ở đó đợi ông ta. Khi ông ta đi qua, Kỉ Hiếu Đường dùng "Chưởng thủ lôi" đánh chết Hắc đại nhân tại đó.

Cho nên động ở trên núi đó, chẳng ai biết rõ có bao nhiêu cái động. Hôm nay bạn biết có bảy mươi hai cái, ngày mai thì có bảy mươi ba cái, ngày mốt lại thêm nữa hoặc là có bảy mươi, không nhất định được.

Có một người đi lên núi, nhìn thấy hai ông lão đang đánh cờ. Y nhìn lên đó bèn ho lên một tiếng thì hai ông già râu dài nhìn nói với nhau : "Sao y lại lên đây ?" Cửa động bằng đá tự nhiên đóng lại ! Y bèn quỳ ở đó cầu pháp cho đến chết. Bây giờ mộ của y vẫn còn ở bên ngoài cửa động đá. Bạn thấy đó ! Người ta cầu đạo, cầu pháp, quỳ chết ở đó cũng không đứng dậy. Cho nên núi đó có rất nhiều thần tiên.

Tôi có gặp một người tên là Lý Minh Phước, y có võ thuật, chạy rất nhanh như khỉ. Một ngày nọ tôi đến nơi đó, đi vào lúc sáng sớm khoảng hơn bốn giờ sáng thì lên tới núi, thấy y đang lễ Phật. Đầu tóc phía sau của y bó lại nặng khoảng ba, bốn cân, trên đầu có cài cây trâm, y chưa bao giờ tắm rửa. Hình dáng của y rất nhỏ, mặt, mắt, mũi miệng, thân thể rất nhỏ, nhưng rất mạnh vô cùng. Y một mình có thể cầm hai thanh sắt làm đường rầy (xe lửa), trong khi đó tám người thường chỉ khiêng được một thanh sắt. Chẳng ai biết y bao nhiêu tuổi, người ở đâu đến, vào thời nào ? Đó là một người kỳ quái mà tôi đã gặp qua ở đó.

Những gì mà tôi vừa kể với quý vị chẳng phải là sự tích, chẳng phải tự tạo, mà là sự thật, một sự việc chân thật ! Các bạn tin cũng tốt, không tin cũng tốt, tin hay không tùy bạn !

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

(La suite)

Nous allons commencer maintenant par le chapitre 1.

Sutra : (AINSI J'AI ENTENDU . . .)

U NE FOIS, LE BOUDDHA DEMEURA SUR LA MONTAGNE GRDHRAKUTA, PRES DE LA VILLE OU SE TROUVE LE PALAIS DES ROIS, AVEC UN RASSEMBLEMENT DES GRANDS BHIKSHUS, DOUZE MILLES EN TOUT. ETAIENT DES ARHATS QUI AVAIENT EPUISE TOUS LES ECOULEMENTS ET N'AVAIENT PLUS D'AFFLICTIONS. AYANT OBTENU L'AVANTAGE DU SOI, ILS ETAIENT LIBERES DE TOUS LES LIENS INTERDEPENDANTS ET PARVENUS A LA MAÎTRISE SU SOI.

Commentaire : UNE FOIS répond au besoin du temps, ne donnant pas la date exacte, car cela mènerait à la spéculation infinie parmi des histoires. C'était le "temps" où le Sutra fut parlé. Le Bouddha répond au besoin de l'invité. Le Bouddha est un être éveillé. Il y a trois sortes d'éveil.

1. L'éveil fondamental : C'est la propre nature du Bouddha dans tous les êtres, notre éveil potentiel qui ne dépend pas de la pratique.

2. L'éveil initial : Pour étudier la doctrine du Bouddha et actualiser cet éveil potentiel. Vous parviendrez éventuellement à la comprendre complètement. Lorsque vous la comprenez complètement, vous réaliserez la Bouddhité L'ultime illumination.

Il y a aussi les trois types suivants d'éveil :

1. L'éveil du soi : Ceux qui sont éveillés pour soi même sont différents des gens ordinaires qui sont ignorants. Ceci fait allusion aux Shravakas et des Pratyekabouddhas.

2. L'illumination des autres : Ce sont des Bodhisattvas qui sont différents des Shravakas et des Bouddhas. Ces Bodhisattvas enseignent à tout le monde les doctrines qu'ils ont compris pour les amener à l'éveil suprême. C'est l'esprit du Bodhisattva qui bénéficie lui-même et bénéficie aux autres. Ceux des deux véhicules bénéficient eux même aussi ; ils ne bénéficient pas aux autres. Ils profitent de leur propre compréhension, mais ne cherchent pas à guider les autres à la

même compréhension. Le Bouddha appela les gens des deux véhicules des Arhats de la compréhension pour soi-même. Il les insultait et dirent qu'ils étaient des bourgeons fanés et des graines stériles, parce qu'ils ne s'intéressaient pas à la propagation de la doctrine du Bouddha.

3. La perfection d'éveil et de la pratique : C'est l'éveil du Bouddha. Bien que les Bodhisattvas éveillent les autres, ils n'ont pas perfectionné leur illumination et leur pratique. Seul le Bouddha a perfectionné à la fois l'éveil de lui-même et la pratique en éveillant les autres.

Ayant perfectionné les trois types d'éveil et accompli les dix milles vertus, Il est appelé donc, "le Bouddha".

Le Bouddha Shakyamuni était né en Inde, le fils du roi Shuddhodana de la caste Kshatrya qui était le gouverneur du Kapilavastu. Son nom personnel était Siddhartha. Il quitta la vie de famille quand il avait dix neuf ans, réalisait la Bouddhité à trente ans et enseignait le Dharma pendant quarante neuf ans à plus de trois cents assemblées du Dharma. Son disciple Ananda avait trente ans de moins que le Bouddha et quitta la vie de famille quand il avait vingt ans. Il a entendu les enseignements du Bouddha pendant seulement vingt neuf ans. Mais le Bouddha utilisait ses pouvoirs spirituels pour reparler des premiers vingt ans de ses enseignements à Ananda, qui les rappelait exactement et les enregistrait et les compilait.

LE BOUDDHA DEMEURA SUR LA MONTAGNE GRDHRAKUTA, PRES DE LA VILLE DU PALAIS DES ROIS.

Ceci répond à la demande de lieu. La Ville Du Palais Des Rois était la capitale de Magadha en Inde centrale. La ville fut entourée par les cinq montagnes, l'une d'elles était la montagne Grdhrakuta, "le bec du vautour nommé ainsi parce qu'elle était formée comme un vautour".

ENSEMBLE AVEC UN RASSEMBLEMENT DE GRANDS BHIKHUS, DOUZE MILLES EN TOUT.

La plupart des Sutra enregistre une assemblée de mille deux cents cinquante Bhiskhus, mais il y

avait spécialement un grand rassemblement à l'assemblée du Sutra du Dharma de la Fleur.

LES GRANDS BHIKSHUS sont ceux qui sont sur le point de réaliser l'état d'Arhat.

BHIKSHU : Ce terme contient plusieurs significations, il n'est pas traduit mais il est mentionné en Sanscrit. Les trois significations du mot Bhiskhu sont :

1. Mendiant : Les Bhikshus ne préparent pas leur propre nourriture. Au temps du Bouddha, certains d'entre eux pratiquaient l'ascétisme, c'est à dire ne manger seulement qu'une fois par jour avant midi ; d'autres pratiquaient la pratique ascétique de ne pas manger après midi, lorsqu'il était l'heure de manger, ils prirent leurs bols, se rendèrent en centre ville et mendiaient de porte en porte, et les laïcs leur donnèrent comme offrandes de la nourriture.

2. Effrayeur du Mara : Quand celui qui a quitté la maison est sur le point de recevoir les préceptes complets, les Maîtres du précepte composés de Trois Maîtres et Sept Témoins, lui demandent, "Etes-vous un grand héros ? "

"Je suis un grand héros", répondit-il.

"Avez-vous fait naître l'esprit du Bodhi ? " demandent-ils.

"J'ai fait naître l'esprit du Bodhi", répond-il ;

Le moment où il répond à la deuxième question, l'esprit Yaksha voyageur terrestre dit à un esprit voyageur de l'espace, qui avertit un esprit céleste qui à tour de rôle fait savoir au sixième ciel du désir, où Mara y demeure, disant, "parmi les gens, une telle personne a quitté la maison. La suite du Bouddha s'est agrandi d'un être et la suite du Mara a diminué d'un être". En entendant ceci, le roi démon est jaloux et effrayé. Par conséquent, les Bhikshus sont appelés des effrayeurs du Mara.

3. Les destructeurs du mal : Les Bhiskhus détruisent les maux de l'affliction et ignorance aussi bien que les poisons de la cupidité, de la haine et de la stupidité. L'assemblée des Bhiskhus qui étaient Shravakas, répondent à la demande de l'auditeur. Combien y avait-il ? Douze milles.

Chaque Sutra commence par ces six nécessités parce qu'au moins toutes les six nécessités sont remplies, le Bouddha ne parlera pas de Dharma. Par exemple, il doit y avoir un auditeur pour écouter et un endroit dans lequel parler du Dharma. Troisièmement, un invité d'orateur est nécessaire, un Maître du Dharma qui comprend vraiment la doctrine du Bouddha. Si vous avez simplement un spectateur et un lieu, mais personne ne parle du Dharma, vous ne pouvez pas réunir une assemblée du Dharma. Ensuite vous avez besoin d'une durée, par exemple, de sept

heures à neuf heures du soir. Il doit y avoir une audition, c'est à dire vous avez besoin de venir pour écouter. Si vous écoutez mais vous ne croyez pas, alors la nécessité de la foi manque. Vous pouvez penser, "Le Maître du Dharma parle extrêmement bien, il s'exprime facilement. Plus j'entends, plus je veux écouter, dans ce cas la nécessité de la foi est rencontrée.

Ceci complète la discussion des six nécessités. L'expression AVEC UN RASSEMBLEMENT DE GRANDS BHIKHUS, DOUZE MILLES EN TOUT indique le nombre présent. TOUS ETAIENT DES ARHATS montre leur position. Les expressions suivantes, TOUS ETAIENT DES ARHATS QUI AVAIENT EPUISE TOUS LES ECOULEMENTS ET N'AVAIENT PLUS D'AFFLICTIONS ; AYANT GAGNE LA PAIX ET LE BENEFICE PERSONNEL. ILS ETAIENT LIBERES DE TOUS LES LIENS INTERDEPENDANTS ET PARVENUS A LA MAÎTRISE DU SOI, font éloge de leurs vertus.

TOUS ETAIENT DES ARHATS : Le mot Arhat du Sanscrit a trois significations qui correspondent aux trois significations du mot Bhikshu. La pratique sur le plan causal comme un Bhikshu mène au résultat d'Arhat.

1. Un digne d'offrandes : Sur le plan causal, un Bhikshu est un mendiant. Par suite, un Arhat est digne des offrandes, digne de recevoir des offrandes des hommes et des dieux de tous deux doivent lui faire offrandes. "Arhat" veut dire aussi "Celui qui doit faire offrandes" -- c'est à dire on doit faire offrandes aux autres Bhikshus. Par exemple, quand le Bouddha était dans le monde, les Bhikshus et les gens ordinaires faisaient offrandes au Bouddha ; mais une fois le Bouddha se changea en un pratiquant de la voie et faisaient offrandes à tous les Bhikshus à tour de rôle.

2. L'assassin des voleurs : Sur le plan causal, un Bhikshu détruit le mal ; sur le plan du résultat, l'Arhat est un assassin des voleurs. Il tue les voleurs de l'ignorance et de l'affliction et les six voleurs des yeux, des oreilles, du nez, de la langue, du corps et de l'esprit. Vous pouvez vous demander, "ils ont assassiné les voleurs. Mais ont-ils tué les non-voleurs ?" Oui, en effet, ils en ont. Ils ont tué non seulement pas les voleurs ils ont tué aussi les non-voleurs. Quelqu'un peut se demander, "Quels sont les non-voleurs ?"

Dans le Petit Véhicule, les Shravakas et les Bouddhas-Pratyeka considèrent certaines choses comme n'étant pas de voleurs qui au niveau du Bodhisattva sont vues comme des voleurs. Ils ont tué aussi ceux-ci.

3. Celui sans naissance : Sur le plan causal, un Bhikshu effraie Mara et par suite devient un Arhat, celui sans naissance. Il n'est ni produit ni détruit. Au quatrième étape d'Arhat, on éveille la patience de la Non-Production des Dharmas ; dans le grand trichilicosm, on ne voit pas le moindre dharma produit ni le moindre dharma détruit. Comme c'est un état inexprimable, ineffable, il peut être seulement enduré dans l'esprit. Cependant, il est appelé la patience de la Non-Production des Dharmas.

Il y a quatre niveaux d'Arhats : Le premier, le deuxième, le troisième et le quatrième.

L'Arhat de la première étape est appelé un Shrotaapana. A la première étape d'Arhat, le cycle de la naissance et de la mort n'est pas encore achevé. Il est appelé la "position de voir la voie". Shrotaapana veut dire "l'entrée du cours d'eau". Ils ont entré le cours d'eau de la nature du Dharma des sages et vont à l'encontre du cours d'eau des six objets du sens des gens ordinaires. Les six objets du sens sont : Les formes, les sons, les odeurs, les goûts, les objets palpables et les Dharmas. Ceux qui ont parvenu au premier fruit d'Arhat n'entrent pas dans les formes, les sons, les odeurs, les goûts, les objets palpables ou les Dharmas.

Les formes : Parce qu'ils ont le pouvoir de la concentration, les formes n'agitent pas leurs esprits. Qu'il en soit ainsi une forme est belle. Quand ils la rencontrent, leurs esprits ne sont pas affectés et ils "n'entrent pas" dans les formes. Les sons : La plupart des gens aiment entendre les chansons et la musique. Les Arhats de la première étape ne sont pas simplement affectés par les sons, qu'ils soient des bons sons, des mauvais sons, les sons agréables, les sons irritants, les sons corrects et les sons faux. Ils ne sont pas tournés par les sons ; ils sont capables de tourner les sons. C'est à dire ils sont en autorité.

Les odeurs : Parce qu'ils sont tournés par les odeurs, les gens adorent les odeurs agréables et sont mécontents par des mauvaises odeurs. Si vous adorez ou êtes mécontent par des odeurs,

vous avez des pensées d'amour et détestez et être par conséquent affectés par les odeurs.

Les goûts : Parce que nous sommes tournés par les goûts, nous aimons manger un peu plus d'aliments savoureux et tendons à éviter les mauvais. A la première étape d'Arhat, on n'est pas affecté par les goûts.

Les objets palpables : les gens ordinaires sont tous cupides des objets du toucher. L'amour émotionnel entre les hommes et les femmes se soulève quand on n'a pas pénétré et débarrassé des objets du toucher. Les gens désirent que leurs corps viennent en contact avec les autres corps parce qu'ils ne sont pas capables de "tourner" les objets du toucher. Les Arhats à la première ne sont pas affectés par les objets du toucher. Ils ne sont pas avides des belles choses à toucher ou des choses charmantes pour s'accrocher.

Les Dharmas : Si vous avez l'attachement, alors il y a plusieurs différentes sortes de Dharmas. Les Arhats de la première étape ne s'attachent pas à n'importe quel Dharma quoi que ce soit.

Si quelqu'un prétend qu'il a atteint le fruit, obtenu la voie et éveillé, vous pouvez l'essayer. Invitez-le à dîner et présentez-lui deux plats, un délicieux et l'autre écœurant. Ensuite laissez-le choisir. Mais ne lui dites pas que vous le testez ou évidemment il prendra la mauvaise nourriture. Mais en voulant manger délibérément la mauvaise nourriture, il révèle aussi une susceptibilité pour les objets du goût. Pourquoi ? Parce qu'il aime réellement la bonne nourriture, mais il sait que vous le testez et il mange posément la mauvaise nourriture. Il a été tourné et fait simplement la comédie. S'il n'est pas vraiment tourné par les odeurs et les goûts, il ne fera pas n'importe quel choix il mangera simplement la bonne avec la mauvaise parce qu'il ne fait pas de différences. Ceci prouve que le pratiquant a un peu de l'habileté mais in n'est pas bien sûr qu'il a certifié le premier fruit. Vous ne pouvez pas prétendre par hasard d'avoir atteint le fruit ; vous devez être capable de le prouver.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Les gens s'attachent aux possessions et font continuellement des distinctions du "moi" et du "mien". Ils sont incapables de mettre de côté des objets matériels ou des plaisirs physiques. "C'est mon avion". "C'est ma voiture, la toute dernière modèle, vous savez !" Tout ce qu'on possède, on a juste ce genre d'attachement. Les hommes ont des attachements masculins, les femmes ont des attachements féminins ; les gens bons ont des attachements des gens bons ; les gens mauvais ont des attachements des mauvais gens. Quels que soient les attachements, ceux qui les ont, ne peuvent pas les abandonner. Ils continuent à en vouloir plus et s'attachent de plus en plus. Le processus est infini. Les plaisirs tels que la bonne nourriture, une belle maison, un divertissement passionnant et les semblables sont toujours considérés comme avantageux, mais ce n'est pas certain qu'ils en sont. Bien que vous ne puissiez pas vous rendre compte, c'est simplement ce désir ardent pour le plaisir qui empêche votre réalisation de la Bouddhité. Ainsi, le Bouddha a dit, "C'est simplement à cause de la fausse réflexion et des attachements que les êtres vivants sont incapables de réaliser la Bouddhité".

Dans le Sutra Shurangama, le Bouddha dit, "Bodhi est l'arrêt de la mauvaise pensée". La mauvaise pensée est expliquée comme le faux esprit égocentrique, l'esprit affectueux du status, l'esprit rempli d'espérances et d'illusions inutiles, l'esprit qui méprise les autres et ne peut pas voir au-delà de ses propres réalisations et intelligence.

Même quelqu'un qui ressemble à une des huit créatures bizarres se considérera d'être très beau. Tels grands attachements comme ceux-ci sont mis au repos quand le mauvais esprit est fait pour arrêter. Cet arrêt est le Bodhi. Qu'est ce que le Bodhi ? C'est l'éveil de la voie ; c'est l'ouverture de l'illumination qui n'est pas loin de la réalisation de la Bouddhité. Si vous pouvez provoquer le mauvais esprit d'arrêter, alors vous êtes bien sur la bonne voie.

Parmi les trois types d'illumination, l'illumination de soi des Arhats et des Pratyekabouddhas les distingue des gens ordinaires et ignorants.

Les Pratyekabouddhas atteignent la réalisation en pratiquant les douze liens conditionnés. Les Arhats atteignent la réalisation en pratiquant (la porte-Dharma des) les quatre Nobles Vérités. Les Bodhisattvas se diffèrent des Arhats et des Pratyekabouddhas dans leur détermination de conduire les êtres à l'éveil et de faire du bien des êtres .

En réalité, L'Arhat, le Pratyekabouddha et le Bodhisattva sont simplement des gens qui ont pratiqué jusqu'à la libération. Ici, nous pouvons parler d'un être qui pratique successivement pour devenir un Arhat, puis un Pratyekabouddha et enfin un Bodhisattva au moyen des six Paramitas et des myriades pratiques ; une telle personne renferme tous les trois niveaux.

Certaines personnes pratiquent cependant pour atteindre le niveau d'Arhatship et ne veulent plus continuer. Ayant compris lui-même, une telle personne dit, "J'ai déjà atteint moi-même l'illumination. J'ai compris, je peux ignorer tout le monde". Il s'interrompt momentanément à l'accomplissement de l'étape Arhat et cela ne lui vient pas à l'esprit de continuer le chemin jusqu'à la Bouddhité Pratyeka. D'autres continuent jusqu'à la Bouddhité, mais n'envisagent pas à se progresser plus loin. Alors on peut dire qu'ils sont une personne ou on peut dire qu'ils sont trois personnes.

Un Bodhisattva, cependant - - celui qui éveille lui-même et les autres - - pratique les six Paramitas et l'ornement des myriades de pratiques et il peut continuer à progresser jusqu'à ce qu'il atteigne la perfection de la voie Bodhisattva. Cette étape est la suprême l'illumination et de la pratique ; c'est la réalisation de la Bouddhité. L'état du Bouddha de l'illumination parfaite et de la pratique le différencie du Bodhisattva.

Ces trois sortes d'illumination peuvent être discutées longuement. Et si on souhaite les pratiquer, alors il y a plusieurs distinctions ; dans les réalisations se trouvent davantage de réalisations ; dans les distinctions se trouvent davantage de distinctions, le processus est extrêmement complexe.

"Le Sommet" est le point le plus haut, le haut de la tête est le sommet ; au-dessus, c'est le ciel. On dit parfois des gens que le sommet de la tête touche le ciel et les pieds touchent la terre. Ensemble, les trois mots "le grand sommet du Bouddha" parlent le sommet de la tête du grand Bouddha. Quelle taille est le grand Bouddha ? La taille d'une statue de Bouddha à "six feet" de haut ? Vous vous demandez.

Non, une statue de Bouddha est une seule goutte dans l'océan ou un petit atome de poussière dans un système monde. Il n'y a rien plus grand que le grand Bouddha. Il est grand et cependant n'est pas grand. C'est la vraie grandeur.

"Qui est-il ?" Vous vous demandez.

C'est le Bouddha qui se répand partout. Il n'y a pas de lieu où il y est et aucun lieu où il n'y est pas. Quel que soit le lieu où vous dites qu'il y est, il ne

se trouve pas là bas. Partout où vous dites qu'il n'y est pas, il se trouve là. Quelle taille diriez-vous qu'il a ? Il n'y a pas de moyen de calculer sa taille et alors il est vraiment grand - - si grand qu'il dépasse la grandeur.

"Comment peut-on dépasser la grandeur ?"

Aucune grandeur ne peut pas comparer à la sienne ; sa grandeur est la plus grande.

"Qui est-il alors ?"

Le grand Bouddha.

"Qui est ce grand Bouddha ?"

Il est vous et il est moi.

"Mais je ne suis pas ce grand. Et autant que je puisse dire, ni vous. Comment pouvez-vous dire qu'il est vous et moi ? Vous vous demandez.

"Comment peut-on discuter ainsi ?"

S'il n'avait pas de relation entre vous et moi, il ne serait pas nécessaire de discuter avec lui.

"Comment suis-je ce grand ? Vous vous demandez.

La nature de Bouddha est grande et elle est pure à l'intérieur de nous tous. Juste ce grand Bouddha incomparablement.

Maintenant, nous ne parlons pas seulement du grand Bouddha, nous avons fait allusion au haut sommet de sa tête. La seule chose qui est plus grand que le grand Bouddha est son sommet. Et le sommet du grand Bouddha se réfère à l'apparence d'un autre grand Bouddha.

"Quelle taille est ce Bouddha ?" Demandez-vous.

Ce Bouddha est invisible. Il est référé au verset que nous récitons avant la récitation du Mantra Shurangama :

La transformation au-dessus du sommet invisible

lâchait la magnifique lumière

Et proclamait ce Mantra spirituel.

Ce qui est invisible peut-être dit ne pas exister. Comment peut-on faire allusion à l'existence d'un grand Bouddha quand il ne peut même pas être vu ? Ce qui ne peut-être pas vu est vraiment grand. S'il n'était pas si grand qu'être invisible, pourquoi supposez-vous que vous ne pouviez pas le voir ?

"Les petites choses sont invisibles, pas celles des grandes". Vraiment ? Le ciel est grand, mais pouvez-vous voir tout ? Non ! La terre est immense, mais pouvez-vous voir sa surface entière ? Non ! Ce qui est vraiment grand ne peut être pas vu.

Le sommet invisible du grand Bouddha émet une lumière.

"Quelle grandeur de la lumière ?

Réfléchissez. Un grand Bouddha pouvait-il émettre une petite lumière ? Naturellement, la lumière qu'il émet est si grande qu'elle illumine tous les lieux.

"Brille-t-elle sur moi ?"

Elle a toujours brillé sur vous.

Alors pourquoi ne suis-je pas au courant de cela ?

Voulez-vous la connaître ?

Quand l'esprit est pur,

La lune apparaît dans l'eau.

Quand les pensées sont faites,

Le ciel est sans nuage.

Si votre esprit est extrêmement pur, la lumière du Bouddha brillera sur vous et illuminera votre esprit comme la claire de lune qui pénètre le profond dans l'eau claire. Si votre esprit est impur, c'est comme une flaque d'eau boueuse par laquelle aucune lumière ne peut traverser. L'esprit dans le Samadhi est comme un ciel sans nuage, un état qui est indiciblement merveilleux. Si vous pouvez vraiment purifier votre esprit, alors vous pouvez obtenir la force du Samadhi Shurangama.

Tathagata est un mot Sanscrit ; il veut dire "Celui Venu Ainsi". Il n'a rien qui n'est pas "Ainsi", et rien qui n'est pas "Venu". "Ainsi" se réfère à la matière principale de la doctrine du Bouddha, et "Venu" se reporte à la fonction de la doctrine du Bouddha. "Ainsi" se réfère à un état de vérité impassible. "Venu" signifie retourner maintes et maintes fois.

Ou dit alors,

Ainsi, Ainsi impassible,

Venu et revenu,

Venu et pourtant pas venu.

"Où va-t-il ?"

Nulle part.

"Vers quel endroit vient-il ?"

Il n'y a pas de lieu pour aller.

Pourtant, le Sutra Vajra dit, "Le Tathagata ne vient de nulle part ni ne va vers nulle part". Il ne va pas vers vous ni ne vient vers moi et pourtant il se trouve juste là avec vous et juste ici avec moi.

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Commentaire :

III. Le programme des Mudras : Après la méditation, on devrait avoir connaissance des mudras. Après que vous connaissiez le programme du langage et le programme de la contemplation, vous devriez comprendre le programme du mudra. "Selon les cérémonies de la récitation d'un mot du Roi de la Roue du Bouddha du Sommet, le Mudra de Nuage Blanc du Bouddha du Sommet est fait en mettant les tampons des pouces sur les ongles des annulaires et puis en plaçant vos mains ensemble avec les paumes à l'envers. Les tampons de vos deux pouces sont mis au-dessus des ongles de vos deux annulaires. L'annulaire est aussi connu comme le doigt sans-nom." Ensuite vous joignez vos mains avec les paumes à l'envers, alors les bouts de votre premier, de votre deuxième et du petit doigt se touchent l'un à l'autre. Cela est appelé, "faisant le signe du mudra et récitant le Mantra". Pourquoi ? Je vais vous dire quelque chose de très important, juste pour attirer votre attention. Vous êtes entraînés dans les logistiques, vous n'avez pas d'autres fausses pensées. Il n'y a pas d'autre sens à cela. Il ne veut pas dire qu'une fois que vous avez fait ce mudra, il deviendra efficace. C'est juste pour éviter d'avoir aucune autre fausse réflexion, alors même si vous ne retenez pas la position du mudra les trois pratiques secrètes réagiront réciproquement. Vous devriez connaître la vérité derrière ceci. Pourquoi parlons-nous de l'action réciproque des trois pratiques secrètes ? Le programme des syllabes du Mantra, le programme de la considération mentale et le programme des mudras ? C'est simplement pour vous empêcher d'avoir d'autres fausses pensées.

*Quand vous êtes résolu, c'est efficace,
Quand vous êtes embrouillé, alors vous le perdez.*

Si vous avez une intention, alors il peut y avoir une réponse.

Vos deux premiers doigts seront pliés légèrement lorsqu'ils se réunissent, vos petits doigts se réuniront verticalement et ceci fait l'apparition du mudra. Après vous placez votre pouce sur votre annulaire, votre doigt du milieu joint avec le doigt du milieu sur votre main et votre index joint l'index de l'autre main et ils seront légèrement courbés. Le petit se joint avec le petit doigt de l'autre main dans une position de haut en bas. Ceci est le Mudra du Nuage Blanc du Bouddha du Sommet. Il y a un autre mudra appelé le Mudra du Poing Vajra qui est assez simple. Ceci est beaucoup plus facile, pas aussi difficile que le précédant.

Vous placez votre pouce sur la base de votre annulaire et ensuite vous fermez votre poing. C'est le poing du Vajra, la paume du Vajra ou la main serrée du Vajra. Vous pouvez utiliser soit le Poing du Vajra ou la Paume du Vajra ou la Main Serrée du Vajra. Ces trois sont très faciles. Vous pouvez utiliser le Poing du Vajra mais vous ne devriez pas lancer un regard furieux en même temps. Vous pouvez serrer vos poings mais si vous fixez alors vous aurez l'air "des yeux féroces du Vajra" !

"De plus, le Mantra du Mudra du Nuage Blanc du Roi de la Roue du Sommet est le même que le mudra des cinq Bouddhas du sommet, dans lequel les deux paumes sont creuses. Les paumes du Vajra sont comme les pétales de la fleur sur la paume. On a besoin de faire seulement un de ces trois mudras". La paume du Vajra est faite en entrelaçant vos doigt dans vos paumes -- en les déployant pour qu'ils se frisent vers le haut comme les pétales d'une fleur. En gardant vos doigts entrelacés et retournant vos paumes, vous obtenez la main serrée du Vajra. Ce sont les trois mudras ; vous pouvez utiliser celui que vous voulez lorsque vous récitez le Mantra, observez les mots Sanscrits et présumez la position du mudra - alors les trois programmes sont en accord.

"De cette manière, on accomplit le Mudra du Cœur du Mantra du Roi du Shurangama du Nuage Banc du Sommet. En appliquant ce mudra, on devrait réciter le Mantra. Ensemble, ceci forme l'action mudra mutuelle des trois pratiques, on sera alors capable d'atteindre les trois roues. Les transformations inimaginables des Bouddhas. Les trois roues sont votre corps, vos paroles et votre esprit et ils entreprennent les transformations inimaginables des Bouddhas. Tout ce que vous cherchez, soit de ce monde ou transcendantal, sera comme vous voulez. Quoi que vous cherchez soit de ce monde ou du monde transcendant, vous pourrez l'obtenir. Mais, le mieux est de ne pas chercher. Si vous cherchez quelque chose, alors vous avez un esprit de cupidité. Si vous êtes cupide, vous pouvez avoir certains résultats apparents, mais vous n'obtiendrez pas de mérite et de vertu illimités. Si vous ne cherchez pas, alors vos mérites et vertus seraient extrêmement grands.

LES TROIS MANTRAS DE LA DIVISION SECRETE : Si vous ne savez pas ce qui a été expliqué, alors comme une alternative, vous pouvez utiliser les trois Mantras de l'école secrète. Récitant ceci, vous serez aussi capable d'établir un programme.

1. D'abord, récitez les Vrais Mots du Monde du Dharma : NAN, VA JRA TWO DU WAN.

2. Ensuite, récitez les Vrais Mots de la Purification : NAN, LAN SWO HE.

3. Enfin, récitez les Vrais Mots des Trois Programmes : NAN, YA, HUNG.

Ces trois programmes sont : Le programme du Bouddha, le programme du Dharma et le programme du Sangha. Ce Mantra est récité dans la cérémonie pour libérer les esprits solitaires ou les sans-logis et les démons".

"NAN" représente Vairochana au sommet de la couronne de la tête et la tribune du Bouddha. "YA" est le Bouddha Amitabha. "HUNG" est le Bouddha Akshobhya. Le Bouddha Amitabha est la tribune du Dharma et le Bouddha Akshobhya est la tribune du Sangha. Ce sont les trois tribunes. Une fois que vous récitez ces Mantras, les trois tribunes sont en accord. Ainsi, une autre bonne méthode est de réciter ces trois Mantras avant de réciter le Mantra du Shurangama. La première purifie les vrais mots du monde du Dharma (et elle nettoie le monde du dharma). C'est à dire NAN, VA JRA TWO DU WAN. Vous la récitez sept fois. La deuxième est NAN LAN SWO HE. Vous la récitez aussi sept fois. La troisième est NAN YA HUNG. Vous la récitez également sept fois. Quand vous récitez chacun de ces trois Mantras sept fois, il y aura une action réciproque des trois tribunes secrètes.

Texte :

NAMO L'ASSEMBLEE DU SHURANGAMA
DES BOUDDHAS ET DES BODHISATTVAS.

Commentaire :

Namo est un mot Sanscrit et la signification est "revenir à la vie" et "se soumettre respectueusement". C'est à dire, nous prenons notre corps, notre esprit, notre nature et notre vie et les retournons vers le Bouddha. Il veut dire que nous sommes extrêmement respectueux envers le Bouddha et faisons plein de prosternations devant lui. Il veut dire que nous croyons en Bouddha et nous ne trouvons pas qu'il est nécessaire de croire en n'importe qui d'autre.

Shurangama, qui a déjà été expliqué, veut dire "fondamentalement ferme et solide dans tous les respects". Dans tous les respects indique que ce n'est pas seulement dans une affaire ou un incident qu'on est ferme, mais que quelque soit

les circonstances, on se trouve dans tous les cas invincibles et ne peut pas être détruit. Parce que Ananda est perturbé par le Mantra qui était autrefois du ciel Brahma, Le Bouddha a parlé le Mantra Shurangama. Et il a envoyé le Bodhisattva Manjushri pour utiliser le Mantra pour sauver Ananda et le ramener. Ici, la phrase se réfère à l'ASSEMBLEE DU SHURANGAMA DES BOUDDHAS ET DES BODHISATTVAS et c'est le rassemblement dans lequel le Mantra a parlé.

Avant de réciter le Mantra du Shurangama, vous devriez dédier votre vie à l'assemblée du Shurangama des Bouddhas et des Bodhisattvas en récitant cette ligne trois fois.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA.

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

La Dynastie YAO CH'IN, le Yao Ch'in (344-413 A-D) est le nom donné à la période du règne de l'Empereur Yao Hsing. Ce n'est pas le même que le Ying Ch'in, période du règne (de l'Empereur Fu Chien) de Ch'in Shih Huang ou comme le Fu Ch'in, période du règne de l'Empereur Fuchien.

Quand Fu Chien était assassiné par Yao Ch'ang, la dynastie était renommée Yao Ch'in en honneur du nouvel empereur. Yao Ch'ang avait succédé par son neveu Yao Hsing, et le nom de la dynastie Yao Ch'in était retenu. C'était pendant le règne de Yao Hsing, un fort défenseur du Bouddhisme, que Kumarajiva traduisait le Sutra.

TRIPITAKA

Tripitaka se reporte aux trois divisions de la règle Bouddhiste :

1. La division du Sutra, parlée pour l'étude de la concentration ;
2. La division du Vinaya, parlée pour l'étude de la moralité, et
3. La division du Sastra, parlée pour l'étude de la sagesse.

DHARMA MASTER

Maître du Dharma a deux significations :

1. Il maîtrise le Dharma et le donne aux autres
2. Il prend le Dharma pour son maître.

Il y a quatre sortes de maîtres de Dharmas. Ceux qui expliquent le Dharma pour les autres, en donnant des conférences des Sutras et en discutant les principes du Dharma ; ceux qui lisent et récitent les Sutras pour les autres ; ceux qui (écrivent) transcrivent les Sutras pour les autres, et ceux qui acceptent et gardent les Sutras eux-mêmes. La dernière sorte du maître de Dharma accepte les principes d'un Sutra dans son cœur, et avec son corps, il met les principes en pratique. Sa pratique est l'incarnation d'une signification du Sutra. Tous les maîtres du Dharma ne sont pas des maîtres Tripitaka.

Il se peut que certains ont lu seulement les Sutras ou seulement le Vinaya ou uniquement la

division du Sastra. Comme un Maître de Dharma Tripitaka, Kumarajiva avait pénétré toutes les trois divisions de la règle : Les Sutras, les Sastras et le Vinaya.

KUMARAJIVA

Kumarajiva était le fils de kumarayana, qui refusait d'hériter de la position importante de son père pour quitter la vie de famille et pratiquer la voie.

Durant ses voyages, comme un mendiant Kumarayana était reçu du roi de Kucha, un petit pays de l'Inde centrale, et invité d'être le maître national. Plus tard, par l'ordre impérial, il était forcé de se marier avec la sœur du roi, Jiva. Pendant qu'elle portait leur fils Kumarajiva, sa sagesse et le pouvoir d'apprendre augmentaient remarquablement, un phénomène qui se produisait aussi pendant que Sariputra était dans le ventre de sa mère.

Plus tard, la mère de Kumarajiva voulait quitter la vie de famille. Finalement après une durée de jeûne, elle recevait la permission de son mari à regret, qui, bien qu'autrefois un Bhikshu, avait par la suite développée un fort attachement à sa belle femme.

Après Jiva devenait une Bhikshuni, elle parvenait rapidement au premier fruit d'Arhatship.

Le nom Kumarajiva du sanscrit signifie "La jeunesse mûre", parce que même s'il était un adolescent, il avait la conduite vertueuse d'un aîné.

En un jour, il pourrait mémoriser plus de trente six mille mots. En deux jours il était capable de réciter le Sutra De Lotus De La Vraie Loi, en entier de mémoire.

A l'âge de sept ans, Kumarajiva quitta la vie de famille (se fit religieux). Un jour, en visitant un temple à Kashgar avec sa mère, il prit un énorme encensoir sur un des autels et le (soulevait) élevait sur sa tête comme une offrande aux Bouddhas. Après ayant fait cela, il pensait, " c'est trop lourd pour moi de soulever" et la discrimination lui rendit incapable de tenir l'encensoir, alors qu'il devait s'écrier sa mère au secours.

De cette expérience, il parvenait à la réalisation soudaine et totale que toute chose est faite du seul esprit (de la seule pensée).

Pendant la Dynastie de Fu Ch'in en Chine, un astrologue prédit qu'un grand sage viendrait. L'Empereur Fu Chien reconnaissait le sage c'est Kumarajiva et envoya une armée massive commandée par le général Lu Kuang pour escorter le Maître du Dharma en Chine. Le Roi de Kucha, négligeant les conseils de Kumarajiva que les troupes qui s'avancent n'étaient pas militantes, allait à l'encontre de l'invasion." Au cours de la bataille qui suit, le roi du Kucha était tué et son armée était vaincue.

Beaucoup de changements politiques poursuivaient qui retardaient l'arrivée de Kumarajiva en Chine jusqu'à la Dynastie de Yao Ch'in.

Kumarajiva fondait un centre de traduction à Ch'ang An, la ville capitale, où il traduisait plus de trois cents volumes des textes et Sutras, parmi eux le Sutra du Vajra Prajna Paramita, volume 577 du grand Sutra Prajna.

Les raisons pour le Rassemblement de la Loi (du Dharma)

Ainsi, j'ai entendu. A une fois, le Bouddha était resté dans la grotte de Jeta du Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et le Solitaire, ensemble avec un rassemblement de nombreux Bhikshus, mille cent cinquante en tout.

En ce temps là, à l'heure du repas, l'Honoré du Monde mettait sa robe, prit son bol et entra dans la grande ville de Sravasti pour demander la nourriture. Après qu'il avait fini sa mendicité consécutive à l'intérieur de la ville, il retournait, mangeait la nourriture, rongea sa robe et son bol, lavait ses pieds, arrangeait son siège et s'asseyait.

AINSI, J'AI ENTENDU. Ces mots sont les premiers des six nécessités. Il est indispensable que tous ce qui donnent les conférences des Sutras et lisent les Sutras d'être tout à fait familier avec les six nécessités qui sont :

la croyance, l'audition, le temps, l'invité (l'hôte), l'endroit et l'audience.

1. "Ainsi" est la nécessité de la croyance
2. "J'ai Entendu" est la nécessité de l'audition
3. "A Une Fois" est la nécessité du temps
4. "Le Bouddha" est la nécessité d'un invité
5. "A Sravasti Dans La Grotte De Jeta Du Jardin Du Bienfaiteur Des Orphelins Et Le Solitaire" est la nécessité d'un lieu.

6. "Ensemble Avec Un Rassemblement De Nombreux Bhikshus, Mille Deux Cent Cinquante En Tout" est la nécessité d'une audience.

Les six nécessités prouvent qu'un Sutra avait parlé par le Bouddha. Parce que les nécessités commencent, débutent chaque Sutra, ils sont appelés "la préface commune". Le texte qui les suit immédiatement varie selon le Sutra et alors il est appelé "la Préface Spécifique". Dans ce Sutra, la préface spécifique est :

En ce temps là, à l'heure du repas, l'Honoré du Monde mit sa robe, prit son bol, et entra dans la grande ville de Sravasti pour demander la nourriture. Après qu'il avait fini sa mendicité consécutive à l'intérieur de la ville, il retournait mangeait sa nourriture, rangeait sa robe et son bol, lavait ses pieds, arrangeait son siège et s'asseyait.

La préface ordinaire est aussi appelée à la fois "l'avant propos" ou le "post-scriptum".

En donnant les conférences des Sutras, on peut parler ce chapitre comme un avant propos pour le Sutra et aussi comme un Post-scriptum attaché à une date plus tard.

"Une préface peut-elle être appelée à la fois un avant-propos ou un post-scriptum" ? Vous pourriez vous poser la question.

Il n'y a rien de décidé à cela. Ce qui est décidé, n'est pas l'enseignement du Bouddha. Le Sutra de Vajra montre clairement le principe des lois non décidées.

Quand quelque chose est décidée, l'attachement résultant cause l'obstruction qui à tour de rôle mène à l'affliction. Quand il n'y a pas d'attachement, le vide est sans (affliction) calamité. Quand tout est vide, à quoi peut-on être attaché ?

Quand on est totalement vide de soi, quelle calamité pourrait-il y avoir ? La calamité vient quand son point de vue n'est pas vide de soi. Les choses n'ont pas été vues à travers, échouées et supprimées. Par conséquent ...

Partout où vous allez vous êtes piqués par les épines

Partout où vous allez vous cogner dans les murs.

Chaque lieu où vous allez, vous marchez dans les murs ou vous faites attraper prendre dans les ronces, et c'est douloureux. Vous vous ressentez la douleur parce que vous n'avez pas déposé votre corps. Si vous n'avez absolument pas du soi, des autres, des êtres humains, de vie- rien du tout.

Quelle douleur y a-t-il ? Qui a de la douleur ? Quand il n'y a même une personne qui ressent de la douleur, quelle calamité peut-il y avoir ? D'où

viendrait-elle la calamité ? C'est facile d'en parler mais difficile à faire.

Les six nécessités sont appelées le Post-scriptum parce qu'ils n'étaient pas séparés du Sutra d'origine. Le Bouddha ne dit pas "Ainsi, j'ai entendu..." Ce texte était ajouté après par le Vénérable Ananda quand la division du Sutra était compilée. Le post-scriptum est aussi appelé le prologue. Par conséquent les six nécessités peuvent être appelées :

L'avant-propos, le prologue, et le post-scriptum.

Le Bouddha informe que tous les Sutras qu'il parlait devraient commencer avec les quatre mots "Ainsi, j'ai entendu..." Ceux qui étudient les Sutras Bouddhistes devraient savoir l'histoire de ces quatre mots.

(à suivre)

LE NOVICE QUI SAUVAIT LES FOURMIS

Un petit moine qui n'est pas assez âgé pour recevoir les préceptes est appelé un "novice".

Il y avait un petit novice qui étudiait le Bouddhisme avec un maître très sage. Il était un très bon élève. Il était respectueux, sincère et obéissant. Il apprenait très rapide.

Le maître était si savant qu'il pouvait prédire le future. Le maître savait dès le début que son petit élève ne pouvait pas vivre très longtemps. Un jour il apercevait que le petit élève avait seulement sept jours pour vivre. Il était très triste.

Le maître faisait venir le petit novice et lui dit, "Hé ! Petit novice, vous n'avez pas vu votre mère pendant longtemps. Je crois que vous avez droit à des vacances. Vous rentrez chez vous pour rendre visite à votre mère et retournez dans sept jours".

Quand le petit novice partit, le maître était très désolé, il pensait qu'il ne verrait jamais plus son petit élève.

Sept jours plus tard, le petit novice se présentait ! Son maître était enchanté, mais il était aussi embarrassant, parce que le petit élève paraît merveilleux. Il ne ressemblait pas à quelqu'un qui allait mourir.

Enfin, le maître décidait de connaître ce qui s'était passé. Il dit au garçon, "fils, j'ai prédit le future plusieurs fois et je ne me trompais jamais. Je vous ai envoyé chez vous parce que vous étiez voué à mourir en sept jours, mais les sept jours ont déjà passé. Non seulement, vous êtes encore en vie, mais vous semblez grand. L'image de la mort vous a quitté. Comment aviez-vous fait ?

Le petit novice était atterré. Il n'avait pas d'idées comment répondre à son maître, alors le maître entra dans la profonde méditation.

"Mon fils, sur le chemin de retour, avez-vous sauvé des fourmis ?"

"Oui, maître, sur le chemin de retour, j'ai vu une bande de fourmis entière prise au piège par l'eau. Ils étaient sur le point de noyer, alors, je mettais un morceau de bois pour les sauver".

"Alors, c'est donc ça. Votre aimable cœur vous a gagné une longue vie. Les anciens savants disaient, 'En sauvant une vie gagne plus de mérite qu'en construisant une grande pagode de sept étages'. Vous avez sauvé cent vies, alors vous vivrez très longtemps maintenant".

"Vous avez gagné un bon futur, mais vous devez continuer à faire des bonnes actions en sauvant des créatures vivantes, vous devez propager le message du Bouddha. Enseignez à tout le monde comment être miséricordieux. Dites à tout le monde de ne pas tuer les créatures vivantes. Laissez les animaux vivre en paix".

Le petit novice n'oubliait jamais les paroles de son maître. Il travaillait très dur et devenait un grand moine. Il vivait pendant très longtemps, très longtemps.

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENERALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

LE TITRE ORDINAIRE : LE SUTRA
Un Sutra est appelé un "Texte concordance" (correspondant). Il concorde

les merveilleux principes de tous les Bouddhas au-dessus avec les opportunités enseigner à des êtres vivants en dessous. Chaque fois que j'explique un Sutra, j'ajoute plus de significations au mot. Si je vous dis toutes les significations à la fois, vous ne vous en rappellerez jamais ou si vous vous souvenez la prochaine fois, quand je parlerais de cela vous diriez, "Je sais tous de cela, un Sutra se tient, s'attire, est permanent et est une méthode. Le maître radote sûrement". Alors j'explique le terme "Sutra" petit à petit. Dans ce commentaire, dans le Sutra Amitabha, je discuterai cinq de ses significations :

1. Le Dharma principal : Le Bouddha révèle l'origine du Dharma de son enseignement au moyen des quatre genres de don complet ;

a. Le don total mondaine, en utilisant des méthodes ordinaires de l'expression.

b. Le don complet curatif : En guérissant chaque être vivant de son problème particulier.

c. Le don total qui est pour tout le monde, en enseignant dans l'intérêt des êtres vivants.

d. Le don complet de la signification originelle, en donnant le plus haut principe à tous les êtres.

Fondamentalement, le Dharma ne peut être pas parlé, parce qu'il n'y a pas de Dharma à parler ; mais en pratiquant les quatre sortes de la donation totale, le Bouddha se révèle. Ainsi le mot Sutra a le sens du Dharma fondamental.

2. Le Dharma subtil : A moins que les doctrines profondes et merveilleuses sont éclaircies dans les Sutras, personne ne peut les connaître.

3. Le printemps bouillonnant : Les principes s'écoulent des Sutras comme l'eau jaillissante des puits artésiens.

3. La directive : Pour faire les directives, les anciens charpentiers et maçons ont utilisés une corde

couverte d'encre noire, tenaient la corde tendue, la remontaient, la laissaient happer et faisaient une droiture, une ligne noir. Un Sutra est aussi comme un compas et un cube, utilisé pour diriger les gens.

5. Une guirlande : Les principes sont liés ensemble dans les Sutras comme les fleurs emballées dans une guirlande.

Le mot Sutra a aussi quatre significations supplémentaires :

1. Se munit de corde : Les Sutras se munissent des principes de l'enseignement du Bouddha.

2. S'attire : Les Sutras attirent les êtres vivants qui ont besoin d'enseignement.

3. La méthode : Les méthodes sont utilisées dans la pratique qui ont été employées autrefois jusqu'à maintenant sont mis dans les Sutras.

4. Permanent : Les Sutras sont permanents et invariables ; pas un seul mot ne peut être effacé ou ajouté, les démons célestes et les religions externalistes ne peuvent pas les détruire.

Le mot Sutra veut dire aussi "un chemin". Si vous vouliez par exemple, aller à New York et ne saviez pas la route, vous pourriez courir à l'Ouest au lieu de l'Est. Vous pourriez courir à l'Ouest au lieu de l'Est. Vous pourriez courir toute la vie ; mais vous n'arriverez pas à New York. De même pour un pratiquant. Si vous ne connaissiez pas la route, vous pouvez pratiquer sans cesse, mais n'arriverez jamais à la Bouddhité.

Les Sutras sont aussi un canon, des documents de référence à appuyer dessus quand on pratique selon le Dharma. Les Sutras expliquent aussi les phénomènes de ce monde. Vous pouvez trouver n'importe quelle doctrine que vous désirez dans les Sutras.

Les Sutras sont le souffle de tout le monde ; sans eux les hommes seront morts. Nous devons sortir de nos chambres mal aérées pour respirer l'air fraîche des Sutras. Les gens ne peuvent pas vivre sans l'air ou sans les Sutras.

Vous demandez, "Je n'apprends pas les Sutras ou le Dharma, alors je ne respire pas cet air, n'est ce pas ?" Vous le respirez aussi, parce que l'air du Dharma remplit le monde, et que vous l'étudiez ou non, vous le respirez tout de même. Tout le monde partage l'air. Les étudiants de l'enseignement du Bouddha expirent l'air de l'enseignement du Bouddha et les non-étudiants l'inspirent. Vous ne pouvez pas éviter cette relation.

Les Sutras sont aussi la nourriture pour l'esprit et ont beaucoup d'usages, lorsque vous êtes mélancolique ou déprimé, récitez les Sutras, puisqu'ils expliquent les doctrines dans une merveilleuse manière qui chasse votre tristesse et ouvre votre cœur.

Le Sutra est le nom commun de tous les Sutras ; ce nom particulier du Sutra est Le Bouddha Parle D'Amitabha. Il y a beaucoup de noms de Sutra, parce que le Bouddha a laissé des trésors du Dharma illimité et sans bornes dans le monde ; mais de ces centaines et millions de Sutras , nuls ne dépassent les sept classements.

Les sept classements des titres du Sutra et les douze divisions des textes du Sutra.

Pour élucider leur contenu, les titres du Sutra sont divisés en sept types par leur référence à la personne, au Dharma et à l'analogie.

I. Seulement trois : Trois des sept titres sont établis par référence soit à la personne, au Dharma ou analogie.

A. Le Bouddha Parle du Sutra Amitabha se réfère seulement à des hommes le Bouddha Sakya Muni et le Bouddha Amitabha sont tous deux des hommes qui ont pratiqué et sont devenus Bouddhas.

B. Le Grand Sutra Parinirvana est un exemple d'un titre classé par référence au Dharma. Le Nirvana est le Dharma de la non-production et de la non-extinction.

C. Le Filet du Sutra Brahma est un titre établi seulement par référence à l'analogie, l'analogie du filet du Grand Roi Brahma. Le filet dans le ciel Brahma a beaucoup de trous, comme un filet à poisson et il y a un joyau dans chaque trou. Chaque joyau rayonne plus brillamment qu'une lumière électrique et ils brillent naturellement. La lumière brille sur lumière, réfléchit à travers les interstices du filet. Ils inter illuminent sans conflit. Une lumière par exemple, ne dirait jamais à une autre, "je déteste votre lumière, lampe. C'est horrible. Je suis la seule qui peut briller par ici". Les lampes ne se combattent pas les uns les autres comme les êtres.

Le filet du Brahma est une analogie pour les préceptes. Chaque précepte est comme une pierre précieuse et ceux qui ont quitté la vie de famille sont un des trois joyaux, parce qu'ils gardent les préceptes

purement. Les membres du Sangha pratiquent, afin de ne pas avoir de pensées impropres concernant leur environnement. Ainsi ils transcendent le monde matériel, atteignent la pureté et brillent comme les joyaux dans le filet du Brahma.

II. Le double trois : Les titres établis par la référence à une combinaison entre la personne et le Dharma, la personne et l'analogie ou le Dharma et l'analogie sont appelés "le double trois".

D. Le Sutra de la Question de Manjusri est un titre établi par la référence à une personne, le Bodhisattva Manjusri grandement sage et le Dharma qu'il questionna est le Prajna (la sagesse). Seulement le Bodhisattva le plus intelligent savait demander la signification du Prajna. Une des grandes sagesse conformément au Dharma de la grande sagesse classe le titre du Sutra selon la personne et le Dharma.

E. Le Sutra du Rugissement du Lion du Celui Venu Ainsi est un titre établi par la référence à une personne, "Celui qui est Venu Ainsi" et l'analogie, le rugissement du lion. Le Bouddha parle du Dharma comme le rugissement du lion et quand le roi des animaux rugit, les bêtes sauvages tremblent. Alors, dans sa Chanson de la Réalisation de la Voie, le Grand Maître Yung Chia a écrit :

*"Le rugissement du lion est la parole courageuse ;
Quand les bêtes sauvages l'entendent,
Leurs têtes se fendent.*

*Les éléphants s'emballent et perdent leur tenue.
Mais les dieux et les dragons, en silence,
L'entendent avec joie."*

Le Bouddha parle le Dharma comme les rugissements du lion sans peur. Quand le lion rugit, les autres animaux sont morts de peur. Les éléphants sont d'ordinaire tout à fait calmes, mais ils perdent leur puissante posture autoritaire. Les Dieux, les dragons et le reste des l'octuple division cependant sont enchantés.

F. Le Sutra du Merveilleux Dharma de la Fleur est un exemple d'un titre établi par la référence du Dharma et à l'analogie, puisque le merveilleux Dharma est analogie à une fleur de lotus.

III. Total dans un : La septième classification contient des références à tous les trois sujets : La personne, le Dharma et l'analogie.

G. Le Sutra du Grand Moyen de l'Expansion du Bouddha de l'Ornement de la Fleur : Dans ce Sutra, Grand, Moyen et l'Expansion se réfèrent au merveilleux Dharma de la réalisation la Bouddhité ; l'ornement de la fleur est une analogie -- les fleurs causales des dix milles conduites sont utilisées pour orner la vertu suprême du fruit.

(à suivre)

LE VERSET SUR LA TRANSMISSION DE DHARMA DU BOUDDHA SHIKHIN

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Tous les Dharmas purs que nous créons sont essentiellement illusoires. Les mauvaises actions que nous commettons sont aussi illusoires.

Le corps est comme un bloc d'écume, l'esprit est comme le vent.

Ils sont des transformations illusoires, avec aucune racine et aucune réalité".

Le verset qui transmet le Dharma du Bouddha Shikhin, le deuxième des sept Bouddhas passés, dit : "Tous les Dharmas purs que nous créons sont essentiellement illusoires". Pensez-vous que vos pensées propres et vos bonnes actions sont réelles ? Elles sont illusoires. Les bonnes actions sont aussi fausses et vous ne devriez pas vous accrocher à elles. Elles sont illusoires. Les mauvaises actions que nous commettons sont aussi illusoires. Tout le mauvais Karma que nous créons est aussi faux et illusoire, sans aucune réalité ni apparence.

Les Dharmas purs sont illusoires et sont aussi des mauvais Dharmas. Pourquoi appliquez-vous l'effort sur ces transformations illusoires, au lieu de travailler sur les vrais principes ? Nous ne devrions pas être attachés et réfléchissons, "J'ai fait la charité et les bonnes actions". Les bonnes actions et les mauvaises actions sont toutes les deux illusoires. Il n'y a rien de vrai au sujet d'elles.

"Le corps est comme un bloc d'écume, l'esprit est comme le vent" : Ce corps est aussi faux. Il est comme les bulles d'écume. Vous voyez une bulle dans la mer, mais quand vous la touchez, elle disparaît. L'esprit est comme le vent qui souffle. Après il passe, il s'éteint.

"Ils sont des transformations illusoires, avec aucune racine et aucune réalité" : Ils n'ont aucune racine ; vous ne pouvez pas trouver leur racine.

Qu'est ce que la racine de l'esprit ? Qu'est ce que la racine du corps ? Vous ne les trouvez pas. Il n'y a rien de vrai là, aucune matière réelle. Pourquoi vous deviez vous accrocher à eux ?

Ce verset qui transmet le Dharma, nous dit de se débarrasser de la vision d'un corps, de la vision

d'un esprit et toutes ces versions partielles. Ne diriez pas que nous sommes fous de nous attacher à des telles choses impalpables ?

Dans la pratique, si nous pouvons considérer le corps comme faux et l'esprit comme illusoire, alors nous n'aurons pas d'attachements. Nous n'aurons pas de visions de soi, d'autrui, des êtres vivants ou d'une vie ; ni n'aurons-nous de concepts de soi, des autres, des êtres vivants ou d'une vie. Simplement, parce que nous ne pouvons pas les voir comme vide. Nous les avons tous. Si nous pouvons les voir comme vide, il n'y aura pas du tout de concepts ; même le soi se dissipera. Alors, comment pouvait-il y avoir les concepts des autres, des êtres vivants ou d'une vie ? Ce sont toutes les discriminations que nous faisons nous même !

Les versets sur la transmission de Dharma de chacun des sept Bouddhas rompent nos attachements au corps et à l'esprit. Si nous n'avons aucun attachement au corps et à l'esprit, alors nous comprenons la doctrine du Bouddha. Il importe peu, combien de Sutras que vous lisez, combien de fois que vous récitez le nom du Bouddha ou combien de fois que vous vous prosternez devant le Bouddha, si vous vous attachez encore à ce sac de peau puant, alors vous ne comprenez pas la doctrine du Bouddha.

Cependant, dans votre apprentissage de la doctrine du Bouddha, vous devriez étudier ce qui est fondamental. Ne concentrez pas sur les aspects superficiels ; comme en suppliant la protection du Bouddha. Le Bouddha ne vous protégera pas. Vous devez vous protéger vous-même. Si vous vous inclinez devant Bouddha, croyez en Bouddha ou récitez le nom du Bouddha, alors même si vous n'avez aucune réponse, vous êtes protégé, car vos graines pures ne sont pas perdues et vos mauvaises graines ne naîtront pas. Cependant, quand nous étudions le Bouddhisme, si nous ne pouvons pas saisir les principes essentiels du Bouddhisme et nous voyons le corps et l'esprit comme très importants, alors vous ne comprenez simplement pas la doctrine du Bouddha.

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

Texte :

PAS D'OFFENSES NI BENEDICTIONS
PAS D'INTERET NI DE PERTE,
DANS LA NATURE PAISIBLE ET
EXTINCTE.
SANS QUESTIONS NI RECHERCHE.
LE MIROIR POUSSIEREUX N'A PAS ETE
TOUT DERNIEREMENT
POLI, AUJOURD'HUI NOUS DEVONS
ANALYSER
ET FAIRE DES DISTINCTIONS EVIDENTES.

Commentaire : "Pas d'offenses ni bénédictions, pas d'intérêt ni de perte" : Dans le principe et substance de la nature propre, la création et la destruction des offenses et des bénédictions et l'augmentation ou la diminution de l'intérêt et de la perte, sont des caractéristiques essentiellement impalpables.

"Dans la nature paisible et éteinte, pas de questions ou de recherche" : La nature paisible et éteinte de tous les Dharmas ne peut-être pas expliqués par des paroles, ainsi le vers dit qu'il n'y a pas "de questions ou de recherches".

"Le miroir poussiéreux n'a pas été poli tout dernièrement" : Tout le monde est comblé de la nature paisible et éteinte. Personne n'en manque. Cependant, c'est comme un miroir couvert par la poussière ; c'est difficile pour sa lumière d'apparaître. On doit le polir par le pouvoir de pratiquer le Samadhi Dhyana et lui verser l'efficace d'eau-Dharma de la rosée. Après avoir poli, frotté et lissé le miroir, on sera capable de revenir à l'origine et retourner à la source.

"Aujourd'hui nous devons analyser et faire des distinctions évidentes" : Dans les vies antérieures, nous sommes nés ivres et morts en rêvant. Nous ne considérons pas d'échapper de la maison en feu des trois mondes. Nous prenons la souffrance pour la bénédiction, et nous n'avons pas vu un bon savant conseiller pour nous guider et nous transformer. Mais maintenant nous devons faire

des distinctions très clairement. Comment pouvons nous laisser les choses glisser - - en laissant les mois et les années s'en allaient ? Nous devrions analyser nous-mêmes sans délai et poursuivrions à arrêter ce cycle vicieux.

Texte :

QUI EST SANS Pensee ?
QUI EST SANS NAISSANCE ?
S'IL N'Y A REELLEMENT PAS DE
PRODUCTION,
ET S'IL N'Y A RIEN A NE PAS PRODUIRE,
FAITES VENIR UNE STATUE EN BOIS ET
DEMANDEZ-LUI.
METTEZ EN PRATIQUE VOUS-MEME POUR
CHERCHER LA BOUDDHEITE ; TÔT OU
TARD VOUS L'ACCOMPLIREZ.

Commentaire : "Qui est sans pensée ? Qui est sans naissance ?" Qui peut être sans la fausse réflexion, des impressions de sens ennuyeuses et ne pas tourner de la roue tournante de la naissance et de la mort ?

"S'il n'y a réellement pas de production, et s'il n'y a rien a ne pas produire". S'il n'y a en effet aucune production, il n'y a à la fois aucune destruction et rien qui n'est produit.

"Faites venir une statue en bois et demandez-lui" : Vous voulez comprendre ce principe, vous pouvez interroger une statue en bois. Elle vous donnera une réponse plus merveilleuse.

"Mettez en pratique vous-même pour chercher la Bouddhité ; tôt ou tard vous l'accomplirez" : On ne devrait pas tomber dans l'extrême de chercher le Bouddha ou chercher seulement le soi ou on sera incapable d'atteindre l'ultime signification de la voie du milieu. Le résultat sera la levée pervertie des visions inversées. En cherchant le Bouddha, on devient attaché au caractéristique de "l'autrui" et fait naître l'attitude de dépendance. Si on ne fait pas de calculs de "tôt" ou "tard", il peut

y avoir accomplissement. Mais si on recherche-le soi on s'attachera au caractéristique du soi et fera naître l'avidité obstinée.

Comment la confusion et l'illumination peuvent-elles être dites comme lent ou rapide ? Les gens qui se penchent à l'extrême continuent à travailler aux portes des sens des six organes, c'est comme remuer l'eau pour l'arrêter de bouillir au lieu d'employer la méthode sensible d'éteindre le feu sous la casserole.

Le poème dit aussi que vous vous appliquez résolument à chercher la Bouddhité, vous y arrivez tôt ou tard.

Texte :

LAISSEZ LES QUATRE ELEMENTS S'EN VONT
NE LES EMPOIGNEZ PAS.
LA NATURE DE LA TRANQUILLITE PAISIBLE
S'ACCORDE AVEC LE MANGER ET LE BOIRE.
TOUTES LES ACTIVITES SONT IMPERMANENTES ;
TOUT EST VIDE.
C'EST LA GRANDE ET PARFAITE ILLUMINATION
DU CELUI VENU AINSI.

Commentaire : "laissez les quatre éléments s'en vont ne les saisissez pas". Nous, les êtres humains, sommes formés à Partir de la combinaison de la solidité de la terre, l'humidité de l'eau, la chaleur du feu et le souffle du vent. Nous ne devrions pas saisir et nous attacher à ces caractéristiques ou avons des complications qui se soulèvent quand nous avons un soi.

"La nature de la tranquillité paisible s'accorde avec le manger et le boire" : La nature de la tranquillité paisible s'accorde aux conditions, ne change pourtant pas. Imperturbable, elle est toujours ainsi. Porter des vêtements, prendre un repas, boire du thé, tout est la voie du milieu. Juste dans vos pays natifs est votre propre trésor familial.

"Toutes les activités sont impermanentes ; tout est vide" : Toute sorte d'activité appartient essentiellement à l'impermanence, ainsi le vers dit que tout est vide.

"C'est la grande et parfaite illumination de Celui Venu Ainsi" : Le mérite et la vertu de la merveilleuse existence sont totalement complets à l'intérieur du vrai vide et c'est la Grande et Parfaite Illumination de la nature-Bouddha. Quand il y a la perfection de l'illumination de triple-couches et les dix milles vertus, on est appelé le Bouddha. L'illumination est l'illumination de soi, l'illumination des autres et la perfection de la pratique illumination.

Texte :

IL EST CERTAIN QUE CES MOTS
EXPRIMENT LE VRAI VEHICULE.
QUICONQUE NE LES ACCEPTE PAS
PEUT S'INFORMER CE QU'ILS VEULENT.
IL COUPE DIRECTEMENT A TRAVERS LA SOURCE
IL EST CACHETE PAR TOUS LES BOUDDHAS.
JE NE PEUX PAS ARRACHER LES FEUILLES ET CHERCHER LES BRANCHES.

Commentaires : "Il est certain que ces mots expriment le vrai véhicule" : Ces mots doivent exprimer précisément le vrai véhicule le plus suprême. Cependant, "quiconque ne les accepte pas, peut se renseigner ce qu'ils veulent". C'est à dire, s'il y a des gens qui nourrissent toujours des doutes et ne croient pas en ces principes, ils peuvent se poser des questions comme ils veulent pour éclaircir leurs doutes.

"Il coupe directement a travers la source ; il est cacheté par tous les Bouddhas". C'est le Dharma qui fend plus précisément, qui pénètre complètement le plus bas, qui passe directement à l'origine du trésor. Il est cacheté et certifié par tous les Bouddhas. Il ne résulte pas des inventions égoïstes de l'individu pour obtenir la réputation et la fortune.

"Je ne peux pas arracher les feuilles et chercher les branches" au sens du petit véhicule - - Ces brindilles et ces branches, ces principes déformés - - sur lesquelles je ne perdrai pas le temps et les paroles. Les Bouddhas des dix directions élucidaient le suprême Dharma ; et en parlant la voie avec une seule voix, les Grands Maîtres n'abandonnaient rien. Maintenant, à moins que je souhaite répéter ces multiples paroles, il n'y a aucun appel pour moi d'ouvrir ma bouche.

(à suivre)

LE MONDE DU DHARMA DES CONTEMPLATIFS DE L'UNIVERS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

*" Les Sages saints éveillés au monde
Un petit somme sur le sommet de la montagne,
tout seul.*

*Les fleurs du printemps se fanent en automne
Dans un cycle des douze liens interconnectés".*

Commentaires :

Pourquoi suis-je en train de vous poser toutes ces questions ? Les contemplatifs (les Pratyekabouddhas) n'aiment pas les questions. Ils sont des reclus qui ne recherchent pas la compagnie des autres. Aujourd'hui, nous étudions la question de chacun en tout, alors vous ne devez pas agir comme ces contemplatifs. Lorsqu'il y a un Bouddha dans le monde, il est appelé le contemplatif. Lorsqu'il n'y a pas de Bouddha dans le monde, il est appelé «illumine solitaire», parce qu'il est capable de s'illuminer lui-même.

Qu'aiment-ils faire ? Ils aiment dormir dans la solitude sur les sommets de la montagne. "Les sages sont sensibles à l'environnement, *un petit somme sur les sommets de la montagne tout seul, les fleurs du printemps se fanent en automne, dans un cycle des douze liens connectés*". Parlant de ces contemplatifs, nous devons aussi devenir vigilants sur les causes et les conditions. Ils étudient les douze causes et les conditions. Cependant, nous sommes soumis aux douze causes et conditions.

La première des douze causes et conditions est l'ignorance. Ils méditent l'ignorance. D'où vient-elle ? Etrange ! Comment peut-il y avoir l'ignorance ? Après ils voient cette ignorance qui conduit à l'activité. Avec la manifestation de l'activité, la conscience apparaît. La conscience entraîne la discrimination. L'activité est une loi conditionnée tandis que l'ignorance n'est ni conditionnée ni incondionnée ; elle est entre les deux. Pourquoi les discriminations apparaissent ?

A cause des lois conditionnées. L'esprit de la discrimination est un résultat des lois conditionnées. Avec un esprit qui fait la distinction des personnes, le problème commence. Le nom et la forme sont des difficultés. "Le nom" apporte la difficulté du nom et "la forme" apporte la difficulté de la forme. Si je ne les avais pas évoqués, il n'y aurait pas de problèmes. Leur seule nature fait problème, parce que vous allez dire : " Comment le nom et la forme pouvaient-ils poser problème ? Je ne comprends pas". Maintenant, vous savez en plus ce problème de "ne pas comprendre". Avant que je ne l'évoque, vous n'aviez pas cette difficulté. Dès que j'ai commencé à parler, la difficulté de ne pas comprendre intervient et le désir de savoir apparaît.

La recherche de la connaissance a pour résultat l'utilisation des facultés des six sens. Vous voyez ? Les facultés des six sens s'exercent à cause du désir de comprendre. Avez-vous déjà entendu une telle explication ? Personne ne l'avait expliqué de cette manière auparavant.

Quand vous décidez que vous voulez savoir, les yeux, les oreilles, le nez, la langue, le corps et l'esprit apparaissent. Vous pensez que vous pouvez acquérir la compréhension grâce à eux alors que plus vous voulez comprendre plus vous devenez embrouillés et plus vous êtes confus, alors vous comprenez moins. Comme vous ne comprenez pas, vous cherchez le combat, vous recherchant le contact au hasard : à l'Est, à l'Ouest, au Sud, au Nord, au dessus, en dessous, comme une mouche qui se heurte aux murs follement. Pourquoi se cogne-t-elle contre les murs ? Parce qu'elle veut comprendre.

Le contact c'est seulement le choc contre les éléments en allant partout, en se cognant dans les murs. Vous allez partout en espérant comprendre, mais tout ce qui résulte de ces tentatives désespérées, est une multitude de coups. Alors, la détermination de comprendre

intervient et des rencontres se produisent amenant le sentiment. "Ah, ça fait mal !" ou "Oh, je suis si bien". Actuellement, je ne me heurte pas aux éléments et je me sens réellement bien. Mais quand vous vous heurtez contre quelque chose, vous ne vous sentez pas bien du tout. Vous sentirez heureux si personne ne vous dira que vous n'êtes pas gentil. Mais vous êtes contrarié lorsque vous entendez quelqu'un vous critiquer. C'est là qu'intervient le sentiment que l'on ne le trouve pas ailleurs.

Dès que le sentiment, la passion et l'attachement interviennent, vous faites naître le désir ardent et l'attachement pour des situations agréables, mais vous ressentez de l'aversion pour des environnements désagréables. Le bonheur et le chagrin viennent de la passion et de l'aversion et alors chaque jour le trouble ou l'augmente.

Les Sages Saints Contemplatifs de l'Univers, "*Un petit somme en haut sur les sommets des sommets de la montagne tout seul, les fleurs du printemps se fanent en automne, dans un cycle des douze liens connectés*". Les myriades de choses poussent et prospèrent au printemps, ainsi les Sages "Pratyekabouddha" méditent et réalisent que tout passe par le processus naturel de la naissance et de la mort. Ils "contemplant des centaines de fleurs fleurissant pendant le printemps et observent les feuilles séchées tombant en automne". Ils contemplant les douze causes et conditions.

Maintenant nous en arrivons à la passion. La raison pour laquelle les gens peuvent se sentir déstabilisés est la passion. Là où existe la passion, l'aversion existe aussi. Vous vous attachez à ce que vous désirez. Que signifie avide ? Cela signifie vouloir posséder quelque chose vous avez le désir ardent de quelque chose. Vous voulez posséder cette chose pour satisfaire vos désirs. Ainsi, l'attachement conduit à l'asservissement. Lorsque vous possédez ces choses pour vos propres, il y a en plus la naissance, qui mène à la vieillesse et à la mort. Ce sont les douze causes et conditions étudiées par ces contemplatifs de l'univers.

Les Bonnes Leçons Morales du Grand Maître Hsuan Hua

* Si vous gardez rancune, c'est l'esprit d'un être humain, si vous ne gardez pas rancune c'est l'esprit de la Voie.

* "*L'affliction c'est Bodhi*", si vous savez comment pratiquer la voie, alors l'affliction est le Bodhi, par contre le Bodhi deviendra l'affliction.

* Le pratiquant doit pratiquer le non-moi, pratiquer au point qu'il n'y a plus de moi, à ce moment là, il peut supporter tout quelque soit la situation qui arrive, l'esprit est tranquille, immobile et il est pur et paisible comme l'espace vide.

* Pourquoi mentit-on ? Parce qu'on a peur de perdre ses intérêts et d'être vaincu.

* Si on garde les cinq préceptes et fait les dix bonnes actions, on est certain de renaître dans le royaume céleste ou dans le monde humain. Si on est encore cupide, coléreux et stupide, alors on est certain de renaître dans les trois mauvais chemins.

* Etudier à pratiquer la doctrine du Bouddha, c'est apprendre à ne pas faire du mal et ne pas affliger l'autrui.

* Quelque soit la voie que vous pratiquez, vous devez avoir de la patience. Alors votre pratique se réalisera. A l'inverse, vous ne pouvez pas réaliser quelque soit quelque soit la voie.

* Pourquoi nous ne reconnaissons pas la racine et notre propre visage ? Parce que nous ne voulons pas abandonner l'esprit du moi et l'esprit égoïste.

* Celui qui médite, c'est celui qui récite le nom du Bouddha. Celui qui récite le nom du Bouddha, c'est aussi celui qui médite. Celui qui garde purement les préceptes, est aussi celui qui médite.

* Jouer d'argent c'est créer de lourde retribution. Faire l'aumône c'est accumuler le mérite et vertu. Méditer c'est supprimer la stupidité et développer la sagesse.

* Subir la misère c'est achever la misère. Jouir le bonheur c'est épuiser le bonheur.

LE DANGER PRINCIPAL DE LA DESTRUCTION DE PAYS ET DE L'EXTERMINATION DE RACE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

La calamité humaine se produit sans cesse pendant les années qui viennent : L'accident de l'avion, la catastrophe du train ou toutes sortes d'accidents innombrables. Ainsi le nombre des morts ne peut être pas fait statistique. Tout ceci est la cause de l'esprit humain qui est trop tendu.

Les gens ne veulent pas vivre, ils veulent mourir tôt, c'est pour cette raison qu'ils inventent beaucoup sortes d'armes dangereuses pour rivaliser et détruire la planète.

Pourquoi le monde entier se trouve-t-il dans une situation aussi dangereuse ? Les gens qui vivent dans ce monde ne savent pas quand ils vont mourir, mais la mort peut arriver à tout moment à cause des maladies comme le Sida.

La naissance du Sida est parce que l'on mange la viande, ils massacrent les vivants. Aujourd'hui, la terre, et l'air sont pollués, toutes les matières sont aussi polluées. Cette pollution ne peut être pas nettoyer par l'eau, parce qu'elle vient de l'intérieur. Il n'y a pas de lieu où il n'y a pas de pollution. Les animaux mangent les produits chimiques ou ils sont injectés des médicaments chimiques et ensuite sont tués et mangés par des êtres vivants. Cette viande entre une fois dans le corps humain, elle engendre beaucoup de mauvaises transformations extrêmement lamentables. C'est pour cette raison que le Sida et les autres maladies horribles sont apparus et ils sont incurables. Observez bien les enfants débiles dans le monde aujourd'hui. Le nombre augmente de plus en plus grand, les parents se droguent, ils ne respectent pas le règlement. C'est pour cela que la présence des enfants débiles est importante.

L'origine du Sida vient de l'homosexualité, il y a deux principes dans l'univers, le principe femelle et le principe mâle. Si ces deux principes se concordent, alors la nature est en paix. Si le principe femelle existe sans le principe mâle, alors cela entraînera de graves maladies et causera la mort de gens très tôt.

Aujourd'hui, la plupart de gens ont peur de dire la vérité. En réalité, si toutes les maladies sont incurables c'est parce que les gens sont avides de la convoitise. Ils sont pires que les animaux. La nature

et l'univers ont toujours été ainsi, mais aujourd'hui ils sont renversés, c'est pour cette raison que tous les êtres n'existent plus, ils seront bientôt tous exterminés. Pourquoi donc ? Parce que l'homosexualité est en cours, il est l'origine du malheur. C'est la destruction totale de l'espèce humaine. En effet, les gens ont tous les idées de s'anéantir. C'est pour cette raison que la maladie d'amour s'étend de plus en plus. Si les gens continuent à mourir cette idée, alors la base de la vertu et la dignité d'un être humain sera inimaginable. Si on veut restaurer cette vie-ci ou modifier cette grande calamité, alors les gens doivent éliminer toute la convoitise et rompre l'affection, ils ne doivent pas usurper la relation ou importuner l'homosexuel mais ils doivent restreindre, respecter et vénérer l'homosexuel.

De plus, quand on met au monde des enfants, il faut bien les élever afin qu'ils ne se droguent pas, qu'ils ne prennent pas de produits d'alcoolisés, qu'ils ne jouent pas aux jeux du hasard qu'ils ne vont pas sans but pour se livrer aux débauches ou ils veulent manger bien et ils ne veulent pas travailler. C'est pour cette raison qu'il faut bien éduquer les enfants pour qu'ils ne soient pas gâtés, tuent les gens ou mettre le feu. Pourquoi la jeunesse aujourd'hui est-elle si violente ? C'est à cause des parents, ils savent seulement mettre au monde des enfants mais ne savent pas les éduquer. Ainsi, il y a un proverbe qui dit :

"L'enfant mal éduqué est la faute du père,

Eduqué sans sévérité est la faute du maître".

C'est pour cette raison qu'il faut résoudre le problème à partir de la racine, on ne doit pas prendre l'initiative ou encourager l'homosexualité. Si l'être humain ne modère pas ses désirs, alors à l'avenir, le monde entier sera détruit. Pourquoi ? Parce que les homosexuels ne peuvent pas faire des enfants. Le principe mâle et la lutte de ce principe causeront des maladies incurables. Mais la plupart des gens refusent d'accepter, ils bouchent les oreilles pour voler la cloche. Il y a des gens qui disent : "Si on met deux souris mâles dans une cage, jour après jour, ils feront naître un comportement homosexualité. Mais, l'être humain est un être à l'esprit parmi des animaux, pourquoi

imite-il l'espèce animale ? L'éducation héréditaire asiatique d'aujourd'hui est s'instruire l'enfant la manière de vivre comme la pitié filiale, la loyauté, la fidélité, le dévouement, la politesse, la pudeur, la honte, les huit vertus. Pour cela :

"Choisissez et suivez le bien. Si ce n'est pas le bien, transformez-le ;

Avancez ! Si c'est la bonne voie. Si ce n'est pas la bonne voie, alors reculez !"

Mais, la société occidentale est aveuglée par la liberté, elle méprend la liberté, alors on peut dire que si on n'éduque pas l'enfant à bas âge, on ne nourrit pas les vieux, "c'est un problème renversé". Si on n'élève pas l'enfant, pourquoi on le met au monde ? Si les parents qui mettent au monde des enfants, mais ils ne les aiment pas, ne prennent pas soin d'eux, alors ils ne font que créer le mauvais Karma.

Dans la société occidentale, on rejette les personnes âgées, on ne les respecte pas, ne les aiment pas. C'est pourquoi le proverbe qui dit : "Le vieux n'est pas nourri. Comme les vieux se regroupent dans un endroit, les forts sont utiles et les jeunes vont à l'école". Les personnes qui ont environ cinquante ans, s'ils n'ont pas la soie, ils ne seront pas bien vêtus, si les soixantaines n'ont pas la viande pour manger, ils ne seront pas rassasiés. La viande contemporaine n'est pas la même chose que celle d'aujourd'hui qui a plein de poison. Lorsqu'on est vieux, on a les yeux flous, les oreilles deviennent sourdes, les dents se détachent, c'est vraiment de pitoyable ! La plupart des gens prennent bien soin ses enfants pour compter sur eux, quand ils seront vieux, ce n'est pas une question égoïsme. En effet, quand on est vieux, c'est le tour des enfants de s'occuper de nous. Sinon, pourquoi les met-on au monde ? Pourquoi se marie-t-on ? Alors, il n'y a pas du tout de sens. Certains parents estiment qu'il faut laisser les enfants se développer à leur guise. Si c'est comme ça, parmi dix milles personnes, il n'y aura qu'une ou deux personnes qui seront explicite. C'est exact, il y a des gens qui ont compris la vérité dès qu'ils sont nés. Mais tout le monde ne choisit pas le bien pour suivre. Si on met au monde des enfants et on ne les éduque pas, on les laisse grandir librement, le résultat sera : " Près de l'encre c'est du noir, près de la chaîne c'est du rouge, teindre en jaune c'est du jaune".

Pourquoi les jeunes adolescents occidentaux ont-ils le grave problème de la drogue ? Parce que quand ils sont à l'école primaire et secondaire, ils se rapprochent des gens drogués. C'est pour cette raison qu'ils entretiennent les mauvaises habitudes. Ils se vantent encore que la drogue leur rendra intelligents et c'est un véritable plaisir. Mais, en réalité, elle

abrège leur vie. Une fois que l'enfant touche à la drogue, il est comme entrer dans le Samadhi de démon qui n'est pas du tout la force du Samadhi. Ainsi les jeunes adolescents marchent sur la route de la liberté, à la fin, ils entrent dans la voie de la mort. Cela s'appelle méprendre la liberté et refuser totalement la liberté.

De plus, aujourd'hui, l'école primaire, le collège et le lycée ne sont pas comme autrefois. Ceci est la grande cause première qui entraîne une éducation anéantie. En réalité tout est totalement dans l'erreur ! Il faut absolument éduquer les enfants, qu'ils n'abusent pas les gens, qu'ils aient l'amour-propre, qu'ils gardent le corps comme une perle et il ne faut pas les laisser regarder la télévision matin au soir.

Si on laisse un enfant de cinq ou six ans regarde la télévision toute la journée, il va apprendre et imiter les mauvaises actions des hommes et des femmes. Qu'est ce que cet univers ? Quel genre de liberté ?

A l'école, beaucoup de professeurs n'ont pas de principes fondamentaux pour les élèves. Tandis qu'ils conseillent aux élèves à apprendre des métiers qui peuvent gagner beaucoup d'argent ; par exemple, dans le domaine de la médecine ou dans le domaine scientifique, en dehors de ces domaines tout est inutile. Pourquoi dit-on que l'éducation est détruite ? Parce que tout le monde abandonne la racine et poursuit la cime. Autrefois, si on n'est pas pieux envers ses parents, on appelle ceci oublier la racine. Non seulement on ne l'oublie pas, mais on estime qu'on a plus besoin d'elle. L'être humain ne sait qu'entretenir les intérêts et ne sait pas comment rendre grâce, il ne pense qu'à manger, qu'à se livrer aux débauches, qu'à se jouir et il ne fournit rien à ses parents. Un arbre qui n'a pas la racine est un arbre mort. Une personne qui n'a pas d'origine est une personne morte. Aujourd'hui, les êtres vivants comme un morceau de viande qui sait marcher. Ils ne pensent que chercher les profits personnels et ils oublient la personnalité, les diplômes intéressent beaucoup aux élèves. En effet, les élèves appliqués sont récompensés par des professeurs, ils ont appris comment faire pour être toujours premiers. Ils achètent la réputation et la louange. Ceci n'est-il pas une éducation détruite ?

Certains n'écoutent pas ce que je dis, mais je ne peux pas garder le silence. Je suis le porte-parole du Jésus Christ, du Bouddha, de l'Allah . . .

Si le sujet cité au-dessus ne regarde que moi, alors je ne dirai rien. Mais, il s'agit le point essentiel pour l'espèce humaine, la question de subsister ou de disparaître. C'est pourquoi, peu importe s'il y a des gens qui écoutent ce que je dis ou qui n'écoutent pas, je dois dire la vérité.

APPRENONS A UTILISER LES SIX ORGANES DU SENS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Quand les gens se dégènèrent jusqu'aux enfers, jusqu'aux spectres affamés ou animaux, c'est du tout à cause de leurs yeux, oreilles, nez, langues et esprits. Et puis à nouveau, si vous montez aux cieux pour devenir un dieu ou si vous êtes capable de devenir un Asura ou renaître parmi des humains, c'est aussi à cause de ces six organes de sens et rien d'autre. Et même en s'avancant sur les chemins des sages -- les Arhats, les Bouddhas, les Prateykas, les Bodhisattvas ou même les Bouddhas -- C'est aussi à cause des six organes de sens et rien d'autre.

Comment ces six organes de sens peuvent-ils exercer un tel pouvoir incroyable sur nous et nous faire sombrer dans les enfers ou monter dans les cieux ? Comment peuvent-ils nous faire devenir soit Bouddhas ou esprits ? En réalité, ils n'ont pas le principal contrôle sur nous. Plutôt, parce que nous ne savons pas comment les utiliser, nous sommes manipulés par eux.

Fondamentalement, nous devrions tous devenir des Bouddhas, mais comment se fait-il que nous ne puissions pas l'être et que nous devenions des spectres à la place. Le problème peut-être comparé à un conducteur d'automobile. Si le conducteur ne connaît pas bien la route, il peut se perdre. Ou s'il ne sait pas comment conduire, il peut se détourner de sa route et risquer de sombrer dans l'océan. Il pourrait y avoir un tel accident grave que la voiture et la personne, plongent dans l'océan qu'il y a noyade. Ou le conducteur connaît avec assurance la route, mais il décide d'aller à la place dans les montagnes, mais les routes là-bas sont étroites et exigües, il peut s'écarter de la route, faire un faux mouvement et tomber de la falaise, le conducteur perd connaissance et peut être écrasé ou blessé mortellement. Si quelqu'un ne sait pas comment conduire une voiture, mais essaie quand même de la conduire d'une manière incertaine, il est probable que les accidents se produisent et les gens peuvent perdre leur vie.

Maintenant, en reliant cette analogie avec ce qui se passe à notre nature efficace, nous trouvons que le conducteur d'automobile est comme les êtres qui ne savent pas comment utiliser leurs six organes de sens. Fondamentalement, le conducteur a le

potentiel de manier la voiture dans tous genres de situations sans accident. D'ailleurs, notre nature efficace a une capacité illimitée. Seulement lorsqu'elle s'embourbe dans les sacs à peau nauséabonde que nous appelons "corps" elle devient confuse et est incapable de distinguer le Nord du Sud, l'Est de l'Ouest. Elle devient totalement désorientée et perd toutes ses qualités spéciales. Et alors bien qu'elle pourrait échouer pour devenir un Bouddha à la place, elle se dissipe dans les enfers. Originellement, cette efficace nature de Bouddha devrait développer rapidement en un Bodhisattva. Mais une fois embourbées dans nos corps, elle perd ses supports et peut finir dans le corps d'un animal.

Au fond, les disciples du Bouddha devraient pratiquer et transcender le triple monde, mais au contraire ils retournent en arrière dans les trois mauvais chemins -- les enfers ou les esprits affamés ou les animaux. Pourquoi ? Simplement parce qu'ils ne savent pas comment conduire une voiture. Ils sont tous liés par les six organes du sens et pris au piège dans une prison des cinq Skandhas (la forme, le sentiment, la réflexion, l'activité et la conscience).

Ceci est comme une personne qui marche dans l'obscurité. Incapable de voir où elle va, elle peut facilement prendre la mauvaise route ou tomber d'une falaise. D'ailleurs, la nature efficace rend tout obscur et il est impossible de voir où elle se dirige. Résultat, les êtres errent dans les mauvais chemins. Dans ce monde, les dix milles choses parlent tout le Dharma pour nous. Si nous les comprenons, alors tout ce qui se passe est la doctrine du Bouddha ; si nous ne les comprenons pas alors tout ce qui se passe est simplement le Dharma de ce monde. Si nous reconnaissons ce qui se passe, alors nous dépassons le monde ; si nous ne comprenons pas les innombrables Dharmas, alors nous tombons dans la confusion. C'est juste la question qu'il en soit ou non que nous que nous n'avons pas de sagesse. Si une personne a la sagesse, alors que les problèmes s'élèvent, elle peut les résoudre et les dépasser. Si elle n'a pas de sagesse, alors elle s'embourbe dans toutes sortes d'obstacles et d'entraves.

L'ESSENCE POUR VOTRE PROPRE NATURE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

La plupart des gens disent que nous avons besoin de manger et boire pour soutenir le corps. Mais cela se rapporte au soutien du corps physique. Nous pouvons ne pas être courant que nous avons besoin aussi de manger la lumière de la sagesse de la nature du Bouddha. La plupart des gens ne comprennent pas ce principe. Une simple analogie pourrait aider à l'expliquer. Les gens ont besoin de nourriture pour maintenir leur corps juste comme une voiture a besoin d'essence pour démarrer son moteur. La nourriture et la boisson ordinaires que nous consommons seulement nourrissent le gros corps physique. Mais il y a certains pratiquants de la voie qui n'ont ni besoin de manger, ni boire et pourtant ils peuvent vivre. Pourquoi en est-il ainsi ? Parce qu'ils mangent la lumière de la sagesse des Bouddhas et pour eux cela agit comme l'alimentation. Même ceux d'entre nous qui supportons la nourriture grasseuse, se nourrissent aussi de la nature efficace des Bouddhas et de la lumière de la sagesse.

Comment la lumière de la sagesse des Bouddhas entre-t-elle dans nos corps ? Pendant la journée, nous travaillons et dépensons beaucoup d'énergie. La nuit nous sommes très fatigués, alors nous nous reposons. Quand nous nous reposons, tous les pores dans nos corps s'ouvrent et s'unissent à la lumière de la sagesse des Bouddhas et ainsi nous nous remplissons. La nature efficace des Bouddhas est versée dans nos corps et nous remplit. Le jour suivant quand nous nous réveillons, nous nous sentons reposés et alertes, empreint de lumière, bonheur et d'énergie. La reanimation ne résulte pas de la permission du corps physique et aussi de prendre une pause, mais elle vient d'être remplie de la lumière des Bouddhas.

Puis alors quelqu'un pense, "Si vous vous remplissez de la lumière du Bouddha quand vous dormez, alors je pense que vous dormirez tout au long du jour pour en avoir plus !" Bien que cela ne marchera pas. C'est une mauvaise approche. Pourquoi ? Parce que quelle que soit la quantité de la lumière de la sagesse que vous pouvez obtenir c'est déjà beaucoup plus que vous ne pouvez en avoir. Quand vous êtes assouvi, vous ne pouvez plus en mettre, juste comme une voiture qui ne peut plus contenir d'essence quand le réservoir est plein ou c'est comme si également vous essayez de

faire entrer plus de gaz que le réservoir peut en contenir, c'est comme courir sur la terre.

Avoir trop de sommeil c'est la même manière. Vous finissez par avoir un grand mal de tête. Par exemple, si après vous êtes rempli de la lumière de la sagesse des Bouddhas, vous continuez à dormir, que vous commencerez à rêver. Eh bien en rêvant vous épuiserez la lumière de la sagesse et vous la gaspillerez.

Ce processus entier n'est pas quelque chose que les gens peuvent voir de leurs yeux ordinaires. Mais les gens qui pratiquent la voie deviennent sensible à ces divers niveaux d'énergie. C'est pourquoi ils méditent souvent pendant ce temps, ils ajoutent l'essence et se remplissent eux-mêmes de la lumière du Bouddha.

Quelqu'un entend ceci et dit, "Eh bien, je ne dormirai pas tout le temps, mais si nous pouvons ajouter la lumière de la sagesse en méditant, alors peut être je devrais méditer tout le temps. J'ajouterai beaucoup de méditation". C'est aussi une mauvaise attitude. Ce genre de réflexion incite la cupidité. La cupidité fait courir les gens d'Est en Ouest, du Nord au Sud ; ils courent en tous lieux en cherchant les choses et résultat ils gaspillent une énorme quantité d'essence. Ces gens deviennent plus stupides et ont l'esprit lourd. Ils courent çà et là cherchant des Dharmas secrets, des ruses ésotériques pour "l'illumination instantanée". Parce que leur cupidité est insatiable et plus ils regardent dehors, plus ils deviennent stupides. Ces gens deviennent éventuellement des souris. Les souris étaient des personnes très avides dans le passé ; maintenant elles renaissent en tant que souris. Elles sont secrètes. Comment savons-nous quelles sont secrètes ? Parce qu'elles sortent seulement la nuit quand personne n'est là. Elles font tout en cachette, à l'abri des yeux.

Le principe de l'essence spirituelle que j'ai expliqué n'est pas une analogie superficielle ni un discours purement métaphysique. Vous pourriez dire que c'est un principe spirituel et divin aussi que quelque chose que même les frontières de la science doivent encore sonder et qui les meilleurs esprits analytiques devraient être durs à comprendre. C'est quelque chose que les scientifiques n'ont pas découvert et ne peuvent pas y imaginer. En fait, c'est quelque chose qu'ils ne pouvaient même pas envisager dans leurs rêves.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

LA NAISSANCE DE LA BONTE
Le Maître a construit une école gratuite et a servi comme Maître. En ce temps, une épidémie "d'ulcères de cheveux des moutons" s'étendait partout dans le village et huit ou neuf étudiants du Maître étaient contaminés de cette maladie douloureuse. Heureusement, le Maître savait comment prendre soin d'eux et ils étaient vite complètement guéris. Mais ensuite le Maître tomba malade et personne ne pouvait pas le guérir. "Depuis ma naissance", il dit, "J'ai consacré ma vie à faire le travail des Bouddhas et des Bodhisattvas et s'ils ne me trouvent plus utile, je mourrai avec plaisir. S'ils ont encore besoin de moi, je serai guéri sans traitement médical".

Cette nuit là, le Maître réveilla d'une sérieuse sensation étouffante dans sa gorge. Il toussait dur et crachait plusieurs blocs de "laine" et sa maladie était guérie. A partir de cela nous savons que le Maître a réellement la responsabilité du Dharma ses Tathagatas.

Un jour, un membre de la Société Local de la Voie Vertu devint tout à coup fou. Elle avait été possédée par un esprit de renard et son visage et sa voix se changeaient, "Je suis un grand immortel jaune", elle était furieuse. "Parce que vous ne me rendez pas la vénération, je suis venue vous punir". Le vice-président, le directeur et le Maître conférencier tous essayaient de raisonner avec elle, mais ils ne pouvaient pas la contrôler. Le Maître s'avança d'un grand pas et déclarait, "La Société de la Voie de la Vertu est établie selon le décret du ciel et en la dérangeant, vous contredites la volonté du ciel. Pour cette raison, je dois maintenant agir au nom du ciel pour vous réprimander. Vous ne pouvez pas échapper".

L'esprit du renard essaya de bouger mais ne pouvait pas. Terrifié, la femme s'agenouillait devant le Maître demandant la compassion, "laissez moi partir", l'esprit du renard lui parlait, "et je ne dérangerai jamais la Société de nouveau." Puisque vous admettez votre faute", dit le Maître, "vous pouvez aller. Si vous l'essayez encore, il n'y a pas de grâce". L'esprit du renard salua et partit.

C'est vrai que la loi du ciel est absolument juste et peut seulement être tenue par les vertueux.

La conduite filiale du Maître était respectée par tous, et il était élu pour succéder Sun Sheng Mao, comme président de l'Association de bienfaisance. Monsieur Shao, l'ami du Maître avait été le vice-président mais il tournait son dos à la réalité et brisait le précepte avec la consommation du produit alcoolisé.

Bien que tout le monde l'encouragea de reprendre ses fonctions, il refusait. Quand le Maître entendait dire ceci et dit, "j'essaierai de le persuader de retourner, mais si j'échoue, je me tuerai et ne rentrerai jamais dans ce monde souillé. Monsieur Shao, agité par la bonne volonté du Maître pour sacrifier sa chère vie pour un ami, repentirait de son erreur et reprenait ses fonctions comme avant.

Comme le chef de l'Association de la Voie de la Vertu, le Maître n'encourageait non seulement les autres à pratiquer la voie, mais il le fit lui-même. Sa grande vertu et son désintéressement étaient admirés par la communauté entière. Il travaillait pour construire des écoles gratuites et des salles de rencontre où il faisait conférence contre l'alcool, le tabac et la drogue. Il travaillait inlassablement pour l'intérêt des autres et ne pensait jamais à lui.

Un jour, sous un arbre, il lisait de la conduite vertueuse de Chang Ya Hsuan et était si impressionnée qu'il a fait un serment, "Ciel", dit-il, "Je suivrai certainement l'exemple du Chang Ya Hsuan".

Cette nuit là, un démon est venu tester le vœu du Maître. Une belle femme entra secrètement la chambre du Maître et lui tentait de sa beauté et de son argent. Puis au dépourvu, pendant un instant, l'esprit du Maître se troublait, mais il retrouvait son sang-froid et pensait, "Elle a été envoyée pour tester ma sincérité". Il récitait le nom du Bouddha, se recueillait et puis parlait à la fille "En tant qu'un membre de l'Association de la voie Vertueuse", dit-il, vous devriez comprendre le principe de la cause et de l'effet. Maintenant aimeriez-vous être né dans le ciel ou préféreriez-vous aller en enfer ?" "Je veux aller au ciel bien sur", dit-elle.

"Alors, vous ne devez pas agir de cette manière, dit le Maître, parce que si vous continuez, vous irez certainement en enfer".

En entendant ceci, elle avait grandement honte, demandait pardon et partit.

Le Maître était entré dans l'Association de la Voie Vertueuse lorsqu'il avait seize ans et dès qu'il avait dix sept ans, il enseignait soixante à soixante dix hommes et femmes, beaucoup d'entre eux étaient entre deux âges.

En enseignant, le Maître essayait toujours de simplifier les problèmes, alors ils pouvaient être facilement compris. Une telle difficulté était les peaux de la pomme de terre. Chaque fois un repas était tenu à l'Association de la Voie Vertueuse, les membres ne mangeaient pas les peaux de la pomme de terre.

Le Maître avait expliqué les bénéfices du manger ce que les autres ne peuvent pas manger et du travail ce que les autres ne peuvent pas faire. Mais son enseignement était entré dans une oreille et sorti dans l'autre et ses étudiants ne prêtaient pas du tout attention à cela.

Une fois, quand les membres étaient en train de manger les pommes de terres et comme d'habitude crachaient les peaux sur le plancher jusqu'à ce que l'endroit en fût encombré, le Maître prit un bol et allait autour pour ramasser toutes les peaux. Ensuite il les mangeait. Ses étudiants étaient extrêmement embarrassés de voir leur Maître manger ce qu'ils avaient eux-mêmes marché et craché. La leçon du Maître de manger ce que les autres ne peuvent pas manger finalement était retenu. Ses étudiants repentissaient et changeaient leurs manières.

Quand il avait dix sept ans, le Maître rencontra un vieux pratiquant qui pouvait méditer pendant un ou deux jours de suite, mais qui s'attachait à sa posture assise. Un jour, le pratiquant marchait sur une petite souris planche accidentellement et le tua et bientôt il est devenu fou et ne pouvait plus entrer dans le Samadhi. Il demanda le Maître pourquoi et il avait dit c'est parce qu'il avait marché sur le souris.

"Que ferai-je ?" Demanda le pratiquant.

"Laissez-le s'en aller", dit le Maître.

"Mais je ne sais pas comment". Le pratiquant dit.

Le Maître faisait un petit "travail" et libérait la souris. Le pratiquant regagnait son habileté et une fois plus entra dans le Samadhi. En appliquant la voie, on doit être très prudent.

(à suivre)

LES TERMES BOUDDHISTES : A Définir :

Dharma : Terme Sanscrit, dérivé de la racine dhri qui signifie "contenir, supporter". Le Dharma est 1. La base, au sens de l'ordre du monde et de la loi cosmique qui s'exprime notamment dans le cycle

des renaissances. 2. La doctrine et les enseignements du Bouddha qui, le premier, comprit la loi cosmique et la formula. 3. Les règles éthiques. 4. Les phénomènes. 5. Les contenus psychiques. 6. Les facteurs existentiels de notre personnalité empirique. Compris au sens de la doctrine, le Dharma possède deux aspects. On distingue le Dharma des Ecritures qui est le support des enseignements et le Dharma de la réalisation résultant de la pratique spirituelle et qualité de sublime car il a la capacité de délivrer les êtres de la souffrance et de ses causes. En Tibétain, Dharma est traduit par "chos" qui signifie littéralement transformation, le chemin vers l'éveil étant essentiellement un chemin de transformation.

Sangha : La communauté des pratiquants (à partir de quatre moines) qui vivent en conformité avec le Dharma du Bouddha.

Karma : Mot Sanskrit signifiant "action". Concept métaphysique commun à toutes les philosophies religieuses de l'Inde. Désigne la rétribution des actes ou la loi universelle de causalité qui détermine la destinée des êtres. Une cause produit son effet lorsque les circonstances sont parvenues à maturité. La métaphore la plus commune pour décrire le karma est celle de la semence et du fruit.

Mantra : Les paroles secrètes du Bouddha. Manifestation sonore de la réalité éveillée. Les mantras sont des supports de méditation et de visualisation. Ils protègent l'esprit qui pratiquant des habitudes de pensée ordinaires et contiennent des énergiques de transformation qui agissent sur le corps subtil.

Mudra : Sceau, signe ; dans l'iconographie Bouddhiste, chaque Bouddha est caractérisé par un geste symbolique des mains. Ces gestes accompagnent les rituels et les cérémonies ainsi que les méditations ou visualisations pendant lesquelles le méditant s'identifie à la déité.

Nirvana : Littéralement "non-production non-extinction"; en Tibétain, *myang das*, "au-delà de la souffrance".

Sutra : Littéralement "fil conducteur". Paroles du Bouddha, transmises oralement par ses disciples, transcrites ensuite dans la "deuxième corbeille" du canon Bouddhique, en Sanskrit et en Pali, puis dans les traductions chinoises et tibétaines. Les Sutras sont des textes en prose, introduits par la formule: "Ainsi ai-je entendu", qui est attribuée à Ananda, un des premiers disciples, contemporain du Bouddha.

(à suivre)

PARTICIPATION DANS LA PROPAGATION DE L'ENSEIGNEMENT DU BOUDDHA BÉNÉVOLEMENT

Nom et prénom
L'adresse :
Tel :

- Taper les Sutras en français.
- Traduire les Sutras en Anglais en Sutras français.
- Corriger les Sutras en Français.
- Imprimer la revue Bouddhadharma.
- Imprimer les Sutras en français et en vietnamien.

PHÁT TÂM GÓP CHÚT CÔNG SỨC VÀO SỰ VIỆC HOẰNG PHÁP

Họ và tên :
Địa chỉ :
Điện thoại :

PHÁT TÂM :

- Đánh máy Kinh tiếng Việt.
- Đánh máy Kinh tiếng Pháp.
- Sửa Kinh Văn tiếng Pháp.
- Dịch Kinh từ tiếng Tàu ra tiếng Việt.
- Dịch Kinh từ tiếng Anh ra tiếng Pháp.
- In và ấn loát báo Phật pháp.
- Kỹ thuật về máy vi tính.
- In Kinh tiếng việt và tiếng Pháp.
-

Về Chùa Bằng Auto

Từ Lille về Paris lấy hướng Paris-Est Bobigny, **sortie Bobigny**, theo hướng Bondy-EDOUARD VAILLANT (đừng vào Centre Ville), đến ronde-point Place St Just theo hướng Drancy-EDOUARD VAILLANT quẹo phải trên đại lộ Ave. Edouard Vaillant, khoảng vài trăm mét quẹo phải đường rue de Téheran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Từ Paris sortie Porte de Pantin, lấy Nationale 3, hướng Bobigny, đến ronde-point Place St Juste, theo hướng DRANCY - EDOUARD VAILLANT (đừng vào Centre Ville), quẹo phải trên đại lộ Ave. Edouard Vaillant, quẹo phải đường rue de Téheran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Từ vùng Marne La Vallée lấy A. 86 hướng Lille-Bobigny, sortie Bobigny (đừng vào Centre Ville), gặp đèn đỏ thứ nhất quẹo phải, cứ chạy thẳng, ra đại lộ Ave. Edouard Vaillant, quẹo trái đường rue de Téheran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Về Chùa Kim Quang bằng Métro

Lấy Métro M 5, hướng Pablo Picasso (Bobigny), đến **terminus** xuống. Lấy xe Bus số 134 hoặc 234 hướng **Bondy** hoặc hướng **Mairie Livry-Gargan**, xuống trạm **Ave. Marcelle**, đi thẳng hơn một trăm thước, quẹo phải đường rue de Téheran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Hiện tại tôi giảng về Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm cho các vị. Trong trăm ngàn muôn kiếp chưa có ai giảng giải và dù có giảng qua một lần cũng chẳng phải là việc dễ dàng. Pháp hội giảng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm này rất hiếm có, vì khó mà gặp được. Khi giảng giải, tôi biết rõ rằng không ai hiểu rõ những điều đã giảng. Dù có người nghĩ rằng họ hiểu rõ, nhưng thật ra họ không hiểu. Có người đã nghĩ rằng họ đã hiểu, nên không chú ý, nhưng rọ cũng chẳng hiểu gì cả.

Trong Phật giáo, Thần Chú Lăng Nghiêm được xem là bài Chú quang trọng nhất, vì là vua trong các Thần Chú, cũng là Thần Chú dài nhất. Thần Chú này quan hệ đến việc thanh suy của Phật giáo. Nhờ linh văn của Thần Chú Lăng Nghiêm mà trời đất không bị đoạn diệt. Linh Văn Thần Chú Lăng Nghiêm duy trì được việc thế giới tránh ngày tận thế. Đó là lý do tại sao tôi thường bảo rằng "*nếu còn một người tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm thì thế giới và Phật pháp không bao giờ bị huỷ diệt. Ngược lại nếu không còn người nào tụng nữa thì thế giới sẽ nhanh chóng bị huỷ hoại vì chánh pháp không còn trụ thế*".

Hiện tại có một hạng thiên ma ngoại đạo bảo rằng Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm là giả. Chúng sai ma con và ma cháu xuống rao đồn những tin thất thiệt để khiến cho con người không tin vào Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm nữa. Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm là một bộ Kinh Chú rất quan trọng cho việc tồn vong của chánh pháp. Đức Phật nói Kinh Lăng Nghiêm là vì Thần Chú Lăng Nghiêm. Không cách chi nói hết sự quan trọng thiết yếu của Kinh và Chú Lăng Nghiêm, cho đến hết thuở vị lai cũng chẳng cách chi nói hết công đức và diệu dụng của Kinh và Chú Lăng Nghiêm, do đó bộ Kinh Chú này thật không thể nghĩ bàn. Nói chung Kinh Lăng Nghiêm là tán thán khen ngợi Chú Lăng Nghiêm. Nếu chỉ còn một người trì tụng Chú Lăng Nghiêm thì thiên ma ngoại đạo không dám công khai xuất đầu lộ diện, vì chúng sợ nhất là Chú Lăng Nghiêm. Nếu không còn ai tụng thuộc lâu Chú Lăng Nghiêm thì yêu ma quỷ quái sẽ xuất đầu lộ diện. Chúng làm những chuyện tồi bại mà người đời không bao giờ nhận ra. Hiện tại vì còn người tụng thuộc Thần Chú này nên yêu ma quỷ quái không dám xuất hiện nơi thế gian. Do đó nếu muốn giúp thế giới không bị huỷ hoại thì phải mau trì tụng Chú Thủ Lăng Nghiêm và tụng Kinh Lăng Nghiêm để giúp cho chánh pháp được trụ lại thế gian lâu dài.

Hoà Thượng Tuyên Hoá